

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

- Mã chứng khoán: **ACB**
- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ: (+84) (028) 3929 0999

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 09/4/2026, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

3. Biên bản họp và nghị quyết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 10/4/2026 tại đường dẫn <https://acb.com.vn/nha-dau-tu>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

mkk

Đại diện tổ chức

Người ủy quyền công bố thông tin



Dàm Văn Tuấn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPHDQT, VPTGD.

Đính kèm:

- 01 biên bản họp;
- 15 nghị quyết.

Số: 97/CVNB-ĐHĐCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 (NĂM TÀI CHÍNH 2025)
NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**A. TỔNG QUÁT****1. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp:**

- Tên: Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Địa chỉ trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.
- Mã số doanh nghiệp: 0301452948.

2. Thời gian: Từ 08 giờ 30 phút, thứ Năm ngày 09 tháng 4 năm 2026.**3. Địa điểm:** Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.**4. Thành phần tham dự**

- Cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).
- Khách mời: Đại diện của các cơ quan chức năng:
 - Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 2;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
 - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, CN TP. Hồ Chí Minh;
 - Đại diện kiểm toán độc lập (Công ty TNHH KPMG (Việt Nam)).
- Hội đồng quản trị ACB (HĐQT): Hiện diện 7/9 thành viên, gồm các ông/bà: Trần Hùng Huy, Trịnh Bảo Quốc, Hiệp Văn Võ, Đặng Thu Thủy, Nguyễn Văn Hòa, Đỗ Minh Toàn và Đàm Văn Tuấn.
- Ban kiểm soát ACB (BKS): Hiện diện 3/3 thành viên, gồm các ông/bà: Huỳnh Nghĩa Hiệp, Nguyễn Thị Minh Lan và Hoàng Ngân.
- Tổng giám đốc Từ Tiến Phát và các thành viên Ban điều hành ACB.

B. TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI**1. Kiểm tra túc số cổ đông:**

- Ông Lê Thanh Hải, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và đọc Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:
- Tính đến ngày 02/3/2026 (ngày chốt danh sách cổ đông chính thức được quyền tham

dự ĐHĐCĐ thường niên), ACB có 108.632 cổ đông, tương ứng số cổ phần có quyền biểu quyết do ACB phát hành là 5.136.656.599 (*Bằng chữ: Năm tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi chín*) cổ phần.

- Tính đến thời điểm khai mạc Đại hội lúc 08 giờ 28 phút ngày 09/4/2026, tổng số lượng cổ đông tham dự và được ủy quyền hợp lệ tham dự là 670 (*bằng chữ: sáu trăm bảy mươi*) cổ đông, số cổ phần đại diện tương ứng là 2.748.808.475 (*bằng chữ: hai tỷ, bảy trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm lẻ tám ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm*) cổ phần, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng là 53,54%.

2. Tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ACB (cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết), phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của ACB là hợp pháp, hợp lệ, đủ điều kiện để tiến hành và các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành.

C. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Giới thiệu Chủ tọa đoàn.

- Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa;
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng BKS;
- Ông Từ Tiến Phát, Tổng giám đốc.

2. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu khai mạc.

3. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội: Bà Phan Lạc Kim Trinh, Thư ký công ty.

4. Thông qua chương trình họp Đại hội.

- Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên HĐQT, Trưởng Ban tổ chức Đại hội, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa, giới thiệu chương trình họp Đại hội.
- ĐHĐCĐ biểu quyết chương trình họp Đại hội bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành là 100%; không tán thành là 0%; và không có ý kiến là 0%.

5. Thông qua thành phần Ban kiểm phiếu.

- Ông Đàm Văn Tuấn, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm Trưởng Ban là ông Nguyễn Hồng Tân (Cố vấn pháp lý ACB), và các thành viên là ông Võ Trường Thọ (Giám đốc Phòng Tuấn thủ) và bà Đặng Thị Luyện (Giám đốc chức năng Khối QLRR ACB).
- ĐHĐCĐ biểu quyết thành phần Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành là 100%; không tán thành là 0%; và không có ý kiến là 0%.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

1. Ông Đàm Văn Tuấn, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa, đọc **Tờ trình về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.**
2. **Cổ đông biểu quyết về Quy chế biểu quyết bằng tờ biểu quyết.**
3. **Trình bày các báo cáo và tờ trình.**

Ông Đàm Văn Tuấn, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa, trình bày các báo cáo và tờ trình liệt kê dưới đây; riêng báo cáo số (2) do ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng BKS trình bày:

- (1) Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và định hướng, kế hoạch năm 2026;
 - (2) Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2025;
 - (3) Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026;
 - (4) Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
 - (5) Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026;
 - (6) Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
 - (7) Tờ trình về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026;
 - (8) Tờ trình về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026;
 - (9) Tờ trình về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027;
 - (10) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - (11) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ;
 - (12) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - (13) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
 - (14) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Đề án thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.
4. **Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết về Quy chế biểu quyết.**

Kết quả: ĐHĐCĐ thông qua Quy chế biểu quyết. *(Biên bản kiểm phiếu về Quy chế biểu quyết đính kèm.)*

5. Đại hội thảo luận các vấn đề tại Mục II.3

Cổ đông nêu ý kiến và đặt câu hỏi liên quan đến các nội dung về chiến lược phát triển ACB giai đoạn 2025 – 2030; cập nhật kết quả kinh doanh quý 1/2026; hoạt động kinh doanh của mảng khách hàng doanh nghiệp lớn và FDI; khả năng IPO công ty ACBS; hiệu quả hoạt động (dự kiến) của công ty bảo hiểm phi nhân thọ; nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2025 và việc chia cổ tức năm 2025 giảm so kế hoạch, chính sách chia cổ tức của ACB trong thời gian tới.

Chủ tọa đoàn đã giải đáp đầy đủ ý kiến và câu hỏi của cổ đông. Nội dung thảo luận chi tiết được trình bày tại Biên bản họp ĐHĐCĐ được công bố trên trang thông tin điện tử của ACB.

6. Nội dung phát sinh ngoài chương trình nghị sự đã được thông qua: Không có.**7. Trường ban Thẩm tra tư cách cổ đông cập nhật số lượng cổ đông tham dự Đại hội.**

Vào lúc 10 giờ 26 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là 1.084 (bằng chữ: một ngàn không trăm tám mươi bốn) cổ đông, đại diện cho 3.245.157.149 (bằng chữ: ba tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi chín) cổ phần, tương ứng với 63,18% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8. Cổ đông biểu quyết 14 vấn đề tại Mục II.3 bằng tờ biểu quyết.**9. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.****10. Trường Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết 14 vấn đề tại Mục II.3 (Biên bản kiểm phiếu 14 vấn đề tại mục II.3 đính kèm.)****11. Nghị quyết ĐHĐCĐ.****11.1** Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)**11.2** Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng, kế hoạch năm 2026 của Ngân hàng TMCP Á Châu, với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) như sau:

- Tổng tài sản tăng 16%;
- Dư nợ tín dụng tăng 16% (không vượt quá hạn mức tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt);
- Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá: tăng 16%;
- Lợi nhuận trước thuế tăng 14%;
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 – nhóm 5) dưới 2%.

11.3 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Ngân hàng TMCP Á Châu. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)**11.4** Thông qua toàn văn Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm

2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

- 11.5** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 24/02/2026 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) kiểm toán. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội và Báo cáo tài chính đăng trên trang thông tin điện tử www.acb.com.vn.)
- 11.6** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

(1) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2025	19.538.776.387.455
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.914.077.777.994
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	15.624.698.609.461
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	14.519.367.319.426
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	2.893.493.584.021
4a	Quỹ DTBSVDL của ACB (3a x 10%)	1.451.936.731.943
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB [10% x (3a - 4a)]	1.306.743.058.748
4c	Quỹ của các công ty con	34.813.793.330
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	100.000.000.000
5	Lợi nhuận 2025 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	12.731.205.025.440
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	12.467.107.490.059
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2025 (5+6)	25.198.312.515.499
8	Vốn điều lệ ACB	51.366.565.990.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.136.656.599
10	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2025	5.136.656.599
11	Chia cổ tức năm 2025 (20%: cổ phiếu 13%, tiền mặt 7%)	10.273.313.199.300
12	Lợi nhuận còn lại (7-11)	14.924.999.316.199

(2) Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của tập đoàn ACB năm 2026	22.338.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.467.600.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	17.870.400.000.000

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	16.029.600.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	3.316.672.000.000
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	100.000.000.000
5	Lợi nhuận 2026 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	14.553.728.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	14.924.999.316.199
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2026 (5+6)	29.478.727.316.199
8	Vốn điều lệ ACB	51.366.565.990.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.136.656.599
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2025 (13%)	667.765.358
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2026 (9+10)	5.804.421.957
12	Chia cổ tức năm 2026 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)	14.511.054.897.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	14.967.672.419.199

- (3) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.
- 11.7** Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.) (Theo đó, vốn điều lệ tăng từ 51.366.565.990.000 đồng lên 58.044.219.570.000 đồng, mức tăng là 6.677.653.580.000 đồng).
Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 51.366.565.990.000 đồng lên 58.044.219.570.000 đồng.
Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện việc tăng vốn điều lệ và quyết định các công việc liên quan, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của Ngân hàng.
- 11.8** Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2026 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2026.
- 11.9** Thông qua việc chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính, thực hiện dịch vụ đảm bảo đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026.
- 11.10** Thông qua việc chọn Công ty TNHH PwC Việt Nam là tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính, thực hiện dịch vụ đảm bảo đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027.
- 11.11** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành

Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

- 11.12** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 11.13** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 11.14** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục trong trường hợp được can thiệp sớm và ban hành Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 11.15** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Đề án thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ và ban hành Đề án thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- Hội đồng quản trị tổ chức triển khai việc thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ và quyết định các vấn đề liên quan, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của Ngân hàng.

III. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

1. Ông Đàm Văn Tuấn trình bày dự thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.
2. Cổ đông biểu quyết về Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.
3. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về Biên bản họp ĐHĐCĐ.
Kết quả: ĐHĐCĐ thông qua Biên bản họp. (Biên bản kiểm phiếu Biên bản họp đính kèm.)
4. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa, phát biểu bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ LẬP BIÊN BẢN HỌP
THƯ KÝ CÔNG TY



Phan Lạc Kim Trinh

TM CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

Tài liệu đính kèm:

Phụ lục: Nội dung thảo luận tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

PHỤ LỤC**NỘI DUNG THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026***(Đính kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên ACB năm 2026)*

1. Các cổ đông mã số 8100 và 23276 hỏi về mục tiêu, nội dung và chi phí của Chiến lược C1425.

Trả lời của Chủ tọa đoàn:

Chiến lược phát triển ACB giai đoạn 2025 – 2030 cô đọng lại thành C1425 nhằm mục đích truyền thông trong nội bộ ACB, trong đó (C) là khách hàng, khách hàng là trọng tâm, số (1) là một tầm nhìn xuyên suốt, số (4) là bốn trụ cột tạo giá trị, số (2) là hai điều kiện nền tảng (xây dựng công nghệ, dữ liệu, tổ chức và quản trị rủi ro) và số (5) là năm bước đi lớn nhằm thực hiện chiến lược. Tổng chi phí đầu tư cho Chiến lược dự kiến khoảng 8.000 – 10.000 tỷ đồng cho 05 năm, tập trung vào năng lực cốt lõi là công nghệ. Khi hoàn thành sẽ giúp ACB nâng cao trải nghiệm khách hàng, cải thiện năng suất vận hành, hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh từ đó gia tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả sinh lời.

2. Các cổ đông mã số 2265, 5052, 38181 hỏi về hiệu quả hoạt động (dự kiến) của công ty bảo hiểm phi nhân thọ; khả năng IPO Công ty ACBS và kế hoạch tăng vốn của ACBS; kế hoạch của ACBS và ACB trong việc đưa ra các gói tín dụng hoặc sản phẩm đặc thù cho khách hàng cá nhân và tổ chức để gia tăng thị phần và tín dụng.

Trả lời của Chủ tọa đoàn:

Việc thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ là một bước đi trong lộ trình chiến lược, nhằm đa dạng hóa, đẩy mạnh tăng trưởng nguồn thu ngoài lãi trên cơ sở lợi thế sẵn có về hạ tầng, công nghệ, nhân sự và đặc biệt là tệp khách hàng lớn của ngân hàng mẹ.

ACBS là một đơn vị của Tập đoàn, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển mảng quản lý gia sản, ACBS cũng sẽ có chiến lược phát triển 05 năm tới, dự kiến tăng vốn từ 11 ngàn tỷ đồng lên 13 ngàn tỷ đồng trong năm 2026, đạt mục tiêu lợi nhuận 1,8 ngàn tỷ đồng.

Về sản phẩm, ACBS có sản phẩm chứng chỉ quỹ, chuẩn bị phân phối trái phiếu doanh nghiệp và các sản phẩm phái sinh khác; ACB vừa đưa ra sản phẩm chứng chỉ tiền gửi online dành cho khách hàng doanh nghiệp.

3. Cổ đông mã số 481 hỏi về mức độ ảnh hưởng của các cuộc xung đột quân sự gần đây trên thế giới đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Kết quả kinh doanh quý 1/2026.

Trả lời của Chủ tọa đoàn:

Xung đột quân sự gần đây (ở Trung Đông) có tác động gián tiếp đến hoạt động ngành ngân hàng. Các yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động ngân hàng là lạm phát, tỷ giá và lãi suất nhìn chung được kiểm soát nên mức ảnh hưởng có giới hạn.

Kết quả kinh doanh quý 1/2026: Lợi nhuận đạt 5,4 ngàn tỷ đồng, tăng 56% so quý liền kề, tăng

17% so quý cùng kỳ và thực hiện 24% kế hoạch năm; Tăng trưởng tín dụng đạt trên mức 3,2%; Tỷ lệ chi phí trên thu nhập tiếp tục duy trì ở mức thấp khoảng 32%; Tỷ lệ nợ xấu dưới 1%, tương đương so với cuối năm 2025.

4. Các cổ đông mã số 566, 16402, 888 hỏi nguyên nhân ACB không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2025, việc chia cổ tức năm 2025 không như kế hoạch, chính sách chia cổ tức của ACB trong thời gian tới và thời điểm ACB dự kiến chia cổ tức năm 2025.

Trả lời của Chủ tọa đoàn:

Thực tế, năm 2025 ACB vẫn bám sát kế hoạch lợi nhuận. Tuy nhiên, từ quý 4/2025 nhận thấy tình hình kinh tế bắt đầu khó khăn, tín dụng bất động sản tăng trưởng nóng có thể ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng trong năm 2026 nên ACB đã quyết định đẩy mạnh trích lập dự phòng để tạo bước đệm cho ACB có thể phát triển bền vững trong năm 2026 và các năm sau.

Thực sự ACB vẫn có thể chia cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 25% nhưng khi phác thảo định hướng kinh doanh cho các năm 2026 – 2027, đối chiếu với tình hình kinh tế vĩ mô, HĐQT quyết định tỷ lệ 20%. Đây là sự đánh đổi có tính toán giữa lợi ích ngắn hạn và duy trì nền tảng cho tăng trưởng bền vững. Trong trung dài hạn, ACB sẽ đưa tỷ lệ chi trả cổ tức trở lại mức 25%. Quyết định này là để tối ưu hóa quyền lợi cổ đông trong những năm tới.

Dự kiến, ACB sẽ chi trả cổ tức năm 2025 vào cuối quý 2 năm 2026 (tương tự năm 2025), cụ thể: cổ tức tiền mặt sẽ được chi trả vào thượng tuần tháng 6 và cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được chi trả vào khoảng trung tuần tháng 6.

5. Cổ đông mã số 38181 hỏi về lộ trình thực hiện các chỉ tiêu về vốn, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn mực Basel III.

Trả lời của Chủ tọa đoàn:

ACB là một trong những ngân hàng đầu tiên đăng ký với Ngân hàng Nhà nước để chính thức áp dụng quản lý vốn và rủi ro theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025, theo chuẩn mực này, CAR của ACB tăng thêm khoảng 1% so với khi chưa áp dụng.

6. Cổ đông mã số 27301 hỏi các yếu tố lãi suất cho vay tăng cao và siết tín dụng bất động sản tác động ra sao đến lợi nhuận và nợ xấu của Ngân hàng.

Trả lời của Chủ tọa đoàn:

Mặt bằng lãi suất cho vay tăng cao và việc siết tín dụng bất động sản vừa tạo áp lực, vừa mở ra cơ hội cho ACB tái cấu trúc danh mục cho vay và cải thiện biên sinh lời. Với dư nợ bất động sản chỉ khoảng 5% tổng dư nợ, ACB có lợi thế lựa chọn khách hàng có chất lượng, qua đó dù tăng trưởng tín dụng năm 2026 dự kiến thấp hơn năm 2025, thu nhập tín dụng vẫn được kỳ vọng cải thiện và nợ xấu tiếp tục duy trì ở mức thấp.

7. Cổ đông mã số 52243 hỏi về hoạt động sản xuất vàng miếng.

Trả lời của Chủ tọa đoàn:

ACB đã chuẩn bị cơ sở vật chất, nguồn lực và sẽ tiến hành sản xuất sau khi được cấp phép.

8. Cổ đông mã số 8696 đề nghị áp dụng công nghệ vào cuộc họp ĐHĐCĐ để tiết kiệm chi phí.

Chủ tọa đoàn ghi nhận ý kiến của cổ đông.

9. Cổ đông mã số 10719 hỏi dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn (DNL) và FDI gia tăng đã đóng góp như thế nào vào doanh thu, và chất lượng nợ của phân khúc này ra sao?

Trả lời của Chủ tọa đoàn:

Mảng khách hàng DNL và FDI là một trong những hoạt động kinh doanh chính, và hiện đóng góp khoảng 5 – 7% doanh thu và kỳ vọng sẽ tăng gấp đôi lên 15%. Năm 2025, dư nợ cho vay DNL tăng 62% và FDI tăng 170% nâng tỷ trọng dư nợ DNL lên gần 13% (so với 9,4% năm 2024) trong tổng dư nợ. ACB là một ngân hàng đối tác tin cậy của nhiều doanh nghiệp FDI trong cả nước. Việc mở rộng cho vay phân khúc DNL và FDI được thực hiện có chọn lọc, ưu tiên các doanh nghiệp đầu ngành, có nền tảng tài chính mạnh, nhờ đó nợ xấu mảng DNL được kiểm soát tốt ở mức 0,7%.



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ QUY CHẾ BIỂU QUYẾT

Hôm nay, ngày 09/4/2026, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 02/3/2026): 108.632 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 5.136.656.599 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 5.136.656.599 cổ phần. (Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết tương đương một phiếu biểu quyết.)
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 1.038 cổ đông, chiếm 0,96% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 3.228.776.400 phiếu biểu quyết, chiếm 62,86% tổng số phiếu biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026:

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 238.408.884 phiếu, chiếm 7,38% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 2.990.367.516 phiếu, chiếm 92,62% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 2.990.367.516 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:

- + **Tán thành:** 708 cổ đông, chiếm 68,21% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.990.315.689 phiếu biểu quyết, chiếm 92,61% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,10% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- + **Không có ý kiến:** 15 cổ đông, chiếm 1,45% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 51.826 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 39 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.


Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 09/4/2026.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Võ Thị Hồng Hoa


Đặng Thu Huyền


Nguyễn Hồng Tân

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Hôm nay, ngày 09/4/2026, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 02/3/2026): 108.632 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 5.136.656.599 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 5.136.656.599 cổ phần. (Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết tương đương một phiếu biểu quyết.)
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 1.086 cổ đông, chiếm 1,00% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 3.245.157.171 phiếu biểu quyết, chiếm 63,18% tổng số phiếu biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với các vấn đề như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.486.469 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.670.702 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.670.702 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 845 cổ đông, chiếm 77,81% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.113.045.993 phiếu biểu quyết, chiếm 95,93% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,18% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.440.484 phiếu biểu quyết, chiếm 0,04% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 23 cổ đông, chiếm 2,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.184.225 phiếu biểu quyết, chiếm 0,22% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2025.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.482.969 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.674.202 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.674.202 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 847 cổ đông, chiếm 77,99% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.114.484.897 phiếu biểu quyết, chiếm 95,97% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,09% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 23 cổ đông, chiếm 2,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.186.305 phiếu biểu quyết, chiếm 0,22% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 165.969.400 phiếu, chiếm 5,11% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.079.187.771 phiếu, chiếm 94,89% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.079.187.771 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 845 cổ đông, chiếm 77,81% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.069.427.405 phiếu biểu quyết, chiếm 94,58% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 3 cổ đông, chiếm 0,28% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.569.900 phiếu biểu quyết, chiếm 0,08% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 22 cổ đông, chiếm 2,03% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.190.466 phiếu biểu quyết, chiếm 0,22% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

4. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.731.827 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.425.344 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.425.344 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 838 cổ đông, chiếm 77,16% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.099.165.064 phiếu biểu quyết, chiếm 95,50% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 4 cổ đông, chiếm 0,37% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 15.066.383 phiếu biểu quyết, chiếm 0,46% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 26 cổ đông, chiếm 2,39% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.193.897 phiếu biểu quyết, chiếm 0,22% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

5. Phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.485.808 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.671.363 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.671.363 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 836 cổ đông, chiếm 76,98% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.113.271.350 phiếu biểu quyết, chiếm 95,94% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 10 cổ đông, chiếm 0,92% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.215.947 phiếu biểu quyết, chiếm 0,04% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 23 cổ đông, chiếm 2,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.184.066 phiếu biểu quyết, chiếm 0,22% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.485.469 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.671.702 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.671.702 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 837 cổ đông, chiếm 77,07% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.102.238.004 phiếu biểu quyết, chiếm 95,60% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 7 cổ đông, chiếm 0,64% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 11.629.805 phiếu biểu quyết, chiếm 0,36% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 26 cổ đông, chiếm 2,39% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.803.893 phiếu biểu quyết, chiếm 0,24% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

7. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.733.303 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.423.868 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 11.192.753 phiếu, chiếm 0,34% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.110.231.115 phiếu, chiếm 99,66% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 807 cổ đông, chiếm 74,31% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.099.732.685 phiếu biểu quyết, chiếm 95,52% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 7 cổ đông, chiếm 0,64% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 20.281 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 52 cổ đông, chiếm 4,79% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 10.478.149 phiếu biểu quyết, chiếm 0,32% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

8. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.485.469 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.671.702 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.671.702 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 820 cổ đông, chiếm 75,51% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.063.305.521 phiếu biểu quyết, chiếm 94,40% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 8 cổ đông, chiếm 0,74% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 43.823.396 phiếu biểu quyết, chiếm 1,35% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 42 cổ đông, chiếm 3,87% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 14.542.785 phiếu biểu quyết, chiếm 0,45% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

9. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.495.469 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.661.702 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.661.702 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 819 cổ đông, chiếm 75,41% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.066.944.664 phiếu biểu quyết, chiếm 94,51% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 6 cổ đông, chiếm 0,55% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 40.233.393 phiếu biểu quyết, chiếm 1,24% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 44 cổ đông, chiếm 4,05% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 14.483.645 phiếu biểu quyết, chiếm 0,45% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.485.469 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.671.702 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.671.702 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 827 cổ đông, chiếm 76,15% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.114.208.627 phiếu biểu quyết, chiếm 95,96% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,09% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 42 cổ đông, chiếm 3,87% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.460.075 phiếu biểu quyết, chiếm 0,23% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

11. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.485.562 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.671.609 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 1.064 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.670.545 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 829 cổ đông, chiếm 76,34% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.114.344.907 phiếu biểu quyết, chiếm 95,97% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,09% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 37 cổ đông, chiếm 3,41% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.322.638 phiếu biểu quyết, chiếm 0,23% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.518.739 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.638.432 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.638.432 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 826 cổ đông, chiếm 76,06% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.114.338.621 phiếu biểu quyết, chiếm 95,97% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,09% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 40 cổ đông, chiếm 3,68% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.296.811 phiếu biểu quyết, chiếm 0,22% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

13. Sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.485.563 phiếu, chiếm 3,81% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.671.608 phiếu, chiếm 96,19% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.671.608 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 828 cổ đông, chiếm 76,24% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.113.679.034 phiếu biểu quyết, chiếm 95,95% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,18% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 38 cổ đông, chiếm 3,50% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 7.989.573 phiếu biểu quyết, chiếm 0,25% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



14. Sửa đổi, bổ sung Đề án thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 123.807.778 phiếu, chiếm 3,82% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.121.349.393 phiếu, chiếm 96,18% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 6.500 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.121.342.893 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 762 cổ đông, chiếm 70,17% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.826.798.606 phiếu biểu quyết, chiếm 87,11% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 54 cổ đông, chiếm 4,97% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 243.876.685 phiếu biểu quyết, chiếm 7,52% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 47 cổ đông, chiếm 4,33% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 50.667.602 phiếu biểu quyết, chiếm 1,56% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 39 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:



1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2025;
3. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026;
4. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
5. Phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026;
6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
7. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026;
8. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026;
9. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027;
10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
11. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
13. Sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
14. Sửa đổi, bổ sung Đề án thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.




Trang 8/9

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 09/4/2026.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Võ Trường Thọ Đặng Thị Huyền

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Hồng Tâm



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ BIÊN BẢN HỢP

Hôm nay, ngày 09/4/2026, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

- Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 02/3/2026): 108.632 cổ đông.
- Tổng số cổ phần phát hành: 5.136.656.599 cổ phần.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 5.136.656.599 cổ phần. (Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết tương đương một phiếu biểu quyết.)
- Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 1.086 cổ đông, chiếm 1,00% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 3.245.157.171 phiếu biểu quyết, chiếm 63,18% tổng số phiếu biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết: 117.273.893 phiếu, chiếm 3,61% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: 3.127.883.278 phiếu, chiếm 96,39% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu thu về không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu thu về hợp lệ: 3.127.883.278 phiếu, chiếm 100,00% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, bao gồm:
 - + **Tán thành:** 735 cổ đông, chiếm 67,68% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.120.446.675 phiếu biểu quyết, chiếm 96,16% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 3 cổ đông, chiếm 0,28% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.567.900 phiếu biểu quyết, chiếm 0,08% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 13 cổ đông, chiếm 1,20% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 4.868.703 phiếu biểu quyết, chiếm 0,15% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:


Căn cứ Điều 39 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 09/4/2026.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Võ Trường Thọ


Đặng Thị Huyền


Nguyễn Hồng Tài

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-DHDCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 09 tháng 4 năm 2026.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG lưu
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026****Điều 1. Vấn đề biểu quyết.**

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và định hướng, kế hoạch năm 2026;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2025;
4. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026;
5. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
6. Phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026;
7. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
8. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026;
9. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026;
10. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027;
11. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
13. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
14. Sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
15. Sửa đổi, bổ sung Đề án thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.
16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Điều 2. Tờ biểu quyết.

1. Mỗi cổ đông được phát 03 Tờ biểu quyết. 03 Tờ biểu quyết này có 16 Thẻ biểu quyết tương ứng với 16 vấn đề cần biểu quyết:
 - 1.1. Tờ biểu quyết thứ nhất:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề *Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.*
 - 1.2. Tờ biểu quyết thứ hai:

Tờ biểu quyết này có 14 Thẻ biểu quyết tương ứng với 14 vấn đề, cụ thể như sau:

- (1) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026;
- (2) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2025;
- (3) Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026;
- (4) Thẻ biểu quyết về Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
- (5) Thẻ biểu quyết về việc Phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026;
- (6) Thẻ biểu quyết về Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- (7) Thẻ biểu quyết về Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026;
- (8) Thẻ biểu quyết về việc Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026;
- (9) Thẻ biểu quyết về việc Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027;
- (10) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (11) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (12) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (13) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.
- (14) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Đề án thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

1.3. Tờ biểu quyết thứ ba:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

2. Nội dung Tờ biểu quyết bao gồm:

- Ngày đại hội, kỳ đại hội;
- Họ và tên cổ đông;
- Số cổ phần sở hữu;
- Số phiếu biểu quyết;
- Mã vạch để nhận dạng cổ đông (mã số cổ đông);
- Thẻ biểu quyết tương ứng với từng vấn đề biểu quyết và các trạng thái “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của từng vấn đề biểu quyết.

- Các nội dung khác (nếu có).
- 3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức và nội dung các Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.
- 4. Để thuận tiện cho việc kiểm phiếu, Tờ biểu quyết phải được giữ ngay thẳng và không được gấp lại.

Điều 3. Cách thức biểu quyết.

1. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp đánh dấu (X) vào ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề biểu quyết [X].
 - a. Trường hợp thay đổi ý kiến thì:
 - + Khoanh tròn ô đã lựa chọn [X] và
 - + Đánh dấu (X) vào ô lựa chọn mới [X].
 - b. Trường hợp chọn lại ô đã khoanh tròn thì:
 - + Tô đen ô khoanh tròn đó [●].
2. Thẻ biểu quyết được xem là không hợp lệ nếu:
 - a. Thẻ biểu quyết được đánh dấu (X) sai vị trí quy định; hoặc
 - b. Thẻ biểu quyết được đánh dấu (X) hoặc tô đen ô khoanh tròn vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết; hoặc
 - c. Thẻ biểu quyết bị tẩy xóa, viết, vẽ hay có bất kỳ ký hiệu nào trên thẻ (ngoài hướng dẫn nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này); hoặc
 - d. Tờ biểu quyết không do Ban tổ chức đại hội cổ đông phát hành; hoặc
 - d. Tờ biểu quyết bị rách, không còn nguyên vẹn.
3. Thẻ biểu quyết không đánh dấu (X) vào bất kỳ ô nào được xem như không tham gia biểu quyết đối với vấn đề tương ứng.
4. Ban kiểm phiếu thu Tờ biểu quyết theo từng đợt và tiến hành kiểm phiếu.

Điều 4. Điều kiện thông qua các vấn đề.

1. Đối với việc biểu quyết về *Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm*, thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Đối với việc biểu quyết các vấn đề còn lại thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề nêu tại Điều 1 sẽ được lập thành Biên bản kiểm phiếu đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố ngay trước khi kết thúc cuộc họp.



Điều 6. Điều khoản thi hành.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp thường niên ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

VỀ Báo cáo của Hội đồng quản trị

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng, kế hoạch năm 2026 của Ngân hàng TMCP Á Châu, với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) như sau:

- Tổng tài sản tăng 16%;
- Dự nợ tín dụng tăng 16% (không vượt quá hạn mức tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt);
- Tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá tăng 16%;
- Lợi nhuận trước thuế tăng 14%;
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 – nhóm 5) dưới 2%.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HDQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị. *HL*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luo*
CHỦ TỌA



HL
Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về hoạt động năm 2025 và định hướng, kế hoạch năm 2026

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025.

Năm 2025, Hội đồng quản trị (HDQT) Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ ACB với tinh thần trách nhiệm cao; đảm bảo vai trò chỉ đạo và kiểm soát có hiệu quả đối với Ban điều hành trong việc định hướng chiến lược, triển khai kinh doanh và thực thi đầy đủ nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao. HDQT xin báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động của HDQT như sau:

1. Trình ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ và tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết này.

Năm 2025, HDQT ACB đã trình ĐHĐCĐ thông qua 10 nghị quyết thuộc phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHĐCĐ, bao gồm 09 nghị quyết được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 08/4/2025 và 01 nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ đến thời điểm báo cáo như sau:

- 07 nghị quyết đã hoàn thành:
 - + *Nghị quyết số 1904/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu; Nghị quyết số 1905/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu; và Nghị quyết số 1906/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu:* Hoạt động của HDQT trong năm 2025 đã được tổ chức, triển khai tuân thủ các quy định nêu trên.
 - + *Nghị quyết số 1898/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận:* ACB đã thanh toán cổ tức cho cổ đông đúng hạn; thanh toán cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 05/6/2025, và cổ tức bằng cổ phiếu vào ngày 18/6/2025.
 - + *Nghị quyết số 1899/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm:* NHNNVN đã chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của ACB tại Quyết định số 2524/QĐ-NHNN ngày 27/06/2025.
 - + *Nghị quyết số 1900/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025:* Kết quả thực hiện năm 2025 bằng 93,61% kế hoạch. Chi tiết thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 được trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, phần Thuyết minh, Mục 44 “Giao dịch với các bên liên quan.”

- + *Nghị quyết số 1901/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025:* Công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán ACB và các công ty con cho năm tài chính 2025 theo tinh thần của Nghị quyết.
- 03 nghị quyết đang triển khai/triển khai liên tục cho đến khi có Nghị quyết khác thay thế:
 - + *Nghị quyết số 5471/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 ngày 10/11/2025 về việc thành lập công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ:* ACB đang hoàn thiện thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước.
 - + *Nghị quyết số 1903/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về việc niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán:* Đây là nghị quyết mang tính chủ trương, tạo cơ sở cho hoạt động kinh doanh thường ngày của ACB.
 - + *Nghị quyết số 1901/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 về Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm:* Đây là nghị quyết được ban hành theo quy định pháp luật để dự phòng cho các tình huống khẩn cấp.

2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT; tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

2.1 Tổng kết các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã họp 06 lần, gồm 05 phiên họp định kỳ và 01 phiên họp chuyên đề và cho ý kiến bằng văn bản về 30 vấn đề đề định hướng, chỉ đạo hoạt động của Ngân hàng và xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

2.2 Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT

HĐQT đã ban hành tổng cộng 85 nghị quyết về các nội dung thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Các nghị quyết HĐQT trong năm 2025 đều được thực thi nghiêm túc, kết quả thực hiện các nghị quyết được báo cáo tại mỗi phiên họp HĐQT.

Danh sách 85 nghị quyết của HĐQT năm 2025 được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 2214/CV-VPHĐQT.26 ngày 30/01/2026 đã được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của ACB. Tóm tắt như sau:

- a. Thông qua 32 nghị quyết nhằm ban hành mới, sửa đổi bổ sung các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các TCTD và pháp luật có liên quan (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông) và vấn đề khác theo quy định nội bộ, bao gồm các nội dung sau:
 - Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của ACB;
 - Các quy định về cấp tín dụng, bảo lãnh, phát hành trái phiếu, mua/bán và xử lý nợ;
 - Các quy chế về tài chính, chỉ tiêu, quản lý cơ cấu vốn tự có và tỷ lệ an toàn vốn;

- Thông qua ngân sách đầu tư tài sản và việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của ACB trong năm tài chính 2026;
 - Thông qua chủ trương bán 01 bất động sản không sử dụng;
 - Quy chế về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.
- b. Thông qua **02** nghị quyết về Chiến lược phát triển ACB giai đoạn 2025 – 2030 và kết quả rà soát tình hình xây dựng và thực hiện Chiến lược trong năm 2025.
- c. Thông qua **14** *hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng đã được kiểm toán giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.*
- d. Thông qua **11** nghị quyết về việc *bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị*, bao gồm bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu nhiệm kỳ 2025-2028 và 01 Phó Tổng giám đốc; bổ nhiệm Cố vấn Phát triển bền vững; 03 quyết định về nhân sự nhiệm kỳ 2025 – 2028 của 03 ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, và Ủy ban Phát triển bền vững); 01 quyết định về nhân sự Hội đồng thành viên ACBA; và 04 quyết định về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng và kiểm soát viên của ACBA.
- e. Thông qua **13** nghị quyết liên quan đến việc *quyết định cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị: chi nhánh (CN), phòng giao dịch (PGD), văn phòng đại diện, công ty con và công ty liên kết*. Cụ thể: chấm dứt hoạt động 01 PGD; sửa đổi, bổ sung Quy định về chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của CN và PGD ACB; điều chỉnh thông tin trên mẫu dấu của các đơn vị trong hệ thống ACB; và sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các công ty con ACBS và ACBA.
- f. Thông qua **02** nghị quyết về việc *cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam và Công ty cổ phần Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ ngân hàng.*
- g. *Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức*: Thực hiện tại Nghị quyết số 1971/TCQB-HĐQT ngày 14/4/2025 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.
- h. Thông qua **06** nghị quyết về *chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.*
- i. *Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng*: HĐQT giám sát hoạt động quản lý rủi ro của Ngân hàng thông qua việc rà soát khâu vị rủi ro định kỳ để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và chiến lược kinh doanh của ACB trong từng thời kỳ; xem xét, chất vấn đối với các rủi ro trọng yếu được nêu tại các báo cáo của Ủy ban QLRR, Ban kiểm soát, Ban kiểm toán nội bộ để đảm bảo ACB hoạt động an toàn, ổn định, tuân thủ các giới hạn rủi

ro theo quy định của NHNNVN và quy định nội bộ. Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 04 nghị quyết về các nội dung quản lý rủi ro, trong đó nổi bật là Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ áp dụng để tính vốn theo phương pháp xếp hạng nội bộ, thể hiện mục tiêu ACB luôn tiên phong trong việc triển khai các chuẩn mực quản lý rủi ro tiên tiến tại thị trường Việt Nam.

3. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc và người điều hành khác:

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc được thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng. Theo đó, HĐQT (i) tham gia chất vấn, trao đổi về các nội dung trong báo cáo, tờ trình do Tổng giám đốc trình bày tại các phiên họp để đưa ra đề xuất, chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT; (ii) xem xét các báo cáo định kỳ hàng tháng/đợt xuất về tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh toàn hàng, bao gồm các thông tin tăng trưởng, lợi nhuận, các chỉ số quản lý rủi ro về chất lượng tín dụng, rủi ro thanh khoản và vốn do Tổng giám đốc cung cấp. Ngoài ra, HĐQT còn giám sát hoạt động của Tổng giám đốc thông qua các ủy ban tham mưu giúp việc cho HĐQT trong các lĩnh vực chuyên môn và các báo cáo độc lập từ Ban kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ.

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo đối với Ban điều hành trong việc triển khai các định hướng, mục tiêu kinh doanh, tuân thủ quy định pháp luật và thực thi đầy đủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành hoạt động của Ngân hàng.

Đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc và người điều hành khác.

Năm 2025, trong bối cảnh môi trường kinh doanh nhiều biến động, áp lực cạnh tranh cao, Ban điều hành đã chủ động và linh hoạt trong điều hành để đảm bảo hoạt động Ngân hàng an toàn, ổn định, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 1895/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 với kết quả khá tích cực: Quy mô tổng tài sản vượt mốc một triệu tỷ đồng, tăng 18,7% và vượt 4,2% kế hoạch; Tốc độ tăng trưởng tiền gửi khách hàng (bao gồm giấy tờ có giá) và cho vay khách hàng lần lượt đạt 99% – 102% kế hoạch; Tỷ lệ nợ xấu (từ nhóm 3 đến nhóm 5) hợp nhất trên tổng dư nợ cho vay khách hàng ở thời điểm cuối năm 2025 ở mức 0,97%, thấp hơn năm 2024 và thấp xa so mục tiêu 2% theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận hoàn thành 85% kế hoạch đã phản ánh những khó khăn thách thức trong hoạt động kinh doanh, ACB đã lựa chọn ưu tiên mục tiêu dài hạn, tập trung đảm bảo an toàn hoạt động, duy trì nền tảng khách hàng, tăng cường năng lực tài chính để tạo động lực phát triển bền vững trong thời gian tới.
- Năng lực quản lý rủi ro tiếp tục được củng cố với khẩu vị rủi ro thận trọng, chú trọng an toàn thanh khoản hệ thống và hướng đến các chuẩn mực quản trị rủi ro tiên tiến.
- Đẩy mạnh kết nối hệ sinh thái và nâng cao vai trò của các công ty con trong Tập đoàn, tốc độ tăng trưởng và lợi nhuận trước thuế các công ty con ghi nhận kết quả tích cực, đóng góp ngày càng rõ nét vào lợi nhuận chung của Ngân hàng.

- Hoạt động chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo được triển khai sâu rộng trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, hỗ trợ cho việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại.
- Triển khai Chiến lược phát triển ACB giai đoạn 2025–2030 ngay trong năm 2025 với các sáng kiến, chương trình hành động cụ thể.
- Cơ cấu tổ chức được điều chỉnh phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh và yêu cầu triển khai chiến lược mới.
- Nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin được bảo đảm, đáp ứng yêu cầu vận hành, chuyển đổi và phát triển của Ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo.

HDQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành.

4. Hoạt động của các ủy ban thuộc HDQT.

Đến cuối năm 2025, ACB có 05 ủy ban thuộc HDQT là: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Đầu tư và Ủy ban Phát triển bền vững (riêng Ủy ban Phát triển bền vững được thành lập tháng 12/2025). Các ủy ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng ủy ban do HDQT ban hành.

Trong năm 2025, các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, thực hiện đầy đủ vai trò tham mưu và giám sát theo chức năng được giao.

Chi tiết xin xem *Phụ lục 01 "Hoạt động của các ủy ban thuộc HDQT"* (Đính kèm.)

5. Hoạt động của thành viên HDQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HDQT.

5.1 Hoạt động của thành viên HDQT độc lập.

ACB có 01 thành viên HDQT độc lập nhiệm kỳ 2023 – 2028. Trong năm 2025, thành viên HDQT độc lập đã hoàn thành trách nhiệm, quyền hạn của mình trong vai trò thành viên HDQT độc lập, góp phần tích cực vào hoạt động quản trị và điều hành của Ngân hàng, bao gồm: tham gia đầy đủ các cuộc họp của HDQT và các ủy ban thuộc HDQT mà thành viên HDQT độc lập là thành viên (Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự); cho ý kiến đối với tất cả các vấn đề được lấy ý kiến bằng văn bản; phát biểu về các vấn đề một cách khách quan và độc lập tại các cuộc họp HDQT; thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong vai trò là người giám sát việc lấy ý kiến HDQT bằng văn bản theo quy định tại Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của HDQT Ngân hàng TMCP Á Châu.

5.2 Đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HDQT.

Nội dung này được trình bày tại *Phụ lục 02 "Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HDQT về hoạt động của HDQT năm 2025"* (Đính kèm.)

6. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HDQT và từng thành viên HDQT và của Tổng giám đốc.

Nội dung này được trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, phần Thuyết minh, mục 44 "Giao dịch với các bên liên quan."

7. Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Nội dung này được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 2214/CV-VPHĐQT.26 ngày 30/01/2026 đã được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của ACB.

8. Báo cáo công khai lợi ích liên quan của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và của các cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên¹

Chi tiết xin xem Phụ lục 03 "Báo cáo công khai lợi ích liên quan của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc" và Phụ lục 04 "Báo cáo công khai lợi ích liên quan của các cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên" (Đính kèm.)

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026.

1. Định hướng hoạt động năm 2026

Năm 2026, trong bối cảnh Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số và triển khai nhiều cơ chế đặc thù nhằm thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân, và các yếu tố tạo đà cho nền kinh tế tăng trưởng không bị suy giảm, HĐQT xác định năm 2026 là năm ACB tiếp tục tăng tốc đầu tư, triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2025 – 2030, hướng tới mục tiêu trở thành "Tập đoàn tài chính hiệu quả". Ngân hàng tập trung triển khai các định hướng chiến lược trọng tâm sau:

- Cùng cố vị thế ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, đồng thời tăng tốc phát triển mảng khách hàng doanh nghiệp, khai thác hiệu quả hệ sinh thái doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho việc thúc đẩy tăng trưởng mảng bán lẻ.
- Tập trung phát triển sản phẩm, dịch vụ phi tín dụng và đa dạng hóa kênh tiếp cận khách hàng trên nền tảng số để mang đến trải nghiệm ngày càng vượt trội hơn cho khách hàng.
- Duy trì tỷ suất sinh lời ở mức cao, song kiên định với định hướng phát triển an toàn, bền vững, lấy chất lượng tăng trưởng và quản trị rủi ro làm nền tảng cho hiệu quả dài hạn.
- Nâng cao sự tin nhiệm của khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý Nhà nước và của cổ đông đối với ACB thông qua việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, chuẩn mực quản trị doanh nghiệp và thông lệ quản lý rủi ro tiên tiến.
- Cam kết thực hiện trách nhiệm với xã hội theo hướng tiếp cận mới, cùng các tổ chức khác tạo giá trị chung, tập trung vào ba lĩnh vực sức khỏe, giáo dục và môi trường.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2026:

Năm 2026, HĐQT tiếp tục giữ vai trò định hướng và chỉ đạo trọng yếu đối với Ban điều hành trong việc triển khai Chiến lược 2025 – 2030, giám sát Ban điều hành thực thi hiệu quả các mục

¹ Theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng về cung cấp, công bố công khai thông tin.

tiêu kinh doanh ĐHCĐ giao, bám sát Chiến lược và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và chuẩn mực về quản trị công ty và quản trị rủi ro. HĐQT phê duyệt đề xuất của Ban điều hành, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mục tiêu kế hoạch năm 2026 như sau:

Stt	Chỉ tiêu hợp nhất	Tăng trưởng so với năm 2025
1	Tổng tài sản	16%
2	Dư nợ tín dụng	16% <i>(Không vượt quá hạn mức tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.)</i>
3	Huy động (bao gồm giấy tờ có giá)	16%
4	Lợi nhuận trước thuế	14%
5	Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 – nhóm 5)	< 2%

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy

PHỤ LỤC 01: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT**1. Ủy ban Quản lý rủi ro.**

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) có 08 thành viên, trong đó có 05 thành viên HĐQT. Trong năm 2025, UBQLRR đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ để rà soát, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường giám sát các rủi ro trọng yếu như rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, vận hóa tuân thủ; đồng thời tăng cường nhận diện những rủi ro mới phát sinh trong bối cảnh hoạt động chuyển đổi số ngày càng triển khai mạnh mẽ. UBQLRR đã thực hiện hiệu quả vai trò tham mưu cho HĐQT trong việc tổ chức và giám sát công tác quản lý rủi ro, hỗ trợ ACB hoạt động hiệu quả, an toàn, ổn định.

2. Ủy ban Nhân sự.

Ủy ban Nhân sự (UBNS) gồm 08 thành viên, trong đó 06 thành viên HĐQT. Trong năm 2025, ngoài việc thực hiện chức năng phê duyệt các quyết định theo thẩm quyền được phân cấp, UBNS còn đảm nhiệm vai trò tham mưu cho HĐQT về: (i) chính sách thu nhập đối với cán bộ nhân viên ACB; (ii) tư vấn HĐQT phê duyệt các quyết định nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm: tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, điều chỉnh nhân sự tại Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Chiến lược, điều chỉnh nhân sự Hội đồng thành viên công ty con và trình phê duyệt việc thành lập một hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc. UBNS đã hoàn thành tốt vai trò tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong các vấn đề về nhân sự và cơ cấu tổ chức, đảm bảo sự phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu kinh doanh của ACB.

3. Ủy ban Chiến lược.

Ủy ban Chiến lược (UBCL) có 06 thành viên, trong đó có 04 thành viên HĐQT. Trong năm 2025, UBCL đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc hoạch định, xây dựng và phê duyệt chiến lược phát triển ACB giai đoạn 2025 – 2030, UBCL cũng đã phê duyệt danh mục các sáng kiến chiến lược và chỉ đạo Ban điều hành tích cực triển khai thực hiện ngay trong năm 2025. Nhìn chung, UBCL trong năm 2025 đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT liên quan đến chiến lược của Ngân hàng.

4. Ủy ban Đầu tư.

Ủy ban Đầu tư có 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên HĐQT. Trong năm 2025, Ủy ban Đầu tư tiếp tục định hướng đầu tư tăng cường vốn cho các công ty con nhằm nâng cao năng lực hoạt động và hiệu quả kinh doanh của các công ty; thoái một số khoản đầu tư để hiện thực hóa lợi nhuận; cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Nhìn chung, hoạt động đầu tư năm 2025 có đóng góp tích cực vào lợi nhuận của Ngân hàng.

5. Ủy ban Phát triển bền vững:

Ủy ban Phát triển bền vững được thành lập vào tháng 12/2025, bao gồm 08 thành viên, trong đó có 03 thành viên HĐQT, với mục tiêu tăng cường vai trò chỉ đạo và giám sát của HĐQT trong lĩnh vực phát triển bền vững, bảo đảm tiêu chí và thực hành Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) được tích hợp vào chiến lược phát triển chung toàn Ngân hàng; nâng cao hiệu quả điều phối và giám sát các sáng kiến về phát triển bền vững.

**PHỤ LỤC 02: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT
ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025**

Căn cứ Khoản 3 Điều 277 và Khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, thành viên HĐQT độc lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT ACB trong năm 2025, như sau:

- Về cơ cấu tổ chức: HĐQT đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ ACB về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT và thành viên độc lập.
- Về cơ chế vận hành: Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản 30 vấn đề để định hướng chiến lược, xem xét và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp HĐQT, các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản đảm bảo tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định.

Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT thảo luận về các đề xuất và đặt câu hỏi mang tính chất vấn, phản biện cao. Các phiên họp HĐQT cũng xem xét diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, các tác động đến hoạt động của ngành ngân hàng nói chung và hoạt động của ACB nói riêng để có ứng xử và điều chỉnh phù hợp.

Hoạt động của các ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm ủy ban Nhân sự, ủy ban Quản lý rủi ro, ủy ban Chiến lược và ủy ban Đầu tư trong năm 2025 tuân thủ quy định về tổ chức, hoạt động của từng ủy ban, riêng Ủy ban Phát triển bền vững được thành lập vào tháng 12/2025 với mục tiêu tăng cường vai trò chỉ đạo và giám sát của HĐQT trong lĩnh vực phát triển bền vững. Đánh giá hoạt động của các ủy ban trong năm 2025 đã đóng vai trò thiết thực trong việc tham mưu cho HĐQT quyết định về các vấn đề thuộc trách nhiệm quyền hạn của HĐQT.


- Kết quả hoạt động:

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, kết quả là ACB đạt vượt kế hoạch ở 03 chỉ tiêu (quy mô tổng tài sản, tăng trưởng cho vay khách hàng và tỷ lệ nợ xấu), chỉ tiêu tiền gửi khách hàng (gồm giấy tờ có giá) và tổng lợi nhuận trước thuế ACB hoàn thành lần lượt ở mức 99% - 85% kế hoạch.

HĐQT đã ban hành 85 nghị quyết về các nội dung thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, trong đó có 02 Nghị quyết liên quan đến việc triển khai Chiến lược phát triển của ACB giai đoạn 2025 – 2030. Kết quả/tiến độ thực hiện các Nghị quyết đều được báo cáo cho các thành viên HĐQT.

Nhiều chính sách, quy định liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng được HĐQT phê duyệt ban hành, cập nhật sửa đổi bổ sung để tuân thủ quy định của pháp luật, của NHNNVN, đáp ứng yêu cầu quản trị điều hành, quản lý rủi ro và thúc đẩy kinh doanh.

Các vấn đề nêu trong báo cáo của các ủy ban, Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ đều được HĐQT xem xét kỹ lưỡng để kịp thời chỉ đạo tăng cường giám sát rủi ro và đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động Ngân hàng.

Kết luận: HĐQT ACB trong năm 2025 đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ ACB, đảm bảo vai trò chỉ đạo và kiểm soát có hiệu quả đối với Ban điều hành trong việc thực hiện mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao. 

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2026

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Trịnh Bảo Quốc

PHỤ LỤC 03
BÁO CÁO CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Thời điểm 13/02/2026)

- Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung,

Stt	Tên Lãnh đạo và người có liên quan	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Số GCNĐKDN hoặc giấy tờ pháp lý tương đương	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ giữa công ty/tổ chức với Lãnh đạo
1	2	3	4	5	6	8
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
I.1 Trần Hùng Huy - Chủ tịch HĐQT						
I.1.1	Công ty CP Đầu tư Thương mại Giang Sen	0315381567	480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0315381567	-	Người có liên quan của Lãnh đạo là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
I.1.2	Công ty CP Đầu tư Thương mại Văn Môn	0315417083	480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0315417083	-	Người có liên quan của Lãnh đạo là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
I.1.3	Công ty CP Đầu tư Thương mại Bách Thanh	0315387015	480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0315387015	-	Người có liên quan của Lãnh đạo là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
I.1.4	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.1.5	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
I.1.6	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.1.7	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
I.2 Nguyễn Thành Long - Phó Chủ tịch HĐQT						
I.2.1	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	0301458065	185 Điện Biên Phủ, Phường Tân Định, TP. HCM	0301458065	-	Lãnh đạo là Chủ tịch HĐQT
I.2.2	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.2.3	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
I.2.4	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.2.5	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
I.3 Hiep Van Vo - Thành viên HĐQT						
I.3.1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.3.2	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
I.3.3	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.3.4	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
I.4 Đinh Thị Hoa - Thành viên HĐQT						
I.4.1	Công ty CP Phim Thiên Ngân	0101595681	3/9 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0101595681	Nguyễn Thị Mai Hoa	Công ty con của Công ty CP Giải trí và Giáo dục Galaxy mà Lãnh đạo là thành viên HĐQT và là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ.
I.4.2	Công ty CP Galaxy Play	0106539659	59 Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, TP. HCM	0106539659	Lưu Thị Thanh Lan	Như trên
I.4.3	Công ty CP Galaxy Education	0316418562	51-53 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0316418562	Phạm Giang Linh	Như trên
I.4.4	Công ty TNHH MTV Ấn phẩm	0302861911	63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302861911	Trần Trọng Tú	Như trên
I.4.5	Công ty CP Galaxy Play	0106539659	59 Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, TP. HCM	0106539659	-	Lãnh đạo là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
I.4.6	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	0102114648	Tòa nhà Harec, 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội	0102114648	-	Như trên
I.4.7	Công ty CP Galaxy Education	0316418562	51-53 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0316418562	-	Như trên
I.4.8	Công ty CP Giải trí và Giáo dục Galaxy	0106173154	63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0106173154	-	Lãnh đạo là thành viên HĐQT, cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.

PHỤ LỤC 03
BÁO CÁO CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Thời điểm 13/02/2026)

- Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung,

Stt	Tên Lãnh đạo và người có liên quan	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Số GCNĐKDN hoặc giấy tờ pháp lý tương đương	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ giữa công ty/tổ chức với Lãnh đạo
1	2	3	4	5	6	8
I.4.9	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.4.10	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
I.4.11	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.4.12	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
I.5 Đặng Thu Thủy - Thành viên HĐQT						
I.5.1	Công ty CP Đầu tư Thương mại Giang Sen	0315381567	480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0315381567	-	Người có liên quan của Lãnh đạo là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
I.5.2	Công ty CP Đầu tư Thương mại Vân Môn	0315417083	480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0315417083	-	Như trên
I.5.3	Công ty CP Đầu tư Thương mại Bách Thanh	0315387015	480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0315387015	-	Như trên
I.5.4	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.5.5	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
I.5.6	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.5.7	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
I.6 Đàm Văn Tuấn - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc						
I.6.1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.6.2	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
I.6.3	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.6.4	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
I.7 Đỗ Minh Toàn - Thành viên HĐQT						
I.7.1	Công ty TNHH MTV Nhật Quân HQ	0317152322	Căn hộ D2.04, Tầng 3, Nhà chung cư Phú Mỹ Hưng - Midtown, đường Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Mỹ, TP. HCM	0317152322	Nguyễn Minh Hòa	Công ty con của Công ty CP Thương mại và Đầu tư Huy Quân mà Lãnh đạo là Tổng giám đốc và sở hữu từ 05% vốn điều lệ.
I.7.2	Công ty cổ phần Tư vấn & Đầu tư TT&B	0317249740	Căn hộ D2.04, Khối D, Lầu 2, đường Nội Khu, Lô M6, Khu phố Phú Mỹ Hưng - Midtown, Phường Tân Mỹ, TP. HCM	0317249740	Nguyễn Thanh Bình	Như trên
I.7.3	Công ty CP Thương mại và Đầu tư Huy Quân	0310494327	Căn hộ D2.04, Khối D, Lầu 2, Đường Nội Khu, Lô M6, Khu phố Phú Mỹ Hưng - Midtown, P. Tân Mỹ, TP. HCM	0310494327	-	Lãnh đạo là Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
I.7.4	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Lãnh đạo là Chủ tịch HĐQT.
I.7.5	Công ty CP Vì Ngày Mai Cho Em	0317492054	D2.04, Khối D, Lầu 2, thuộc Đường Nội Khu, Lô M6, Khu phố Phú Mỹ Hưng - Midtown, P. Tân Mỹ, TP. HCM	0317492054	-	Lãnh đạo là thành viên HĐQT, cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
I.7.6	Công ty CP Dược phẩm Thiên Hường	0310470012	52 Đường số 2, KDC Him Lam, P. Tân Hưng, TP. HCM	0310470012	-	Người có liên quan của Lãnh đạo là Tổng giám đốc.
I.7.7	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.7.8	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên

PHỤ LỤC 03
BÁO CÁO CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Thời điểm 13/02/2026)

- Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung,

Stt	Tên Lãnh đạo và người có liên quan	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Số GCNĐKDN hoặc giấy tờ pháp lý tương đương	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ giữa công ty/tổ chức với Lãnh đạo
1	2	3	4	5	6	8
I.7.9	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.7.10	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
I.8	Nguyễn Văn Hòa - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc					
I.8.1	Công ty CP Sài Gòn Phú Quốc	1700387731	62 Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang	1700387731	-	Lãnh đạo là thành viên HĐQT.
I.8.2	Công ty TNHH Khách sạn Du lịch Saigon Star	0300568442	204 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0300568442	-	Lãnh đạo là thành viên HĐQT.
I.8.3	Công ty CP sản xuất TMDV Bình Chánh	0301291715	226 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, TP. HCM	0301291715	-	Lãnh đạo là Chủ tịch HĐQT
I.8.4	Quỹ đầu tư ACB 50	-	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	64/GCN-UBCK	-	Lãnh đạo là Thành viên Ban đại diện
I.8.5	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.8.6	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
I.8.7	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.8.8	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
I.9	Trịnh Bảo Quốc - Thành viên độc lập HĐQT					
I.9.1	Công ty TNHH Thương mại Trai	0304785631	136A Nguyễn Tri Phương, Phường An Đông, TP. HCM	0304785631	-	Người có liên quan của Lãnh đạo là Giám đốc.
I.9.2	Công ty cổ phần Giáo dục Summa	0310987555	199 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Hưng, TP. HCM	0310987555	-	Người có liên quan của Lãnh đạo là Chủ tịch HĐQT.
I.9.3	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
I.9.4	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
I.9.5	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
I.9.6	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
II	BAN KIỂM SOÁT					
II.1	Huỳnh Nghĩa Hiệp - Trưởng Ban kiểm soát, thành viên chuyên trách					
II.1.1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
II.1.2	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
II.1.3	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
II.1.4	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
II.2	Nguyễn Thị Minh Lan - Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách					
II.2.1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
II.2.2	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
II.2.3	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
II.2.4	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
II.3	Hoàng Ngân - Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách					
II.3.1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB

PHỤ LỤC 03
BÁO CÁO CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Thời điểm 13/02/2026)

- Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung,

Stt	Tên Lãnh đạo và người có liên quan	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Số GCNĐKDN hoặc giấy tờ pháp lý tương đương	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ giữa công ty/tổ chức với Lãnh đạo
1	2	3	4	5	6	8
II.3.2	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
II.3.3	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
II.3.4	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
III TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC						
III.1 Từ Tiên Phát - Tổng giám đốc						
III.1.1	Công ty TNHH XNK Thương Mại Lựa Chọn Xanh	0314288212	176/20 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, TP. HCM	0314288212	-	Người có liên quan của Lãnh đạo sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
III.1.2	Công ty TNHH XNK Thương Mại Lựa Chọn Xanh	0314288212	176/20 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, TP. HCM	0314288212	-	Như trên
III.1.3	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Công ty con của ACB
III.1.4	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	0303539425	Lầu 8, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0303539425	Phan Ái Thảo	Như trên
III.1.5	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Như trên
III.1.6	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Như trên
III.2 Bùi Tấn Tài - Phó Tổng giám đốc						
III.2.1	Công ty CP YouTrade	0314706565	245 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0314706565	-	Lãnh đạo là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
III.2.2	Công ty CP TV TM DV Công Nghệ DMT	0313466374	245 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0313466374	-	Như trên
III.2.3	Công ty CP GoAmazing & TT Anh Ngữ Amazing English	0314674909	245 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0314674909	-	Như trên
III.2.4	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn StarHill	0312844915	184B Lâm Văn Bền, Phường Tân Hưng, TP. HCM	0312844915	-	Như trên
III.2.5	Công ty TNHH Lý Hiền Lâm	3400274089	Thôn Suối Giêng, Xã Tân Đức, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Lâm Đồng	3400274089	-	Người có liên quan của Lãnh đạo sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
III.3 Nguyễn Đức Thái Hân - Phó Tổng giám đốc						
III.3.1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	0302030508	Lầu 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM	0302030508	Đỗ Minh Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT
III.3.2	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB (ACBC)	0306123351	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. HCM	0306123351	Nguyễn Đức Thái Hân	Chủ tịch HĐQT
III.4 Nguyễn Thị Hai - Phó Tổng giám đốc						
III.4.1	Công ty TNHH MTV Công Đoàn ACB	0102692864	57B Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội	0102692864	-	Lãnh đạo là Chủ tịch, sở hữu từ 5% vốn điều lệ của công ty này.
III.4.2	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại An Lộc Phát	0306247290	127 Cống Quỳnh, Phường Bến Nghé, TP. HCM	0306247290	-	Người có liên quan của Lãnh đạo sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
III.4.3	Công ty CP Thuận Thành EMERALD	3400607210	Khu phố Suối Nước, Phường Mũi Né, Tỉnh Lâm Đồng	3400607210	-	Người có liên quan của Lãnh đạo là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ của công ty này.
III.5 Nguyễn Thị Tuyết Vân - Phó Tổng giám đốc						
III.6 Nguyễn Khắc Nguyễn - Phó Tổng giám đốc						
III.7 Ngô Tấn Long - Phó Tổng giám đốc						
III.7.1	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	0305142496	Lầu 9, ACB Tower, 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP. HCM	0305142496	Trần Văn Tâm	Lãnh đạo là thành viên HĐQT.

PHỤ LỤC 04
BÁO CÁO CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 01% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN
(Thời điểm 13/02/2026)

- Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung,

Stt	Tên cổ đông	Số định danh cá nhân/ hộ chiếu/ GCNDKDN hoặc giấy tờ pháp lý tương đương			Quốc tịch (nếu là người nước ngoài)	Sở hữu cổ phần của cổ đông		Sở hữu cổ phần của người có liên quan của cổ đông	
		Số	Ngày cấp	Nơi cấp		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1		3	4	5	6	7	8	9	10
1	Công ty cổ phần Đầu tư Thời Đại	0304877875	05/03/2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM (nay là Sở Tài chính TP. HCM)	-	218,998,676	4.26	-	-
2	Đặng Ngọc Lan	001172030239	04/05/2021	Cục Cảnh sát	-	179,715,029	3.50	345,611,552	6.73
3	Trần Hùng Huy	079078004267	15/03/2022	Cục Cảnh sát	-	176,021,482	3.43	402,492,538	7.84
4	Nguyễn Đức Kiên	011632144	14/10/2005	Công an TP. Hà Nội	-	144,335,768	2.81	179,715,029	3.50
5	Akston Investment Holdings Limited	CD3961	03/11/2022	-	-	113,712,482	2.21	-	-
6	Smallcap World Fund Inc	D02921633	18/12/1989	Maryland Corporation - Department	-	92,528,623	1.80	-	-
7	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Giang Sen	0315381567	09/11/2018	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM (nay là Sở Tài chính TP. HCM)	-	92,341,037	1.80	24,944,640	0.49
8	Nguyễn Thiên Hương Jenny	079195019245	10/07/2022	Cục Cảnh sát	-	73,317,031	1.43	171,573,190	3.34
9	Công ty cổ phần Tập đoàn Tài Chính Á Châu	0102150780	25/06/2013	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM (nay là Sở Tài chính TP. HCM)	-	71,512,383	1.39	-	-
10	Fidelity Funds	CA2924	25/03/2009	-	-	69,465,601	1.35	-	-
11	Nguyễn Đức Anh	001096030089	04/05/2021	Cục Cảnh sát	-	64,862,914	1.26	179,715,029	3.50
12	Boardwalk South Limited	1939060	09/03/2017	The British Virgin Island	-	64,608,538	1.26	-	-
13	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Bách Thanh	0315387015	01/03/2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM (nay là Sở Tài chính TP. HCM)	-	64,287,678	1.25	50,732,860	0.99
14	BCH Công đoàn Ngân hàng TMCP Á Châu	470/QĐ-LĐLĐ	13/06/2023	Liên đoàn lao động TP. HCM	-	61,480,023	1.20	50,852,816	0.99
15	Đặng Thu Thủy	079155006666	03/08/2022	Cục Cảnh sát	-	61,352,541	1.19	590,189,432	11.49
16	Nguyễn Thị Kim Thanh	001150008494	27/12/2021	Cục Cảnh sát	-	59,964,627	1.17	179,715,029	3.50
17	Employees Provident Fund Board	CA8259	07/09/2015	-	-	58,902,712	1.15	-	-
18	Nguyễn Đức Hiếu Johnny	079098002101	02/08/2022	Cục Cảnh sát	-	58,670,491	1.14	186,219,730	3.63

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3, năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2024);
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Á Châu;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng Á Châu năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát có 05 phiên họp giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban. Các phiên họp đều có quyết nghị, được lập thành biên bản gửi đến từng thành viên để thực hiện và thông báo HĐQT để biết.
- Ngoài ra Ban Kiểm soát còn tổ chức họp và trao đổi các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành, chỉ đạo kiểm toán nội bộ phục vụ cho mục đích giám sát, kiểm soát của Ban theo yêu cầu phát sinh.

2. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

a. Phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Điều lệ Ngân hàng, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát tham dự tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tham dự các phiên họp Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Xử lý rủi ro,... Trong các phiên họp, Ban Kiểm soát đã thông báo về hoạt động Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp về các biện pháp quản lý rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát, tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát được Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để thực hiện nhiệm vụ.

b. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo định hướng và mục tiêu hiệu quả, an toàn; nâng cao năng lực quản trị điều hành và tính minh bạch trong hoạt động Ngân hàng; tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Thông tư 13/2018TT-NHNN và các quy định Nhà nước; ứng dụng có hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng; áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vốn; thiết lập mô hình ba tuyến phòng thủ.

- Hoạt động kinh doanh Ngân hàng theo định hướng bản lẻ, tập trung vào các sản phẩm truyền thống huy động, cho vay, dịch vụ Ngân hàng, đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân theo mô hình kinh doanh đa dịch vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ Ngân hàng; chú trọng nguồn thu từ dịch vụ Ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch; Tích cực xử lý nợ xấu, trích dự phòng rủi ro; Cơ cấu nợ theo quy định Ngân hàng Nhà nước; Tiết kiệm chi phí điều hành, ...
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, giám sát thường xuyên, phối hợp các tuyến báo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến rủi ro trong hoạt động ngân hàng.
- Ban Kiểm soát giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua (1) Giám sát công tác triển khai thực hiện Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); (2) Giám sát việc thực hiện chỉ đạo của Chính Phủ, các chỉ thị/ kiến nghị của Ngân hàng nhà nước, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý và giám sát TCTD; ... liên quan đến việc thực hiện các chính sách tiền tệ, tín dụng, nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản trị rủi ro; (3) Giám sát việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và tỉ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, trích dự phòng rủi ro, tích cực xử lý nợ xấu, ...; (4) Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; (5) Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chỉ tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, ...; (6) Giám sát hoạt động cấp tín dụng, chú trọng các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, cấp tín dụng đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan có dư nợ lớn.

c. Kết quả giám sát

- Trong năm 2025 HĐQT và Ban điều hành đã chỉ đạo và điều hành hoạt động ACB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược. Tuân thủ các quy định của Luật Tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng trong quản trị và điều hành.
- ACB hoạt động an toàn và hiệu quả, đạt tăng trưởng về huy động vốn, cho vay; Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, tích cực xử lý các khoản nợ xấu/ nợ tồn đọng; Cơ cấu nợ cho các khách hàng theo quy định NHNN. Thực hiện Nghị định 86/2024/NĐ-CP *Quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng*, ACB tăng trích lập dự phòng, tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu dẫn đến không đạt chỉ tiêu lợi nhuận.
- ACB đã thực hiện quy định về an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN, Thông tư 14/2025/TT-NHNN. Về quản trị rủi ro, Ngân hàng đã xây dựng chiến lược, các chính sách quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro trọng yếu. Việc giám sát cấp cao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành thông qua hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc Hội đồng quản trị và Hội đồng rủi ro thuộc Ban Điều hành.
- Triển khai hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán theo Thông tư 17/2024/TT-NHNN về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

3. Hoạt động kiểm toán nội bộ:

- Ban Kiểm soát chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác

kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được lập và báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước.

- Trong năm 2025, Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán hoạt động của 80 chi nhánh và phòng giao dịch; kiểm toán 100 khách hàng có dư nợ cấp tín dụng lớn; kiểm toán 13 chuyên đề liên quan các hoạt động, các quy trình, đơn vị thuộc Hội sở có phát sinh rủi ro và có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Ngân hàng. Thực hiện các yêu cầu kiểm toán/ kiểm tra ngoài kế hoạch của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước; Cục Quản lý, giám sát TCTD; Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Kết quả kiểm toán có các kiến nghị đề xuất nhằm khắc phục các sai sót, vi phạm; điều chỉnh, bổ sung quy định, quy trình nghiệp vụ; tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; kiến nghị về công tác giám sát của quản lý cấp cao; kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm.
- Các kiến nghị kiểm toán được các bên có liên quan tổ chức thực hiện.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Ban Kiểm soát phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán để thực hiện rà soát và kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025, Báo cáo tài chính cả năm 2025 của Ngân hàng và hợp nhất với các Công ty trực thuộc.
- Thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Các công việc khác:

- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thực hiện việc rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban điều hành ban hành tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các Nghị định, Thông tư có liên quan.
- Trưởng Ban kiểm soát tham dự các hội nghị, các yêu cầu dự họp của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.
- Thực hiện cập nhật danh sách cổ đông lớn, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý - giám sát TCTD, kiểm toán độc lập.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.
- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý - giám sát TCTD.

6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện Nhiệm vụ và

Quyền hạn của Ban Kiểm soát, Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Điều 51, 52 Luật các tổ chức tín dụng 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 58 Điều lệ Ngân hàng).

- Trong phạm vi phân công, các thành viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của Ban Kiểm soát.
- Đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2025 đã thực hiện được những yêu cầu về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Luật Tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng, đã góp phần thực hiện được các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

II. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc:

a. Nhận xét về báo cáo tài chính

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính năm 2025 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007, Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, Thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

b. Về tài sản và nguồn vốn

DVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	SỐ TIỀN
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.624.548
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	16.574.958
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	149.990.681
<i>Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</i>	-
Chứng khoán kinh doanh	6.708.358
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	<i>(163.476)</i>
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	324.298
Cho vay khách hàng	686.777.352

Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(7.624.729)
Chứng khoán đầu tư	144.175.366
Trừ dự phòng giám giá chứng khoán đầu tư	(11.250)
Góp vốn đầu tư dài hạn	233.739
Trừ dự phòng giám giá đầu tư dài hạn	(159.040)
Tài sản cố định	5.438.550
Bất động sản đầu tư	149.673
Tài sản Có khác	14.811.099
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.025.850.127
NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	32.976.139
Tiền gửi và vay các TCTD khác	154.999.539
Tiền gửi của khách hàng	585.180.175
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19.079
Phát hành giấy tờ có giá	133.294.422
Các khoản nợ khác	24.861.054
Vốn và các quỹ	69.221.406
Trong đó: + Vốn điều lệ	51.366.566
+ Thặng dư vốn cổ phần	271.779
+ Cổ phiếu quỹ	-
+ Quỹ của Tổ chức tín dụng	17.583.061
Lợi nhuận chưa phân phối	25.298.313
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.025.850.127

c. Về thu nhập và chi phí

DVT: Triệu đồng

THU NHẬP (1)	68.902.807
Thu nhập từ lãi	58.755.829
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.196.123
Thu nhập từ hoạt động khác	2.228.694

Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	119.175
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.731.886
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	474.316
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	396.784
CHI PHÍ (2)	49.364.031
Chi phí trả lãi	31.850.134
Chi phí hoạt động dịch vụ	2.049.383
Chi phí hoạt động khác	1.205.407
Chi phí quản lý chung	10.924.359
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.334.748
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1) - (2)	19.538.776
Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)	3.914.077
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến)	15.624.699

2. Đánh giá tình hình thực hiện các NQ Đại hội đồng Cổ đông thường niên (2025)

a. Kết quả hoạt động kinh doanh theo NQ Đại hội đồng cổ đông

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch (theo NQ ĐHCĐ)	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch (%)
Tổng tài sản	Tăng 14% so với 2024 (tương ứng 984.967 tỷ)	1.025.850	104,15%
Dư nợ cho vay	Tăng 16% so với 2024 (tương ứng 673.596 tỷ)	686.777	101,96%
Huy động vốn (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá)	Tăng 14% so với 2024 (tương ứng 728.409 tỷ)	718.475	98,64%
Lợi nhuận trước thuế	23.000	19.539	84,95%
Hệ số An toàn vốn	>9%	12,46%	-
Tỷ lệ nợ xấu	<2%	0,97%	-

- Tổng tài sản: 1.025.850 tỷ đồng, đạt 104,15% kế hoạch.
- Huy động vốn (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá): 718.475 tỷ đồng, đạt 98,64%

kế hoạch, trong đó:

- Tiền gửi cá nhân, hộ kinh doanh chiếm tỉ trọng lớn nhất (77,83%), tăng 25.895 tỷ đồng so với năm 2024.
- Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 22,17%, tăng 21.980 tỷ đồng so với năm 2024.
- Phát hành giấy tờ có giá tăng 31.644 tỷ đồng so với năm 2024.
- Tổng dư nợ cho vay: 686.777 tỷ đồng, đạt 101,96% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5): 0,97% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế: 19.539 tỷ đồng, giảm 1.467 tỷ đồng so với lợi nhuận năm 2024, đạt 84,95% kế hoạch.

b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024.
- Đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Đã thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Quy chế quản trị nội bộ ACB, Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ACB, và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Đã ban hành Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.

III. Kết quả giám sát danh mục dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Danh mục dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại khoản 5 Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ban kiểm soát tổ chức giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Kết quả giám sát trong năm 2025 ghi nhận:

DVT: tỷ đồng

Khoản mục	Kế hoạch ngân sách	Thực hiện (tính đến 31/12/2025)	% thực hiện/ ngân sách	Ghi chú
1. Dự án đầu tư				
<i>Không phát sinh</i>				
2. Mua tài sản cố định				
<i>a) Thuộc Quản trị hành chính</i>	1.270	1.056	83%	Nghị quyết 5103/TCQD-HDQT.24 ngày 10/12/2024
- Mua bất động sản	400	295	74%	
- Mua xe công vụ, xe chuyên dụng	76	39	51%	

- Xây dựng mới, cải tạo, mở rộng trụ sở văn phòng làm việc, kênh phân phối	775	712	92%	
- Mua sắm máy móc thiết bị, hệ thống kỹ thuật	19	10	53%	
b) Thuộc Công nghệ thông tin				
Dự án, tài sản thuộc công nghệ thông tin	700	134	19%	Nghị quyết 5103/TCQĐ-HDQT.24 ngày 10/12/2024
3. Bán tài sản cố định				
Bán Thừa đất số 17, tờ bản đồ số 33, Phường Tân Mai, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	71,5	71,5	-	Nghị quyết 5106/TCQĐ-HDQT.24 ngày 10/12/2024
BDS số 658/61 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3 (nay là Phường Nhiều Lộc), TP.HCM	3,1	-	-	Nghị quyết 3748/TCQĐ-HDQT.25 ngày 17/7/2025
4. Hợp đồng, giao dịch khác				
a) Phát hành trái phiếu				
Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1	20.000	19.800	99%	Nghị quyết 1109/TCQĐ-HDQT.25 ngày 17/3/2025
Mua lại trước hạn trái phiếu phát hành riêng lẻ năm 2024	12.000	12.000	100%	Nghị quyết 2501/TCQĐ-HDQT.25 ngày 15/5/2025
Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 2	20.000	16.650	83%	Nghị quyết 2812/TCQĐ-HDQT.25 ngày 30/5/2025
Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 3	20.000	400	02%	Nghị quyết 4907/TCQĐ-HDQT.25 ngày 29/9/2025
b) Cho các công ty con thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của ACB				
Cho các công ty con thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của ACB	-	Đã ký hợp đồng với ACBA. Chuẩn bị ký hợp đồng với ACBS và ACBL	-	Nghị quyết 6045/TCQĐ-HDQT.25 ngày 18/12/2025

<i>c) Tăng vốn điều lệ công ty con</i>				
Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán ACB	1.000	1.000	100%	Nghị quyết 992/TCQĐ-HĐQT.25 ngày 07/3/2025
Giao Công ty TNHH Chứng khoán ACB tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB	1.000	1.000	100%	Nghị quyết 993/TCQĐ-HĐQT.25 ngày 07/3/2025
Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu	500	500	100%	Nghị quyết 2128/TCQĐ-HĐQT.25 ngày 24/4/2025

2. Kết quả giám sát việc thực hiện các danh mục theo kế hoạch ngân sách đã được Hội đồng quản trị phê duyệt

- Kế hoạch ngân sách đầu tư tài sản cố định và hợp đồng/ giao dịch khác do Ban điều hành lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt bằng các nghị quyết.
- Căn cứ ngân sách đầu tư tài sản, giao dịch khác đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, quy trình thực hiện mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác tuân thủ Quyết định số 161/NVQĐ-QLCP.25 về Quy chế chi tiêu của Ngân hàng Á Châu, QP-7.319 về Quy trình mua sắm và Quyết định số 36/NVQĐ-QTBCĐKT.25 về Quy định phát hành trái phiếu của Ngân hàng Á Châu.
- Ngân sách đầu tư tài sản thuộc Quản trị hành chính: thực hiện 1.056 tỷ đồng (đạt 83% kế hoạch). Nguyên nhân do chuyển phương án đầu tư, không thương lượng được giá mua; tận dụng các máy móc thiết bị hiện hữu và giãn tiến độ thanh toán.
- Ngân sách đầu tư tài sản thuộc Công nghệ thông tin: thực hiện 134 tỷ đồng (đạt 19% kế hoạch). Nguyên nhân do một số dự án xem xét lại tính khả thi, đánh giá lại về mặt giải pháp cũng như tính hiệu quả/ tiết kiệm về mặt chi phí, chuyển qua năm sau.
- Giao dịch phát hành trái phiếu: phương án phát hành không đạt do thực tế việc phát hành phụ thuộc diễn biến nguồn - sử dụng nguồn của ACB và khả năng mua của đối tác.
- Đối với việc tăng vốn điều lệ cho công ty con: thực hiện theo đúng nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Cho các công ty con thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của ACB: Thực hiện theo đúng nghị quyết của Hội đồng quản trị. Đã triển khai với Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu, đang tiếp tục thực hiện với Công ty TNHH Chứng khoán ACB và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu.

IV. Báo cáo kinh phí hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát

Kinh phí hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:

+ Thủ lao Ban Kiểm soát : 10.451 triệu đồng.

Mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong phạm vi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.

Thù lao và chi phí hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát theo Tờ trình về mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



HUỶNH NGHĨA HIỆP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

VỀ BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua toàn văn Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026. (Đính kèm.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Báo cáo của Tổng giám đốc. *M2*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *Lucas*
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026****I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025****1. Bối cảnh và quan điểm điều hành**

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế, chính trị toàn cầu tiếp tục biến động, rủi ro địa chính trị và các yếu tố bất định về thương mại, chuỗi cung ứng, giá hàng hóa và xu hướng dịch chuyển dòng vốn vẫn hiện hữu. Trong nước, kinh tế duy trì nỗ lực phục hồi và củng cố ổn định vĩ mô, song môi trường kinh doanh vẫn có nhiều yếu tố khó lường. Một số nhóm ngành có dấu hiệu cải thiện, nhưng sức cầu và tốc độ phục hồi giữa các lĩnh vực có độ phân hóa. Đặc biệt, hệ thống chính sách và khuôn khổ pháp lý liên quan đến tài chính, ngân hàng tiếp tục được cập nhật theo hướng tăng tính minh bạch và chuẩn hóa quản trị rủi ro. Điều này đòi hỏi các ngân hàng và khách hàng phải chủ động thích ứng, điều chỉnh mô hình vận hành, chuẩn hóa hồ sơ, quy trình và nâng cao năng lực tuân thủ.

Trong bối cảnh đó, Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) xác định năm 2025 là năm bán lẻ trong lộ trình phát triển đến năm 2030 với quan điểm điều hành xuyên suốt là: ưu tiên củng cố nội lực, tăng trưởng có chọn lọc và nâng cao chất lượng hiệu quả. Bám sát định hướng điều hành, ACB đã triển khai đồng bộ kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống, vừa đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng, vừa củng cố chất lượng tăng trưởng và xây dựng nền tảng dài hạn.

2. Báo cáo công tác điều hành 2025**2.1 Kết quả kinh doanh năm 2025**

Năm 2025, ACB ghi nhận nhiều điểm sáng về **tăng trưởng quy mô, quản trị rủi ro và hiệu quả vận hành**:

- **Tổng tài sản** đạt 1,03 triệu tỷ đồng, tăng 18,7% và vượt 4,2% kế hoạch, qua đó ACB gia nhập nhóm các ngân hàng có quy mô tổng tài sản trên 01 triệu tỷ đồng.
- **Tín dụng** tăng trưởng bền vững: Dư nợ tín dụng đạt 689 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, bám sát mục tiêu đặt ra. Tăng trưởng tín dụng được dẫn dắt bởi mảng cho vay doanh nghiệp tập trung vào các lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế như thương mại, chế biến, chế tạo. Đồng thời, phân khúc cho vay mua nhà ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực, góp phần hoàn thiện bức tranh tăng trưởng hài hòa, bền vững của ACB trong năm bán lẻ mang tính chiến lược.
- **Huy động vốn** (bao gồm phát hành giấy tờ có giá) đạt hơn 718 nghìn tỷ đồng, tăng 12,4%, trong đó mảng khách hàng doanh nghiệp đóng góp nổi bật, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) khách hàng doanh nghiệp cải thiện rõ nét nhờ các giải pháp tài chính “may đo” theo từng ngành nghề, từ dệt may, nhựa, khối FDI đến nông sản, thủy sản... Song song đó, ACB mở rộng hệ sinh thái cho khách hàng cá nhân bằng những sản phẩm khác

biệt, từ thẻ “Lotusmile Pay” kết nối dịch vụ hàng không Vietnam Airlines đến chứng chỉ tiền gửi, kênh đầu tư dung hòa giữa hiệu quả sinh lời, an toàn và tính linh hoạt.

- **Lợi nhuận trước thuế** đạt 19,5 nghìn tỷ đồng và hoàn thành 85% kế hoạch, chủ yếu do ACB triển khai các chương trình có lãi suất cạnh tranh nhằm nuôi dưỡng và mở rộng tệp khách hàng chất lượng và tăng trích lập dự phòng để củng cố “bộ đệm” an toàn cho các năm tới. Xét riêng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng đạt mức 22,9 nghìn tỷ đồng, ghi nhận tăng trưởng so với cùng kỳ.
- **Tổng thu nhập** đạt khoảng 33,8 nghìn tỷ đồng; thu nhập ngoài lãi tăng 20,5% lên gần 07 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng mạnh nhờ điều kiện thị trường thuận lợi: thu nhập đầu tư tăng 33,9%, kinh doanh ngoại hối tăng 47,9%, cùng với việc đẩy mạnh thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro giúp thu nhập khác tăng đáng kể. Biên sinh lời duy trì ở mức 3% trong bối cảnh lãi suất cho vay được giữ ở mức thấp để hỗ trợ tăng trưởng theo định hướng chung.
- **Chi phí hoạt động** được kiểm soát hiệu quả ở mức tương đương năm trước. Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR < Cost to Income Ratio) duy trì quanh mức 32%, phản ánh nỗ lực nâng cao hiệu suất của toàn hệ thống.
- **Nâng cao hiệu quả hoạt động toàn tập đoàn:** ACB đẩy mạnh kết nối hệ sinh thái và vai trò các công ty con, đến cuối năm 2025, ACBS đạt lợi nhuận trước thuế lũy kế hơn 1,2 nghìn tỷ đồng, tăng 46%; các đơn vị khác cũng đóng góp ngày càng rõ nét. ACB cũng đã xây dựng kế hoạch thành lập Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2026 nhằm hoàn thiện hệ sinh thái tài chính.
- **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% thực hiện so KH
1. Tổng tài sản	984.967	1.025.850	104%
2. Huy động (gồm tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá)	728.409	718.475	99%
3. Cho vay khách hàng	673.596	686.777	102%
4. Tỷ lệ nợ xấu nhóm 3 - nhóm 5 (sau CIC)	<2%	0,97%	206%
5. Lợi nhuận trước thuế	23.000	19.539	85%

2.2 Công tác quản trị rủi ro:

- ### 2.2.1. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, gia tăng bộ đệm dự phòng và đảm bảo tính tuân thủ.

- **Chất lượng tài sản** tiếp tục là điểm mạnh nổi bật: tỷ lệ nợ xấu (NPL) đạt 0,97%, thuộc nhóm thấp hàng đầu thị trường; tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) cải thiện ở mức 114%, nhờ ACB tăng trích lập dự phòng trong năm 2025 nhằm chủ động gia cố “bộ đệm”, nâng cao năng lực chống chịu dài hạn.
- **Vốn và an toàn vốn:** ACB đã hoàn thành dự án xây dựng nền tảng tính vốn cho rủi ro tín dụng trên phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB < Internal Ratings-Based), bao gồm cả hai cấp độ cơ bản (FIRB) và nâng cao (AIRB). Khởi động từ năm 2024, dự án IRB được ACB triển khai nhằm chủ động đáp ứng lộ trình theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ước tính cải thiện lên mức 12,3%, cao hơn đáng kể so với mức tối thiểu theo quy định.
- **An toàn thanh khoản:** ACB điều hành tăng trưởng tín dụng và huy động bám sát diễn biến thị trường, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và vận hành ổn định trong điều kiện thị trường biến động. Cụ thể, tỷ lệ dự nợ cho vay so với tổng huy động tiền gửi (LDR) tại thời điểm cuối năm đạt 79%, thấp hơn đáng kể so với hạn mức tối đa 85% theo quy định của NHNN. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn duy trì ở mức 24%, thấp hơn so với ngưỡng quy định của NHNN giúp ACB có dư địa để cải thiện lợi suất khi gia tăng nguồn cho vay trung dài hạn.

2.2.2. Báo cáo tình hình cấp tín dụng cho các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các TCTD:

- Theo Điều 135 Luật Các TCTD, giới hạn cấp tín dụng đối với: (i) các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 nói trên là $\leq 5\%$ vốn tự có; (ii) đối với 01 (một) đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 nói trên là $\leq 10\%$ vốn tự có; và (iii) đối với tất cả các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 nói trên là $\leq 15\%$ vốn tự có.
- Tỷ lệ thực tế tại ngày 31/12/2025 đối với các chỉ tiêu trên của ACB lần lượt (i) là 4,56% vốn tự có; (ii) 2,42% vốn tự có; (iii) 3,85% vốn tự có. Tất cả đều tuân thủ giới hạn theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Báo cáo kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng và trích lập dự phòng, kết quả sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo khoản 3 Điều 13 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN:

a. Kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng

- Năm 2025, kết quả phân loại nợ và cam kết ngoại bảng tiếp tục khẳng định chất lượng tài sản tốt và hiệu quả quản trị rủi ro của ACB: nợ đủ tiêu chuẩn chiếm tỷ trọng chủ đạo, nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp. ACB thuộc nhóm ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất hệ thống.
- Đối với cam kết ngoại bảng, ACB duy trì cơ chế theo dõi chặt chẽ và quản trị rủi ro chủ động, qua đó hạn chế nguy cơ chuyển hóa thành rủi ro tín dụng và giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn phát sinh trong kỳ.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Dư nợ tại ngày 31/12/2025	Số dư cam kết ngoại bảng tại ngày 31/12/2025
Nhóm 1	863.040	46.082
Nhóm 2	2.475	43
Nhóm 3	764	1
Nhóm 4	757	2
Nhóm 5	5.085	16
Tổng	872.121	46.144

b. Kết quả trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro năm 2025:

- ACB tiếp tục chủ động củng cố bộ đệm rủi ro trong năm 2025 khi tổng dự phòng tăng từ 6.587 tỷ đồng lên 7.456 tỷ đồng (tăng 869 tỷ đồng); đã trích lập ròng 3.299 tỷ đồng và sử dụng 2.431 tỷ đồng để xử lý rủi ro, vừa đảm bảo nguồn lực xử lý nợ, vừa nâng cao khả năng chống chịu.
- Cơ cấu dự phòng cho thấy dự phòng chung tăng từ 4.222 tỷ đồng lên 4.971 tỷ đồng, trong khi dự phòng cụ thể tăng từ 2.365 tỷ đồng lên 2.484 tỷ đồng, thể hiện định hướng tăng cường dự phòng mang tính phòng ngừa, nâng mức an toàn cho danh mục.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Quỹ dự phòng rủi ro	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
1	Tại ngày 01/01/2025	4.222	2.365	6.587
2	(Hoàn nhập)/Trích lập trong năm	749	2.550	3.299
3	Sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	-	(2.431)	(2.431)
4	Tại ngày 31/12/2025 = [1]+[2]-[3]	4.971	2.484	7.456

2.3 Hoạt động chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm khách hàng

Năm 2025, ACB đẩy mạnh chuyển đổi số theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI/GenAI) nhằm nâng cao trải nghiệm, tăng hiệu quả kinh doanh, giảm chi phí và kiểm soát rủi ro.

- Tăng cường an toàn và bảo mật: ACB tiếp tục vận hành mô hình phòng vệ đa lớp trên ACB ONE với sự kết hợp giữa con người – công nghệ – hệ thống. Nhờ ứng dụng các công nghệ như Computer Vision, NLP, FDD, ngân hàng ngăn chặn 37.400 giao dịch lừa đảo, bảo vệ gần 2.500 tỷ đồng tài sản khách hàng. Quy trình eKYC được nâng cấp

với xác thực CCCD gắn chip đối chiếu dữ liệu Bộ Công an, đi kèm cơ chế cảnh báo và tạm dừng giao dịch tự động đối với giao dịch bất thường.

- Ứng dụng GenAI vào kinh doanh và vận hành: ACB triển khai nhiều giải pháp GenAI cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp, góp phần tăng hiệu quả bán hàng và tối ưu quy trình phục vụ. Đồng thời, hệ thống ACB ASK, Copilot & ChatGPT Enterprise được áp dụng rộng rãi trong nội bộ giúp tự động hóa công việc, giảm thời gian xử lý và cải thiện năng suất của đội ngũ.
- Gia tăng gắn kết khách hàng trên nền tảng số: Năm 2025, số lượng giao dịch trực tuyến tăng 30%, khách hàng mới đến từ kênh số tăng 91%, và số lượng khách hàng giao dịch trực tuyến bình quân tháng tăng 12,5% so với năm 2024. Màng tiết kiệm số duy trì đà tăng trưởng cao với mức tăng 45% về số tài khoản tiền gửi trực tuyến có kỳ hạn và tăng 25% về số lượng khách hàng gửi tiền trực tuyến.

2.4 Khởi động Chiến lược phát triển ACB giai đoạn 2025 – 2030.

Năm 2025, ACB chính thức khởi động Chiến lược giai đoạn 2025–2030 với tuyên ngôn “Trở thành tập đoàn tài chính hiệu quả, mang giải pháp cá nhân hóa toàn diện đến từng khách hàng, thông qua trải nghiệm liền mạch trên nền tảng tích hợp, được dẫn dắt bởi công nghệ, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo”. Đây là định hướng xuyên suốt cho hành trình phát triển 05 năm, được cụ thể hóa cho 4 phân khúc khách hàng trọng tâm.

- Với phân khúc khách hàng cá nhân thu nhập cao (Affluent và High-Net-Worth Individual), ACB định hướng xây dựng bộ giải pháp đồng hành trọn đời, mở rộng sản phẩm đầu tư và quản lý gia sản với dịch vụ chuyên biệt, trải nghiệm đẳng cấp. Với khách hàng cá nhân đại chúng (Mass và Mass Affluent), ngân hàng tập trung tạo trải nghiệm nhanh, thuận tiện và liền mạch trên mọi kênh, đặc biệt là kênh số, đồng thời lên kế hoạch ra mắt nền tảng mới phục vụ phân khúc này. Với doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), ACB phát huy thế mạnh sẵn có, thúc đẩy số hóa toàn diện các giải pháp thanh toán, tài trợ và quản trị giúp doanh nghiệp vận hành mượt hơn và tăng trưởng bền vững. Với doanh nghiệp lớn (MMLC, gồm FDI), ACB phát triển mô hình phục vụ chuyên môn hóa theo ngành, đồng thiết kế giải pháp dựa trên am hiểu dòng tiền và chu kỳ kinh doanh để xây dựng quan hệ đối tác dài hạn.
- ACB đã đề ra hơn 20 sáng kiến chiến lược và hiện thực thi khoảng 1/3 các sáng kiến. Trong năm 2026 dự kiến triển khai hơn 1/2 các sáng kiến chiến lược này, kỳ vọng là nền tảng giúp ACB tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

2.5 Những điểm nổi bật về phát triển bền vững (ESG) trong năm 2025

ACB tiếp tục thúc đẩy định hướng phát triển bền vững gắn với trách nhiệm xã hội, xem ESG là nền tảng hỗ trợ tăng trưởng dài hạn và nâng cao chất lượng quản trị:

- Năm 2025, ACB đã hoàn thành xây dựng Chiến lược phát triển bền vững cho giai đoạn 2026 – 2030 với 12 chủ đề trọng yếu thuộc 04 trụ cột: Kinh tế, Môi trường, Xã hội và Quản trị.

- Trong năm, ACB đã công bố mô hình phát triển bền vững theo hướng tạo giá trị chung (CSV), đánh dấu bước chuyển từ các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) rời rạc sang cách tiếp cận hệ thống, dài hạn và đo lường được, gắn với Chiến lược kinh doanh của Ngân hàng trong giai đoạn 2025–2030.
- Song song với các chương trình vì cộng đồng, ACB thúc đẩy khung tài chính bền vững, phát triển tín dụng xanh và tín dụng xã hội cho các doanh nghiệp theo định hướng phát triển bền vững. Tính đến cuối năm 2025, dư nợ tín dụng xanh/xã hội đạt hơn 2.000 tỷ đồng, thể hiện cam kết mạnh mẽ của ACB trong hỗ trợ chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

Nhờ những nỗ lực đồng bộ đó, năm 2025, ACB nhận được loạt giải thưởng và bằng khen trong lĩnh vực phát triển bền vững bao gồm: Go Green (Thực hành xanh) – ASEAN Fintech Forum; Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2025 – HR Asia Awards, lần thứ 7 liên tiếp; Tốp 10 ngân hàng thực thi ESG xuất sắc 2024 – Vietnam ESG Awards (Báo Dân trí), hạng mục ESG toàn diện; Tốp 50 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2025 – Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư, gồm hai hạng mục: S (Hoạt động CSR nổi bật) và G (Tinh thần lãnh đạo ESG); và Bằng khen vì thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình và Phong trào thi đua “Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025”.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026

Trên cơ sở định hướng chiến lược và phân tích các yếu tố thị trường, xu hướng vĩ mô, Ban điều hành đặt mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu hợp nhất	Tăng trưởng so với năm 2025
1	Tổng tài sản	16%
2	Dư nợ tín dụng	16% <i>(Không vượt quá hạn mức tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.)</i>
3	Huy động (bao gồm giấy tờ có giá)	16%
4	Lợi nhuận trước thuế	14%
5	Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 – nhóm 5)	< 2%

2. Triển khai nhóm các giải pháp trọng tâm

Để đạt mục tiêu năm 2026 nêu trên, Ban điều hành tập trung triển khai các nhóm giải pháp sau:

- (1) **Thúc đẩy tăng trưởng doanh thu lãi** bằng cách cá nhân hóa hành trình khách hàng và số hóa từ khâu đầu đến khâu cuối (end-to-end) các hành trình sản phẩm (tín dụng và phi tín dụng) để mở rộng quy mô và tăng năng suất.

- (2) **Mở rộng hệ sinh thái sản phẩm tài chính (bảo hiểm/đầu tư và dịch vụ gia tăng)** theo hướng minh bạch, phù hợp nhu cầu từng phân khúc, nhằm nâng trải nghiệm và gia tăng doanh thu dịch vụ bền vững.
- (3) **Tăng tốc chuyển đổi số toàn diện:** đầu tư công nghệ, dữ liệu và AI để tự động hóa vận hành, nâng hiệu quả quản trị, kiểm soát rủi ro và nâng trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, **nâng cấp hạ tầng và năng lực công nghệ** phục vụ chuyển đổi số, tăng độ ổn định, an toàn và tích hợp.
- (4) **Tuân thủ và quản trị rủi ro theo chuẩn mực cao:** giữ vững uy tín và sự tin nhiệm thông qua tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật, chuẩn mực quản trị doanh nghiệp và thông lệ quản lý rủi ro tiên tiến.
- (5) **Phát triển bền vững gắn trách nhiệm xã hội (ESG):** lồng ghép trách nhiệm xã hội vào chiến lược 2025–2030 với các trụ cột ưu tiên Sức khỏe, Giáo dục và Môi trường, triển khai xuyên suốt từ cấp tín dụng, phát triển sản phẩm đến quản trị rủi ro và hợp tác với khách hàng/đối tác.
- (6) **Phát triển và phát huy vai trò các công ty con hướng tới Tập đoàn tài chính hiệu quả:** tăng cường liên kết bán chéo trong toàn hệ sinh thái, chuẩn hóa quản trị/hiệu suất, mở rộng năng lực sản phẩm, kênh phân phối của các đơn vị thành viên, qua đó gia tăng đóng góp lợi nhuận hợp nhất và hoàn thiện hệ sinh thái tài chính của ACB.

Năm 2026, Ban điều hành cam kết triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm, quản trị rủi ro chặt chẽ, tối ưu hiệu quả hoạt động và kiên định bám sát Chiến lược phát triển 2025 – 2030 nhằm hoàn thành các mục tiêu ĐHCĐ giao và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Từ Tiến Phát

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ HỢP NHẤT NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 24/02/2026 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) kiểm toán.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 
CHỦ TỌA




Trần Hùng Huy



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 86.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty bảo hiểm
tổ chức theo luật pháp của Hoa Kỳ và là một công ty thành viên trong hệ thống kế toán độc lập của
Công ty TNHH KPMG, một công ty thành viên của KPMG Network Limited, một công ty thành viên của tập
đoàn KPMG được thành lập tại Hong Kong, Trung Quốc. Tất cả các quyền được bảo lưu.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00543-25-1



Nelson Rodríguez Casihua
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2875-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2025 Triệu VND	31.12.2024 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	8.624.548	5.696.444
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	16.574.505	25.219.461
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	139.216.937	106.003.288
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		137.921.722	106.836.456
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.294.915	1.216.832
3 Dự phòng rủi ro	6.3	-	(50.000)
IV Chứng khoán kinh doanh	7	598.006	841.743
1 Chứng khoán kinh doanh	7.1	598.006	841.743
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	324.298	55.992
VI Cho vay khách hàng		660.465.765	563.147.530
1 Cho vay khách hàng	9	667.921.428	569.734.624
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(7.455.663)	(6.587.094)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	144.164.118	121.090.243
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		132.778.839	108.918.477
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		11.396.527	12.171.766
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(11.250)	-
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	12.079.899	7.578.535
1 Đầu tư vào công ty con	11.2	12.006.000	7.505.000
4 Đầu tư dài hạn khác	11.3	233.739	241.467
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.4	(169.040)	(167.932)
X Tài sản cố định		5.352.506	5.326.341
1 Tài sản cố định hữu hình	12.1	3.140.323	3.162.095
a Nguyên giá tài sản cố định		6.615.897	6.331.878
b Hao mòn tài sản cố định		(3.475.374)	(3.169.783)
3 Tài sản cố định vô hình	12.2	2.212.183	2.164.246
a Nguyên giá tài sản cố định		3.029.721	2.870.302
b Hao mòn tài sản cố định		(817.538)	(706.056)
XII Tài sản Có khác		13.049.730	8.471.828
1 Các khoản phải thu	13.1	5.455.639	3.547.914
2 Các khoản lãi, phí phải thu		6.441.731	4.783.969
3 Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	13.2	17.185	17.190
4 Tài sản Có khác	13.3	1.312.823	1.295.406
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.4	(177.646)	(172.651)
TỔNG TÀI SẢN		1.000.449.810	846.431.405

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 Triệu VND	31.12.2024 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	14	32.978.139	7.954.853
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước		31.170.978	7.054.853
2	Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		1.805.161	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15	131.528.577	94.993.212
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		121.339.559	91.621.808
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		10.189.018	3.371.405
III	Tiền gửi của khách hàng	16	587.874.763	539.139.747
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	17	19.079	28.000
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18	133.122.924	101.648.155
VII	Các khoản nợ khác		23.822.721	21.614.533
1	Các khoản lãi, phí phải trả		8.950.344	7.023.331
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	14.872.377	14.591.202
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		909.444.203	765.378.508
VIII	Vốn chủ sở hữu	20	91.005.607	81.052.897
1	Vốn của tổ chức tín dụng		51.638.345	44.938.358
a	Vốn điều lệ		51.368.566	44.666.579
c	Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		17.095.256	14.336.576
5	Lợi nhuận chưa phân phối		22.272.006	21.777.983
a	Lợi nhuận năm nay		11.760.688	12.868.159
b	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước		10.511.318	8.909.824
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		91.005.607	81.052.897
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.000.449.810	846.431.405

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Tại ngày		
		31.12.2025 Triệu VND	31.12.2024 Triệu VND	
1	Bảo lãnh vay vốn	37.1	83.036	54.784
2	Cam kết giao dịch hối đoái	37.1	165.444.063	195.824.188
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		3.176.017	1.571.599
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		2.189.273	1.865.951
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		160.078.773	192.295.538
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	37.1	6.886.479	3.311.775
5	Bảo lãnh khác	37.1	19.772.573	14.262.824
6	Các cam kết khác	37.1	25.031.882	28.349.409
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	38	1.597.531	1.729.633
8	Nợ khó đòi đã xử lý	39	8.503.061	6.687.997
9	Tài sản và chứng từ khác	40	1.960.094	638.473

Đoàn Thị Thủy Dung
 Người lập

Dương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng

Từ Tiên Phát
 Tổng Giám đốc
 Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B03/TCTD

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

	Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	56.708.635
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(30.950.747)
I	Thu nhập lãi thuần		25.757.888
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	23	4.579.310
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(1.899.602)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		2.679.708
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	1.731.300
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	(3.426)
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	396.762
5	Thu nhập từ hoạt động khác		1.732.136
6	Chi phí hoạt động khác		(557.657)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	1.174.279
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	57.868
VIII	Chi phí hoạt động	30	(10.344.870)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		21.449.509
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(3.298.461)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		18.151.048
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.1	(3.631.675)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.2	(5)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32	(3.631.680)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		14.519.368

Đoàn Thị Thủy Dung
Người lập

Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiên Phát
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần hợp thành báo cáo tài chính này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	55.050.873	40.108.489
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(29.017.609)	(23.366.957)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.113.041	2.410.176
04	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	2.142.936	1.608.404
05	Thu nhập/(chi phí) khác	82.648	(74.034)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	1.080.149	732.524
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(10.073.274)	(10.388.159)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(4.175.131)	(3.941.421)
		<u>17.203.633</u>	<u>16.111.022</u>
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG			
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(1.127.843)	(112.503)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(23.841.386)	(41.824.763)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(288.306)	(55.992)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(98.186.804)	(88.458.485)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(2.480.596)	(224.804)
14	(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(1.889.050)	1.110.439
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	25.021.286	7.954.765
16	Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	36.535.365	10.677.482
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	48.735.016	55.490.494
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	31.468.644	49.233.145
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(8.929)	(13.526)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(117.126)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	1.791.961	825.822
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(129.874)	(1.249)
		<u>32.823.127</u>	<u>10.594.721</u>
1	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	32.823.127	10.594.721

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(671.273)	(890.087)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	72.195	147.843
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(4.500.000)	(3.000.000)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	678	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	60.585	12.387
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(5.037.815)	(3.729.857)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(4.466.658)	(3.884.051)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(4.466.658)	(3.884.051)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	23.318.654	2.980.813
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	136.752.361	135.771.548
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	33 162.071.015	136.752.361

Đoàn Thị Thủy Dung
Người lập

Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất định kỳ kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 97.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty thành viên của Tập đoàn KPMG được thành lập tại Việt Nam với tư cách là công ty thành viên trong hệ thống toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, tên viết tắt KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn, theo luật định được thành lập tại Vương Quốc Anh. TÀI LIỆU KPMG ĐƯỢC SỬ DỤNG

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00543-26-2



Nelson Rodrigo Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2025 Triệu VND	31.12.2024 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	8.624.548	5.696.440
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	16.574.958	25.219.753
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	149.990.661	117.882.259
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		149.990.661	117.781.280
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	150.979
3 Dự phòng rủi ro	6.3	-	(50.000)
IV Chứng khoán kinh doanh	7	6.544.882	3.681.151
1 Chứng khoán kinh doanh	7.1	6.708.358	4.029.086
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	7.4	(163.476)	(147.937)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	324.298	55.992
VI Cho vay khách hàng		679.152.623	573.946.692
1 Cho vay khách hàng	9	686.777.352	580.686.248
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(7.624.729)	(6.739.556)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	144.164.116	121.090.243
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		132.778.839	108.918.477
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		11.396.527	12.171.766
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(11.250)	-
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	74.699	124.935
Đầu tư dài hạn khác	11.2	233.730	292.867
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.3	(159.040)	(167.932)
X Tài sản cố định	12	5.438.550	5.412.370
1 Tài sản cố định hữu hình	12.1	3.200.467	3.222.199
a Nguyên giá tài sản cố định		6.806.109	6.504.276
b Hao mòn tài sản cố định		(3.605.621)	(3.282.078)
3 Tài sản cố định vô hình	12.2	2.238.063	2.190.172
a Nguyên giá tài sản cố định		3.117.527	2.950.265
b Hao mòn tài sản cố định		(879.464)	(760.093)
XI Bất động sản đầu tư	13	149.673	177.005
a Nguyên giá bất động sản đầu tư		149.692	177.005
b Hao mòn bất động sản đầu tư		(19)	-
XII Tài sản Có khác		14.811.099	10.516.854
1 Các khoản phải thu	14.1	6.743.073	4.299.649
2 Các khoản lãi, phí phải thu		6.619.629	4.954.367
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	14.2	17.263	17.318
4 Tài sản Có khác	14.3	1.414.349	1.425.899
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.4	(183.215)	(178.379)
TỔNG TÀI SẢN		1.025.850.127	864.005.703

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

		Tại ngày		
		Thuyết minh	31.12.2025 Triệu VND	31.12.2024 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	15	32.978.139	7.954.853
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước		31.170.978	7.954.853
2	Giao dịch bán và mua tại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		1.805.161	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	154.999.539	111.591.888
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		121.314.141	91.573.962
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		33.685.398	20.017.706
III	Tiền gửi của khách hàng	17	585.180.175	537.304.578
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	18	19.079	28.008
VI	Phát hành giấy tờ có giá	19	133.294.422	101.850.446
VII	Các khoản nợ khác		24.861.054	22.014.472
1	Các khoản lãi, phí phải trả		8.969.078	7.045.361
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	15.891.976	14.969.111
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		931.330.408	780.544.025
VIII	Vốn chủ sở hữu	21	94.519.719	83.461.678
1	Vốn của tổ chức tín dụng		51.638.345	44.938.358
a	Vốn điều lệ		51.368.568	44.668.579
c	Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
2	Quý của tổ chức tín dụng		17.583.061	14.789.568
5	Lợi nhuận chưa phân phối		25.298.313	23.733.752
a	Lợi nhuận năm nay		12.837.206	13.557.635
b	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước		12.461.107	10.176.117
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		94.519.719	83.461.678
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.025.850.127	864.005.703

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-MN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2025 Triệu VND	31.12.2024 Triệu VND
1 Bảo lãnh vay vốn	39.1	83.036	54.784
2 Cam kết giao dịch hối đoái	39.1	165.444.063	195.824.188
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		3.176.017	1.671.699
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		2.189.273	1.665.951
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		160.078.773	192.286.538
4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39.1	6.666.479	3.311.773
5 Bảo lãnh khác	39.1	19.772.573	14.262.824
6 Các cam kết khác	39.1	25.031.362	28.349.409
7 Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	40	1.603.488	1.733.456
8 Nợ khó đòi đã xử lý	41	8.618.443	6.783.880
9 Tài sản và chứng từ khác	42	2.207.595	685.974


Đoàn Thị Thủy Dung
Người lập


Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng



Từ Tiên Phát
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B03/TCTD-HH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND	
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	58.755.829	50.902.749
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(31.850.134)	(23.108.047)
I	Thu nhập lãi thuần		26.905.695	27.794.702
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	5.196.123	5.464.958
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(2.049.383)	(2.226.173)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		3.146.740	3.238.785
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	1.731.888	1.179.752
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	474.316	200.357
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	396.784	450.312
5	Thu nhập từ hoạt động khác		2.228.694	1.266.132
6	Chi phí hoạt động khác		(1.205.407)	(642.495)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	29	1.023.287	623.637
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	119.175	36.214
VIII	Chi phí hoạt động	31	(10.924.356)	(10.902.603)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		22.873.524	22.612.156
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(3.334.748)	(1.606.285)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		19.538.776	21.005.871
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.1	(3.914.022)	(4.199.699)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.2	(55)	(15.404)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33	(3.914.077)	(4.215.103)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		15.624.699	16.789.768
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	3.022	3.191

Đoàn Thị Thủy Dung
Người lập

Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	56.890.567	50.231.081
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(29.920.751)	(23.737.584)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.580.073	2.872.118
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	2.636.825	1.822.938
05	Chi phí khác	(222.834)	(164.089)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	1.084.336	740.938
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(10.615.757)	(10.747.138)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(4.335.459)	(4.108.348)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG	18.097.000	16.709.888
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(1.952.539)	(5.521.656)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(26.764.393)	(43.661.371)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(268.306)	(55.992)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(108.081.104)	(93.064.396)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(2.500.269)	(232.880)
14	(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(2.365.518)	271.010
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	25.021.286	7.954.765
16	Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	43.407.871	22.065.008
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	47.875.587	54.601.847
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	31.638.310	46.233.145
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(8.929)	(13.526)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(117.126)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	2.200.942	102.768
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(129.674)	(1.249)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	28.160.074	8.370.231

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(701.864)	(919.740)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	72.205	147.865
04	Mua sắm bất động sản đầu tư	(110.808)	-
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	265.000	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	52.078	3.507
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	119.157	35.058
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(304.232)	(733.310)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(4.466.658)	(3.884.051)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(4.466.658)	(3.884.051)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	23.389.184	3.752.870
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	139.824.608	136.071.738
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	35 163.213.792	139.824.608

Đoàn Thị Thủy Dung
Người lập

Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiên Phát
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 37 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2025	19.538.776.387.455
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.914.077.777.994
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	15.624.698.609.461
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	14.519.367.319.426
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	2.893.493.584.021
4a	Quỹ DTBSVDL của ACB (3a x 10%)	1.451.936.731.943
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB [10% x (3a - 4a)]	1.306.743.058.748
4c	Quỹ của các công ty con	34.813.793.330
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	100.000.000.000
5	Lợi nhuận 2025 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	12.731.205.025.440
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	12.467.107.490.059
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2025 (5+6)	25.198.312.515.499
8	Vốn điều lệ ACB	51.366.565.990.000

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.136.656.599
10	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2025	5.136.656.599
11	Chia cổ tức năm 2025 (20%: cổ phiếu 13%, tiền mặt 7%)	10.273.313.199.300
12	Lợi nhuận còn lại (7-11)	14.924.999.316.199

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2026	22.338.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.467.600.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	17.870.400.000.000
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	16.029.600.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	3.316.672.000.000
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	100.000.000.000
5	Lợi nhuận 2026 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	14.553.728.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	14.924.999.316.199
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2026 (5+6)	29.478.727.316.199
8	Vốn điều lệ ACB	51.366.565.990.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.136.656.599
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2025 (13%)	667.765.358
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2026 (9+10)	5.804.421.957
12	Chia cổ tức năm 2026 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)	14.511.054.897.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	14.967.672.419.199

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luu*
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể theo nội dung Tờ trình đính kèm.
- Điều 2.** Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 51.366.565.990.000 đồng (Năm mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi sáu tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) lên 58.044.219.570.000 đồng (Năm mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bốn tỷ, hai trăm mười chín triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng.)
- Điều 3.** Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện việc tăng vốn điều lệ và quyết định các công việc liên quan, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của Ngân hàng.
- Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 5.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Tờ trình về Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU.**1.1. Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ.**

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết đối với ACB vì các lý do sau:

- Thêm nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư trái phiếu chính phủ của Ngân hàng;
- Thêm nguồn vốn để xây dựng văn phòng làm việc, cải tạo, sửa chữa, di dời trụ sở kênh phân phối; đầu tư vào các dự án chiến lược của Ngân hàng;
- Nâng cao năng lực tài chính, thích ứng với những biến động của thị trường.

Tóm lại, việc tăng vốn điều lệ là hết sức cần thiết cho hoạt động kinh doanh của ACB.

1.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành cổ phiếu.

ACB dự kiến thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2025 từ chia cổ tức bằng cổ phần phổ thông cho cổ đông với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

a. <u>Vốn điều lệ hiện tại:</u>	51.366.565.990.000 đồng
Trong đó,	
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành:	5.136.656.599 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại:	Không có
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại:	Không có
- Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại:	Không có

- Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức năm 2025: 5.136.656.599 cổ phiếu
- b. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2025 được xác định theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH KPMG (Việt Nam):
 - Số liệu hợp nhất (sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và quỹ của các công ty con) trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025: 25.298.312.515.499 đồng
 - Số liệu riêng (sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính) trên Báo cáo tài chính riêng năm 2025: 22.272.006.082.611 đồng
- c. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: là lợi nhuận lũy kế chưa phân phối hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ của các công ty con, và quỹ khen thưởng phúc lợi (100.000.000.000 đồng) theo Nghị quyết số/TCQĐ-ĐHĐCĐ.26 ngày 09/4/2026 về việc phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026:
 - 25.198.312.515.499 đồng
 - Trong đó, số tiền được sử dụng để tăng vốn điều lệ: 6.677.653.580.000 đồng
- d. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:
 - Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm: 6.677.653.580.000 đồng
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm: 667.765.358 cổ phiếu
- e. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:
 - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: 5.804.421.957 cổ phiếu
 - Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 58.044.219.570.000 đồng
- f. Thời gian dự kiến phát hành và hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu: Từ quý 2 đến quý 3 năm 2026
- g. Hình thức tăng vốn và phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận năm 2025 có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia.
- h. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- i. Tỷ lệ thực hiện quyền: 13%. Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 13 cổ phiếu mới.
- j. Chuyển nhượng quyền nhận cổ phiếu: Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.

- k. Phương thức thực hiện và phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.
- l. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 95 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là $(95 * 0,13) = 12,35$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 12 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,35 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*


- 1.3. Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua phương án và dự kiến sau khi tăng vốn (tại thời điểm 13/02/2026)¹: Không có.


2. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM.

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

3. KIẾN NGHỊ.

- Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2025 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Giao Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện việc tăng vốn điều lệ và quyết định các công việc liên quan, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của Ngân hàng.

Kính trình. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Trần Hùng Huy

¹ Thông tin này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị
và Ban kiểm soát năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2026 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2026.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HDQT, VP TGD. *H*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *Lưu*
CHỦ TỌA



[Signature]
Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua việc chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính, thực hiện dịch vụ đảm bảo đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Luat
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua việc chọn Công ty TNHH PwC Việt Nam là tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính, thực hiện dịch vụ đảm bảo đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) *MS*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *Lưu*
CHỦ TỌA



[Signature]
Trần Hùng Huy

ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 4425/TCQB-DHĐCD.26 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN MỞ ĐẦU	5
MỤC I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
MỤC II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Ngân hàng.....	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	7
MỤC III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG . 7	
Điều 4. Mục tiêu hoạt động.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	8
Điều 6. Hoạt động huy động vốn.....	8
Điều 7. Hoạt động cấp tín dụng.....	8
Điều 8. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán qua tài khoản.....	9
Điều 9. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần.....	9
Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh.....	10
Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng.....	10
Điều 12. Kinh doanh bất động sản.....	10
Điều 13. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng.....	10
Điều 14. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động.....	11
MỤC IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU, VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC	11
Điều 15. Vốn điều lệ.....	11
Điều 16. Cổ phần.....	11
Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	12
Điều 18. Cổ phiếu, Trái phiếu và Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần và thu hồi cổ phần.....	13



A handwritten signature in blue ink is located at the bottom right corner of the page.

MỤC V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	15
A. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ.....	15
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	15
B. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	15
Điều 21. Nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.....	15
Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.....	15
Điều 23. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	17
Điều 24. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách.....	17
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.....	18
Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.....	19
C. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....	19
Điều 27. Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ.....	19
MỤC VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	20
Điều 28. Quyền của cổ đông.....	20
Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông.....	21
Điều 30. Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 31. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường.....	23
Điều 32. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 33. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 34. Thay đổi các quyền.....	27
Điều 35. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 36. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 38. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 39. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	31
Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 41. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 43. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	35
MỤC VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	35
Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ.....	35
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	36
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị.....	37

Điều 47. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	40
Điều 50. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.....	42
Điều 51. Thư ký công ty.....	43
Điều 52. Người phụ trách quản trị công ty.....	43
MỤC VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
Điều 53. Tổ chức bộ máy quản lý.....	44
Điều 54. Người điều hành Ngân hàng.....	44
Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.....	44
Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc.....	45
MỤC IX. BAN KIỂM SOÁT.....	46
Điều 57. Thành phần và nhiệm kỳ.....	46
Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	46
Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	48
Điều 60. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	48
MỤC X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN KHÁC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	48
Điều 61. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành.....	48
Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích).....	49
Điều 63. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	50
MỤC XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG.....	50
Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng.....	50
MỤC XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	51
Điều 65. Người lao động và Công đoàn.....	51
MỤC XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	51
Điều 66. Phân phối lợi nhuận.....	51
MỤC XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	52
Điều 67. Tài khoản ngân hàng.....	52
Điều 68. Chế độ tài chính.....	52
Điều 69. Vốn và sử dụng vốn.....	53
Điều 70. Các quỹ dự trữ.....	53
Điều 71. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng.....	53
Điều 72. Năm tài chính.....	53

MỤC XV. BẢO CÁO TÀI CHÍNH, BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	54
Điều 74. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	54
Điều 75. Báo cáo thường niên.....	54
Điều 76. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	54
Điều 77. Cung cấp thông tin.....	54
Điều 78. Nghĩa vụ bảo mật.....	54
MỤC XVI. KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG.....	55
Điều 79. Kiểm toán.....	55
MỤC XVII. DẤU CỦA NGÂN HÀNG.....	55
Điều 80. Dấu của Ngân hàng.....	55
MỤC XVIII. CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, VÀ GIẢI THỂ.....	56
Điều 81. Can thiệp sớm và Kiểm soát đặc biệt.....	56
Điều 82. Tổ chức lại Ngân hàng.....	56
Điều 83. Phá sản Ngân hàng.....	56
Điều 84. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng.....	56
Điều 85. Gia hạn hoạt động.....	56
Điều 86. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động.....	56
MỤC XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	57
Điều 87. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	57
MỤC XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	57
Điều 88. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	57
MỤC XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	58
Điều 89. Ngày hiệu lực.....	58

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là doanh nghiệp được thực hiện tất cả hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông ngày 09 tháng 04 năm 2026.

MỤC I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ/chữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Ban điều hành", bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và Kế toán trưởng.
 - b. "Cổ đông", là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
 - c. "Cổ đông lớn", là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
 - d. "Cổ phần", là vốn điều lệ của Ngân hàng được chia thành các phần bằng nhau. Mệnh giá cổ phần do Điều lệ quy định.
 - e. "Cổ phiếu", là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
 - f. "Cổ tức", là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
 - g. "Công ty con", là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - (i). Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - (ii). Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - (iii). Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;
 - (iv). Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.
 - h. "Công ty liên kết", là công ty trong đó Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.

- i. "*Luật Các TCTD*", là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
 - j. "*Luật Doanh nghiệp*", là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
 - k. "*Người điều hành*", bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.
 - l. "*Người quản lý*", bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc của Ngân hàng.
 - m. "*Người có liên quan*", là tổ chức/cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác, được quy định cụ thể trong Luật Các TCTD.
 - n. "*NHNN*", là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - o. "*TCTD*", là Tổ chức tín dụng.
 - p. "*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*", là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD.
 - q. "*Thời hạn hoạt động*", là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.
 - r. "*Việt Nam*", là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - s. "*Vốn điều lệ*", là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông và được ghi vào Điều lệ này.
 - t. "*Vốn pháp định*", là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập Ngân hàng.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Ngân hàng

1. Tên Ngân hàng
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.**
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Á Châu.**
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **Asia Commercial Joint Stock Bank.**
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **ACB.**
2. Ngân hàng được tổ chức dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
3. Trụ sở chính đặt tại: **442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Điện thoại: **(+84) (028) 3929 0999**
Trang web: <https://acb.com.vn/>
4. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết vào thời điểm thông qua Điều lệ này theo phụ lục đính kèm.
5. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 (năm mươi) năm, tính từ ngày 24/4/1993 và có thể gia hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
2. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

MỤC III.**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG****Điều 4. Mục tiêu hoạt động**

Mục tiêu hoạt động của Ngân hàng là:

1. Lợi nhuận cho cổ đông;
2. Nâng tầm giá trị sống của khách hàng thông qua việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng;
3. Tạo điều kiện cho nhân viên phát triển;
4. Góp phần xây dựng và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Ngân hàng được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Ngân hàng.
2. Ngân hàng có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định của NHNN, quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo thẩm quyền.
3. Ngân hàng có phạm vi hoạt động và kinh doanh trong nước và khi cần thiết có thể hoạt động ở nước ngoài trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật liên quan.

Điều 6. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi,
3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
4. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
5. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

Điều 7. Hoạt động cấp tín dụng

1. Ngân hàng thực hiện hoạt động cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức sau:
 - a. Cho vay;
 - b. Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c. Bảo lãnh ngân hàng;
 - d. Phát hành thẻ tín dụng;
 - e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế trong trường hợp được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
 - f. Thư tín dụng;
 - g. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

- Việc cấp tín dụng của Ngân hàng được thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán qua tài khoản

- Ngân hàng thực hiện việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, cung ứng các phương tiện, dịch vụ thanh toán khác phù hợp với nhu cầu của khách hàng và quy định của pháp luật.
- Ngân hàng cung ứng các phương tiện, dịch vụ thanh toán sau:
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
- Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 9. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần

- Ngân hàng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.
- Ngân hàng phải thành lập, hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động:
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - Cho thuê tài chính;
 - Bảo hiểm.
- Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
- Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực:
 - Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
- Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phần của Tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc NHNN.
- Việc thành lập, hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh.

1. Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây:
 - a. Ngoại hối;
 - b. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng

1. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 12. Kinh doanh bất động sản

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản, phải đảm bảo đúng mục đích quy định tại khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định theo quy định của Luật Các TCTD.

Điều 13. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng

1. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:
 - a. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
 - c. Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
 - d. Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - e. Kinh doanh vàng;
 - f. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

- g. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.
2. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:
- Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - Phát hành trái phiếu;
 - Lưu ký chứng khoán;
 - Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
 - Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động được quy định tại Luật Các TCTD và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

MỤC IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU, VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOẢN KHÁC

Điều 15. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Ngân hàng là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông, được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND). Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua là: **51.366.565.990.000 đồng** (*Năm mươi một nghìn ba trăm sáu mươi sáu tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*) được chia thành 5.136.656.599 **cổ phần**, mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000 đồng** (*Mười nghìn đồng*).
- Ngân hàng phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
- Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Cổ phần

- Các cổ phần của Ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.



2. Cổ phần của Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật.
3. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.
4. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp giá chào bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phần chênh lệch được hạch toán theo quy định của pháp luật.
5. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông theo tỷ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn 15 (mười lăm) ngày) chấp nhận chào bán. Bất kỳ cổ phần nào không được chấp nhận theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết nghị khác.
6. Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của NHNN, quy định của pháp luật.
7. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và quy định của pháp luật. Cổ phần được Ngân hàng mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% vốn điều lệ của Ngân hàng.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông đó của tổ chức tín dụng khác không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a. Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật Các TCTD;
 - b. Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;
 - c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật Các TCTD.
6. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua, nắm giữ tỷ lệ cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cổ phiếu, Trái phiếu và Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ phiếu hoặc Chứng nhận sở hữu cổ phần (sau đây gọi chung là cổ phiếu) của Ngân hàng là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng.
3. Trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Ngân hàng (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần và thu hồi cổ phần

1. Trừ khi pháp luật có quy định khác, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
4. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Sau khi niêm yết, việc quản lý, phát hành, chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ngân hàng phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Trung tâm/Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
6. Việc thu hồi cổ phần được thực hiện như sau:

Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó với những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng theo quy định.

Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày, kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi trong các trường hợp được quy định trong Điều lệ này.

Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

7. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
8. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

MỤC V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

A. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Tổng giám đốc.
2. Ngân hàng gồm các đơn vị thuộc Hội sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, công ty con, và công ty liên kết.
3. Ngân hàng được mở các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con và công ty liên kết khi có nhu cầu và theo quy định của pháp luật. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

B. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 21. Nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Ngân hàng.
3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị điều hành hoạt động hàng ngày theo nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải đảm bảo có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện; phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm; khi miễn nhiệm, bãi nhiệm phải báo cáo cho NHNN theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng:
 - a. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- e. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ;
- f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
- g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- h. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
- i. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- j. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
- k. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Các TCTD;
- l. Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.

Điều 23. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. **Chủ tịch** Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
2. **Thành viên** Hội đồng quản trị **không phải là thành viên độc lập** không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;
 - b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. **Thành viên độc lập** Hội đồng quản trị không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a. Người điều hành của Ngân hàng;
 - b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
4. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
 - b. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
5. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng.
6. Những trường hợp khác theo quy định của Pháp luật

Điều 24. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

- a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 22 Điều lệ này;
 - b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;
 - f. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
 - g. Bị chết;
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d, f, g và h khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, ứng viên Ban kiểm soát phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi NHNN xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát.

4. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
5. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên,
 - b. Ngày, tháng, năm sinh;
 - c. Trình độ học vấn và chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có);
 - f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
 - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 24 của Điều lệ này. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;
 - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;
 - d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định của Luật Các TCTD;
2. Chủ tịch và các thành viên khác Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

C. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 27. Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ

Ngân hàng sẽ thiết lập Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng, được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ. Kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với tất cả hoạt động, quy trình nghiệp vụ, các bộ phận của Ngân hàng. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, Ngân hàng có báo cáo nội bộ về kiểm soát nội bộ gửi các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
2. "Kiểm toán nội bộ" là hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kiểm toán nội bộ thực hiện theo nguyên tắc: độc lập; khách quan; và chuyên nghiệp.
3. Đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng là "Bộ phận kiểm toán nội bộ". "Bộ phận Kiểm toán nội bộ", trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.

MỤC VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông nắm giữ.
 - d. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Các TCTD.
 - e. Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.
 - f. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- g. Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Ngân hàng khi giải thể hoặc phá sản.
- h. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông (bên ủy quyền) đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.
- i. Ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.
- j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát¹ theo quy định tại ;
 - kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4. của Điều lệ này;
 - yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại
- k. Ngoài các quyền được nêu tại khoản 2 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông có thêm quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d. khoản 1.

Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

- Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp;
- Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần mua lại mà vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do các TCTD hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng

¹ Khoản 10 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng về Quyền của cổ đông phổ thông.



- dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
4. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng;
 5. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 6. Chịu trách nhiệm khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi:
 - a. Vi phạm pháp luật.
 - b. Tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng;
 - d. Các hành vi khác khi không có sự chấp thuận hợp lệ của Ngân hàng.
 7. Bảo mật thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
 8. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần;
 9. Cung cấp địa chỉ và thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi nhận chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông;
 10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
3. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
4. Trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ

chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - b. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các TCTD và quy định của NHNN;
 - c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị hoặc số thành viên Ban kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này hoặc các văn bản pháp luật có liên quan;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - f. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 49 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

- b. Thông qua Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- c. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, và Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
- g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;
- h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- i. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
- j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi; trái phiếu kèm chứng quyền;
- k. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm²;
- l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;
- o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- q. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân

² Khoản 4 Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng về Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.

- hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
 - s. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo¹;
 - t. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây⁴:
 - a. Các hợp đồng quy định tại điểm q khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng hoặc có lợi ích liên quan đến hợp đồng, hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
 3. Quyết định về nội dung quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 1 Điều này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 4. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Quyền ủy quyền và phạm vi ủy quyền
 - a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.
 - b. Người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác dự họp nếu được cổ đông (bên ủy quyền) đồng ý.
 - c. Trường hợp cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền, cổ đông phải xác định cụ thể đối với mỗi người: số cổ phần, loại cổ phần và số phiếu bầu/quyền biểu quyết tương ứng.
2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông (kể cả trường hợp ủy quyền lại) phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và theo mẫu của Ngân hàng và chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

¹ Điều 59 của Luật Các tổ chức tín dụng về Kiểm toán độc lập.

⁴ Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp về Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan.

- a. Phải có các yếu tố sau đây: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng và loại cổ phần được ủy quyền, nội dung và mục đích ủy quyền, phạm vi ủy quyền, và có chữ ký theo quy định sau đây:
 - (i). Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - (ii). Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - (iii). Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - b. Ngân hàng nhận được bản chính văn bản ủy quyền trong thời hạn Ngân hàng quy định cho từng cuộc họp/từng đợt lấy ý kiến bằng văn bản; đối với cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài có thể gửi bản scan trước và bổ sung bản chính theo thời hạn Ngân hàng thông báo.
 - c. Thời điểm Ngân hàng nhận văn bản ủy quyền được xác định theo dấu tiếp nhận của Ngân hàng.
3. Thực hiện biểu quyết/bỏ phiếu bởi người được ủy quyền
- a. Kết quả biểu quyết, bỏ phiếu do người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền là có giá trị như do cổ đông tự thực hiện.
 - b. Trường hợp người được ủy quyền nhận ủy quyền từ nhiều cổ đông, việc biểu quyết/bỏ phiếu có thể theo một trong hai phương thức:
 - (i). thống nhất một nội dung biểu quyết cho tất cả các cổ đông ủy quyền; hoặc
 - (ii). biểu quyết linh hoạt theo quyết định/hướng dẫn riêng của từng cổ đông ủy quyền, phù hợp với phạm vi ủy quyền được phân bổ và ghi rõ trong văn bản ủy quyền.
 - c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản trong thời hạn Ngân hàng quy định theo từng lần tổ chức đại hội/từng lần lấy ý kiến bằng văn bản về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 34. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng sẽ không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 35. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường; hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho đại hội; dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - c. Xác định thời gian và địa điểm họp;

- d. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
 - e. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Mẫu Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu Văn bản ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định của pháp luật.
- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 36. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
2. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện **trên 50%** số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ 02 (hai) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 02 (hai) được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ 03 (ba) được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Trong trường hợp này, Đại hội cổ đông lần thứ 02 (hai) hoặc lần thứ 03 (ba) có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

Điều 38. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
 - b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 - c. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 03 (ba) người;
 - d. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp ĐHDGD muộn có quyền tham dự và biểu quyết ngay sau khi đăng ký theo các phương thức phù hợp với hình thức tổ chức cuộc



hợp ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cứ 01 (một) hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu 01 (một) hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chương trình và nội dung họp có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ hoặc một phần và nếu chỉ thông qua được một phần thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành với một phần chương trình và nội dung được thông qua, phần nội dung không được thông qua sẽ được xem xét thông qua trong một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khác tiếp theo.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của

cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp (theo tỷ lệ thông qua trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp) cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
2. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
3. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm h và điểm p khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
4. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.

Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các vấn đề thuộc quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi đạt tỷ lệ thông qua quy định tại Điều 39 Điều lệ này.
2. Để các quyết định được các cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:
 - a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;
 - b. Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - (i). tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - (ii). mục đích lấy ý kiến;
 - (iii). Đối với cổ đông là cá nhân: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu¹;
 - (iv). Đối với cổ đông là tổ chức: tên tổ chức, số đăng ký sở hữu¹, địa chỉ liên lạc/trụ sở chính, quốc tịch, và thông tin người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân được cử làm đại diện).
 - (v). số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (vi). vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (vii). phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến;
 - (viii). thời hạn gửi về Ngân hàng Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời (ngày hoàn trả);
 - (ix). họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây theo hướng dẫn và phù hợp với quy định của Ngân hàng cho từng đợt lấy ý kiến:
 - (i). Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - (ii). Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

¹ Số đăng ký sở hữu (số ĐKSH) là thông tin để xác định người sở hữu chứng khoán, có thể là một trong các số sau: số định danh cá nhân, số hộ chiếu, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số giao dịch chứng khoán, v.v.; được quy định chi tiết tại khoản 8 Điều 2 quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 03 tháng 02 năm 2026 về Quy chế về hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
 - e. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến đã bị mở trong trường hợp gửi thư, hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử, là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến của bất kỳ cổ đông nào không được gửi về Ngân hàng vì bất kỳ lý do nào được coi là cổ đông đó không tham gia biểu quyết.
 - f. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý trong Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề; các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 4. Biên bản kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết được gửi cho các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
 5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 41. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và nếu cần có thể được lập bằng tiếng nước ngoài, cả hai đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.

Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 43. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mà được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ Ngân hàng.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

**MỤC VII.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ**

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu bằng thẻ thức bỏ phiếu hoặc giờ tay.
3. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.
5. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải thông báo cho NHNN.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

9. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;
 - b. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng.
10. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Luật Các TCTD.
2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Ngân hàng.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
5. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các TCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

12. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các TCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
15. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
16. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
17. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được duyệt.
18. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
19. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
20. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
21. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
22. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
23. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Ngân hàng là đối tượng sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị phải thuê một bên độc lập để đánh giá sự hợp lý của giá trị giao dịch đó.
24. Quyết định mức bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản là do nguyên nhân chủ quan⁶.
25. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Các loại quyết định phải có phê duyệt của Hội đồng quản trị; thực hiện theo các nội dung nêu trên, trừ nội dung ghi nhận tại các khoản 20., 22., 23. của Điều này.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

⁶ Khoản 9 Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng.

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - i. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền và nghĩa vụ chung.
 - j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
 - k. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
 - b. Xem xét báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
 - c. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.
 - d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp không được tham gia và biểu quyết về vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định một số nội dung theo quy định của Luật Các TCTD.
 - f. Thực hiện nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- g. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- h. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có trách nhiệm thực hiện, tổ chức thực hiện rà soát các giao dịch bên liên quan (giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ) trọng yếu, quan trọng nhằm đảm bảo các giao dịch này phục vụ tốt nhất cho Ngân hàng và cổ đông.
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 47. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) không hưởng lương mà hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn (văn bản) gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Trong trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - d. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - e. Có đề nghị của Tổng giám đốc.
4. Đề nghị họp bất thường quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm b, c, d, e khoản 3 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trong trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quyết định.
7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các

vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu họp đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trong trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.
10. Biểu quyết:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia thảo luận, biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia thảo luận, biểu quyết vấn đề đó.
 - b. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi hoặc quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ phi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.
11. Khai báo quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới một hợp đồng hoặc một thỏa thuận đang giao kết hoặc dự kiến giao kết với Ngân hàng, thì phải khai báo ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị bản về hợp đồng hoặc giao kết đó; hoặc tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất kể từ thời điểm thành viên đó biết việc có liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
13. Trong trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua

bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
14. Biên bản: Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ chối ký biên bản, thì người ghi biên bản ghi rõ trong biên bản về việc thành viên Hội đồng quản trị đó từ chối ký biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị vẫn có hiệu lực nếu được chủ tọa, các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản ký tên. Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp.
15. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác; nhưng không được tham gia biểu quyết.
16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo khoản này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
17. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 50. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.

Điều 51. Thư ký công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều người làm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, đặc biệt là thành viên HĐQT mới, thực hiện trách nhiệm của mình. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

1. Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần và tư vấn về thủ tục các cuộc họp cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT;
2. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông;
3. Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng;
4. Tư vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết;
5. Quản lý các quy trình liên quan đến các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Theo dõi các tiến triển trong quản trị công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan.
7. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị, của văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 52. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

MỤC VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 53. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Ngân hàng phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng. Ngân hàng có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 54. Người điều hành Ngân hàng

- 1. Người điều hành Ngân hàng bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.
- 2. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
- 3. Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.
- 4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
- 5. Mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
- 6. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

- 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc 01 (một) người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc sau khi đã được NHNN chấp thuận bằng văn bản. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

- phải được báo cáo NHNN. Trình tự, thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 (ba) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.
 3. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
 4. Trong trường hợp Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 22 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên NHNN theo quy định của pháp luật.
 5. Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của NHNN.
 6. Trong trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 22 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng giám đốc gửi NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.

8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị hợp bất thường theo quy định của pháp luật.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Ngân hàng ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, và quyết định của Hội đồng quản trị.

MỤC IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 57. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát với đa số phiếu theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc giơ tay.
2. Ban kiểm soát Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
2. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Điều lệ này và Luật Các TCTD.
- b. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.
 - c. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
 - d. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của tổ chức tín dụng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - f. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
 - g. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - (i). Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (ii). Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
 - h. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành của Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
 - i. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

- j. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Ngân hàng.
 - k. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trong trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
 - l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
 - m. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các điểm f, h và k khoản 2 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.
 - n. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
3. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng

Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu hoặc mời thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 60. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

MỤC X.**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN KHÁC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH****Điều 61. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách

thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Ngân hàng.

Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích)

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột mà họ có với các tổ chức kinh tế khác, các cá nhân hoặc các giao dịch khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được tham gia thảo luận, biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các thành viên khác của Ban điều hành không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các Hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật CTCTD và văn bản hướng dẫn Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a. Đối với các hợp đồng có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
 - b. Đối với các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng có giá trị nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia thảo luận, biểu quyết.

7. Trong trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 6 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.

Điều 63. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các thành viên khác của Ban điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Ngân hàng bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Ngân hàng là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, hoặc thành viên khác của Ban điều hành, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC XI.**QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG****Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng**

1. Cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

MỤC XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 65. Người lao động và Công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Ngân hàng và quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 66. Phân phối lợi nhuận

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức hoặc các nội dung khác theo quy định của pháp luật.
3. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.
4. Ngân hàng không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
5. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Ngân hàng đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ

đồng. Ngân hàng không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Những người đã chính thức đăng ký giữ cổ phiếu hoặc các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, khoản chia, thông báo hoặc tài liệu.
7. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.
8. Trong trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
10. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 67. Tài khoản ngân hàng

1. Ngân hàng phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
2. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
3. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
4. Ngân hàng sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Chế độ tài chính

1. Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính.

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng.

Điều 69. Vốn và sử dụng vốn

- Vốn của Ngân hàng bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.
- Ngân hàng được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Các quỹ dự trữ

- Ngân hàng được trích lập các quỹ sau:
 - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
 - Quỹ dự phòng tài chính;
 - Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
 - Quỹ khen thưởng;
 - Quỹ phúc lợi;
 - Các Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.
- Việc quản lý và sử dụng các quỹ nêu trên phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 71. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 73. Chế độ kế toán

- Ngân hàng thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của NHNN và pháp luật liên quan.
- Ngân hàng lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Ngân hàng phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
- Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.
- Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**MỤC XV.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ
TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 74. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Ngân hàng lập các báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Ngân hàng.
3. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được gửi tới tất cả các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trong trường hợp Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website đó.

Điều 75. Báo cáo thường niên

Ngân hàng lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 76. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Ngân hàng công bố ra công chúng và nộp cho cơ quan có thẩm quyền các báo cáo tài chính và các thông tin, tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Cung cấp thông tin

1. Ngân hàng cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản mở tại Ngân hàng theo thỏa thuận giữa hai bên.
2. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Ngân hàng có thể trao đổi thông tin về hoạt động của mình với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

Điều 78. Nghĩa vụ bảo mật

1. Người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của Ngân hàng bằng bất cứ hình thức nào.
2. Ngân hàng phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của mình theo quy định của Chính phủ.

3. Ngân hàng không được cung cấp thông tin khách hàng của mình cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

MỤC XVI. KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 79. Kiểm toán

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn. Ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
2. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Tổ chức kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, xác thực và báo cáo theo quy định của pháp luật trên cơ sở báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và gửi Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho Hội đồng quản trị.
4. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập được phép tham dự bất kỳ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NH.

MỤC XVII. DẤU CỦA NGÂN HÀNG

Điều 80. Dấu của Ngân hàng

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng.
3. Việc quản lý và sử dụng dấu theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

MỤC XVIII.**CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, VÀ GIẢI THỂ****Điều 81. Can thiệp sớm và Kiểm soát đặc biệt**

Ngân hàng có thể bị NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm hoặc đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp theo quy định của Luật Các TCTD. Trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các bên có liên quan khi Ngân hàng bị can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt, thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 82. Tổ chức lại Ngân hàng

Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, chuyển đổi loại hình tổ chức sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 83. Phá sản Ngân hàng

Việc phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD và quy định của pháp luật khác về phá sản.

Điều 84. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng

1. Ngân hàng bị giải thể, chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.
 - b. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
 - c. Ngân hàng tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 85. Gia hạn hoạt động

Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Ngân hàng thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

Điều 86. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động

1. Trong trường hợp Ngân hàng nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản và được thụ lý, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.
2. Khi giải thể theo Điều 84 của Điều lệ này, Ngân hàng tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định. Trong quá trình giám sát thanh lý, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ

các khoản nợ, NHNN có thể quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản Ngân hàng theo quy định.

3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Ngân hàng chịu.

MỤC XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 87. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào do Luật Các TCTD, và các văn bản pháp luật có liên quan quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Ngân hàng; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được khi hòa giải thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc kể từ khi quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 88. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng mà chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định của pháp luật mà khác với các điều khoản trong Điều lệ này thì quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

**MỤC XXI.
NGÀY HIỆU LỰC****Điều 89. Ngày hiệu lực**

1. Ngân hàng được áp dụng quy định chuyển tiếp theo Điều 210 Luật Các TCTD.
2. Bản điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) mục, 89 (tám mươi chín) Điều được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu nhất trí thông qua ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
3. Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***Vũ Tiến Phát***
TỔNG GIÁM ĐỐC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-DHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 4426/TCQP-ĐHĐCĐ.26 ngày 09 tháng 04 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Đối tượng áp dụng	3
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản.....	3
Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Ngân hàng	3
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	3
Điều 7. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 8. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 10. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 12. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 13. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 15. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 17. Tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 18. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 20. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 21. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 22. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	12
Điều 23. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	12
Điều 24. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	12

Điều 25. Thư ký công ty	12
Điều 26. Người phụ trách quản trị công ty	13
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	13
Điều 28. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	13
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 30. Đề cử thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 31. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 33. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	14
Điều 34. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	15
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC	15
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc	15
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	15
Điều 37. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc.....	15
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc	15
Điều 39. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	16
Điều 40. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	16
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	16
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	16
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc	16
Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc.....	17
CHƯƠNG VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	17
Điều 44. Khen thưởng	17
Điều 45. Kỷ luật	18
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	18
Điều 46. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung.....	18

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật sẽ được áp dụng.
2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Ngân hàng

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ.
2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và hướng tới chuẩn mực quốc tế.
3. Tôn trọng và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
5. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.
6. Đảm bảo vai trò của các bên có liên quan đến Ngân hàng.
7. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
8. Ngân hàng ban hành và duy trì Bộ Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành và người lao động.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Luật Các tổ chức tín dụng (Luật Các TCTD) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ của Ngân

hàng.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ tùy thân của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
 - b. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Điều 7. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp; và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp theo quy định tại Điều lệ ngân hàng đã được đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để các cổ đông có thể tiếp cận.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền lại cho người khác dự họp bằng văn bản nếu được cổ đông đồng ý nhưng không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử đi dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
3. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số giấy tờ tùy thân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình;
 - b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: (i) Thông tin bên ủy quyền (Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số giấy tờ tùy thân của cá nhân đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân); (ii) Số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; (iii) Thông tin bên được ủy quyền (họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân). Bên ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của bên ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của bên ủy quyền.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

Điều 10. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Chủ tọa).
2. Cổ đông biểu quyết về các vấn đề theo Quy chế biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
4. Ban kiểm phiếu có số lượng không quá 03 người được Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa giới thiệu nhân sự bầu vào Ban kiểm phiếu, quyết định phương thức kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết bằng giơ tay hoặc phương thức khác và phân công bộ phận tổ chức cuộc họp tiến hành kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa.
5. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức họp trực tuyến, hoặc bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và phổ biến cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên, chủ yếu gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại đại hội cổ đông.
 3. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp.

Điều 12. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông được thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

Điều 13. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ các nội dung sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
 - c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
 - d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý, người điều hành.
5. Biên bản kiểm phiếu được gửi đến cho cổ đông thông qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các đơn vị trong Ngân hàng.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ sau:
 - a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng;
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan;
 - c. Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;
 - d. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua;
 - e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - f. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
 - g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác của Ngân hàng;
 - h. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại đại hội cổ đông.

- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn ở nội dung của Điều 62 về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích).

Điều 15. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
- Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các TCTD;
 - Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;
 - Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kể trước đó;
 - Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;
 - Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

- d. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- e. Không phải là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.
- f. Thời gian giữ vị trí thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ.

Điều 17. Tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị

Tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng: Đảm bảo điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, và quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

Điều 18. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
5. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên;
 - b. Ngày, tháng, năm sinh;
 - c. Trình độ học vấn và chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có));

f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);

g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);

Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng của ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có).

Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ của Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 20. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
 - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;
 - d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định của Luật Các TCTD.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 21. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 bản sao cho Tổng giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

Điều 24. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban theo quy định của pháp luật và theo nhu cầu hoạt động của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng ủy ban.
3. Người đứng đầu các ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro. Các ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.
 - a. Mỗi ủy ban phải có tối thiểu 03 thành viên, gồm chủ nhiệm ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm.
 - b. Sau khi được thành lập, chủ nhiệm ủy ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của ủy ban phù hợp với Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ủy ban.

Điều 25. Thư ký công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều người làm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT, đặc biệt là thành viên HĐQT mới, thực hiện trách nhiệm của mình. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

1. Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần và tư vấn về thủ tục các cuộc họp cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT;
2. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông.
3. Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng;
4. Tư vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết;
5. Quản lý các quy trình liên quan đến các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Theo dõi các tiến triển trong quản trị công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị

công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan.

7. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
8. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị, của văn bản pháp luật khác có liên quan.

Thư ký công ty đồng thời cần phải thường xuyên phát triển chuyên môn, duy trì sự trung lập và khách quan trong việc hỗ trợ Hội đồng quản trị và các chủ thể có liên quan trong quá trình làm việc.

Điều 26. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn về thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD, Điều lệ của Ngân hàng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 28. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với

số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

2. Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
3. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;
5. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Điều 30. Đề cử thành viên Ban kiểm soát

Việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như cách thức đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 16 Quy chế này.

Điều 31. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Ban kiểm soát của Ngân hàng;
 - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;
 - d. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm khác do Điều lệ của Ngân hàng quy định.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 33. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Các cuộc họp và việc thông qua quyết định của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 34. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC**Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được là Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
3. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
4. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
5. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Luật Các TCTD và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 37. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
4. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

Điều 39. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

Điều 40. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Trưởng Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
5. Trưởng Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị và, nếu thấy cần thiết, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc

1. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến, nếu thấy cần thiết.
2. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng giám đốc hoặc người quản lý, người điều hành khác chủ trì;

người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, thì Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến. Tổng giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản cuộc họp này.
2. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Tổng giám đốc, ngoài việc báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, cần báo cáo cho Trưởng Ban kiểm soát, nếu thấy cần thiết.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

CHƯƠNG VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC


Điều 44. Khen thưởng


1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, và Tổng giám đốc có thành tích trong việc quản trị, kiểm soát và điều hành Ngân hàng sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 45. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng.
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

CHƯƠNG VIII .ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**Điều 46. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung**

1. Ngân hàng được áp dụng quy định chuyển tiếp theo Điều 210 Luật Các TCTD.
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/4/2026 và thay thế Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu ban hành kèm Nghị quyết số 1905/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 ngày 08/4/2025.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định./ 

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 4423/TCQĐ-DHDCĐ.26 ngày 09 tháng 4 năm 2026
của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu	5
Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị	6
Điều 10. Đương nhiên mất tư cách.....	6
Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	7
Điều 12. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9
Điều 16. Xây dựng, theo dõi và giám sát việc thực hiện chiến lược của Ngân hàng.....	12
Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	12
Điều 18. Các đơn vị giúp việc Hội đồng quản trị.....	13
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 20. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	16
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	17
Điều 22. Trình báo cáo hằng năm.....	17
Điều 23. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan	18

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành	19
Điều 27. Mối quan hệ với Ban kiểm soát.....	19
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	19
Điều 28. Hiệu lực thi hành.....	19

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu và các quy định pháp luật khác.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Á Châu ("*Ngân hàng*").

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "*Luật Các TCTD*", là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
2. "*Người điều hành*", là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.
3. "*Người quản lý*", là Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị; và Tổng giám đốc.
4. "*Thành viên độc lập*", là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Luật Các TCTD.
5. "*Cổ đông lớn*", là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
6. "*Người có liên quan*", là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác, được quy định cụ thể tại Luật Các TCTD.
7. "*Công ty con*" của Ngân hàng, là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật Các TCTD.

Các thuật ngữ, từ ngữ viết tắt trong Quy chế này nếu không được quy định, giải thích tại Quy chế này thì được giải thích theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc (và các đơn vị liên quan) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp không được tham gia, biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
4. Được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, trừ các nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật Các TCTD.
5. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
7. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
8. Nâng cao năng lực chuyên môn thông qua các khóa đào tạo, các buổi đào tạo chuyên sâu được thiết kế riêng cho các thành viên Hội đồng quản trị do Ngân hàng tổ chức hoặc do Ngân hàng tìm kiếm và chi trả toàn bộ chi phí liên quan.
9. Thành viên Hội đồng quản trị và vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị không được vay hoặc đảm bảo cho cá nhân/tổ chức khác vay vốn tại Ngân hàng, trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.
10. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có trách nhiệm thực hiện, tổ chức thực hiện rà soát các giao dịch bên liên quan (giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ) trọng yếu, quan trọng nhằm đảm bảo các giao dịch này phục vụ tốt nhất cho Ngân hàng và cổ đông.
11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý và người điều hành khác trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài

chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, các đơn vị trong Ngân hàng và công ty con của Ngân hàng.

2. Người quản lý, người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Luật Các TCTD;
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
3. Có trình độ từ đại học trở lên.
4. Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
5. Đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng.

3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.
4. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
5. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
 - c. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - g. Ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
 - h. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - i. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - j. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
 - k. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - l. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 10. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Luật Các TCTD;
 - b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c. Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
 - f. Bị chết.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị sau khi đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
 - b. Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;
 - d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 12. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn (văn bản) gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Trong trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi NHNN xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử

viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên,
 - b. Ngày, tháng, năm sinh;
 - c. Trình độ học vấn và chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có);
 - f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
 - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Luật Các TCTD.

- b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Ngân hàng.
- c. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thù lao và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng, Thư ký công ty, và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người điều hành đó.
- e. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- f. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
- g. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- h. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các TCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- i. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng) giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.
- j. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
- k. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính.

- l. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- m. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
- n. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của Ngân hàng.
- o. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- p. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
- q. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- r. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- s. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- t. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- u. Có thể ủy quyền cho các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trừ những nội dung không được ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- v. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
- w. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- x. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Ngân hàng là đối tượng sáp nhập, mua lại và/hoặc thu tóm cần được cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị phải thuê một bên độc lập để đánh giá sự hợp lý của giá trị giao dịch đó.
- y. Quyết định mức bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản là do nguyên nhân chủ quan¹.
- z. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

¹ Khoản 9 Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng.
QC về cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐQT

2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ Ngân hàng, và gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 16. Xây dựng, theo dõi và giám sát việc thực hiện chiến lược của Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng, thông qua và giám sát việc thực hiện chiến lược hoạt động của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị thông qua đơn vị giúp việc của mình để triển khai, hoặc theo dõi việc triển khai chiến lược. Đơn vị giúp việc phải báo cáo tình hình thực hiện chiến lược của Ngân hàng cho các thành viên Hội đồng quản trị tại các kỳ họp định kỳ, hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị, hoặc khi có yêu cầu từ các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trên cơ sở báo cáo của đơn vị giúp việc, Hội đồng quản trị đánh giá và quyết định việc điều chỉnh chiến lược (nếu có).

Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - b. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các TCTD và quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị hoặc số thành viên Ban kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc các văn bản pháp luật có liên quan;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - f. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 1 Điều này.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc cần thiết theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 18. Các đơn vị giúp việc Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của hai ủy ban này do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban khác hoạt động thường xuyên, hoặc hoạt động để giải quyết một hoặc một số vấn đề nhất định và tự động giải thể khi kết thúc công việc. Cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của các ủy ban này do Hội đồng quản trị quy định.
- Văn phòng Hội đồng quản trị là đơn vị giúp việc cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - Có đề nghị của Tổng giám đốc.
- Đề nghị họp bất thường quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm b, c, d, e khoản 3 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trong trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quyết định.
7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu họp đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trong trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.
10. Biểu quyết:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia thảo luận, biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia thảo luận, biểu quyết vấn đề đó.
 - b. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi hoặc quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì

nghị ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ phi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

11. Khai báo quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới một hợp đồng hoặc một thỏa thuận đang giao kết hoặc dự kiến giao kết với Ngân hàng, thì phải khai báo ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị bản về hợp đồng hoặc giao kết đó; hoặc tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất kể từ thời điểm thành viên đó biết việc có liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự hợp chấp thuận. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
13. Trong trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
14. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác; nhưng không được tham gia biểu quyết.
15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo khoản này là địa điểm mà nhóm thành viên

Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

16. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 20. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, có đầy đủ các nội dung quy định pháp luật, và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ chối ký biên bản, thì người ghi biên bản ghi rõ trong biên bản về việc thành viên Hội đồng quản trị đó từ chối ký biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị vẫn có hiệu lực nếu được chủ tọa, các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản ký tên. Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp.
2. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
3. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng nhiều hình thức, nhưng phải đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được đầy đủ và kịp thời
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - d. Phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
5. Thư ký công ty kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu kèm quyết định, nghị quyết mà Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
9. Quyết định, nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định, nghị quyết được thông qua tại cuộc Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát;
 - e. Các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) không hưởng lương mà hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
 - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
 - d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện bằng văn bản. Cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể

từ ngày nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết đó.

Điều 27. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 4 năm 2026, và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 1906/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu.
2. Nội dung chuyển tiếp:

- a. Hội đồng quản trị được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 6 của Quy chế này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ hiện tại.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này, được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hiện tại. *Đ*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *lưu*
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến
trong trường hợp được can thiệp sớm

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-DHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm và ban hành kèm theo Nghị quyết này Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (sửa đổi, bổ sung.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

**PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP
ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 4428 /TCQĐ-ĐHDCĐ.26 ngày 09 tháng 4 năm 2026
của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Mục đích.....	2
Điều 2. Phạm vi áp dụng.....	2
Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ.....	2
Điều 4. Căn cứ pháp lý, chuẩn mực áp dụng và quy định nội bộ.....	3
Điều 5. Rà soát và điều chỉnh Phương án khắc phục.....	4
CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ.....	4
Điều 6. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước thực hiện can thiệp sớm.....	4
Điều 7. Các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với ACB khi được can thiệp sớm.....	5
Điều 8. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.....	5
CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	34
Điều 10. Hiệu lực thi hành.....	34
PHỤ LỤC 1.....	35
PHỤ LỤC 2.....	38
PHỤ LỤC 3.....	41

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

- 1.1. Phương án quy định các biện pháp khắc phục nhằm xử lý tình trạng/điều kiện dẫn đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) áp dụng can thiệp sớm.
- 1.2. Mục tiêu trọng tâm: (i) đưa các tỷ lệ an toàn thanh khoản về mức tuân thủ; (ii) ổn định thanh khoản và duy trì khả năng chi trả; (iii) kiểm soát chất lượng tài sản và nợ xấu; (iv) củng cố vốn và năng lực tài chính; (v) tăng cường quản trị, kiểm soát nội bộ và kỷ luật tuân thủ.
- 1.3. Phương án là cơ sở để Ngân hàng phối hợp triển khai biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, kiểm soát rủi ro lan truyền và củng cố niềm tin của NHNN, cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và đối tác.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Phương án khắc phục áp dụng cho ACB (không bao gồm các công ty con) trong điều kiện NHNN can thiệp sớm, bao gồm cả trường hợp rủi ro rút tiền hàng loạt (nếu phát sinh).

Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

3.1 Các từ viết tắt

- ACB/Ngân hàng:	Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu;
- BDH:	Ban điều hành;
- Ban ATTK:	Ban an toàn thanh khoản;
- CNTT:	Công nghệ thông tin;
- DHDCD:	Đại hội đồng cổ đông;
- GTCG:	Giấy tờ có giá;
- HDQT:	Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu;
- ILAAP:	Thủ tục đánh giá nội bộ về an toàn thanh khoản (Internal Liquidity Adequacy Assessment Process);
- Kế hoạch DPTK:	Kế hoạch dự phòng thanh khoản;
- Khối KHCN:	Khối Khách hàng cá nhân;
- Khối KHDN:	Khối Khách hàng doanh nghiệp;
- Khối TTTC:	Khối Thị trường tài chính;
- Khối kinh doanh:	Khối KHCN, Khối KHDN và Khối TTTC;

- <i>Khối QLRR:</i>	Khối Quản lý rủi ro;
- <i>LNH:</i>	Liên ngân hàng;
- <i>NHNN:</i>	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- <i>Phương án khắc phục:</i>	Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
- <i>Repo:</i>	Giao dịch mua lại;
- <i>TCTD:</i>	Tổ chức tín dụng;
- <i>TPCP:</i>	Trái phiếu Chính phủ.

3.2 Giải thích từ ngữ

- Can thiệp sớm* là việc NHNN áp dụng các yêu cầu/biện pháp hạn chế đối với TCTD và yêu cầu TCTD đó thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của NHNN nhằm khắc phục tình trạng theo quy định của pháp luật và Phương án này;
- Kế hoạch dự phòng thanh khoản* là tài liệu của ACB quy định ngưỡng/cấp độ căng thẳng, thẩm quyền kích hoạt, nhóm công tác, biện pháp ứng phó và chế độ báo cáo;
- Hoạt động ngân hàng* là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ gồm nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản;
- Rút tiền hàng loạt* là việc TCTD bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN;
- Tổ chức tín dụng* là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các TCTD. TCTD bao gồm ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân;
- Vốn điều lệ* là tổng số tiền do chủ sở hữu, thành viên góp vốn của TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn đã góp; là tổng mệnh giá cổ phần của TCTD là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông.

Điều 4. Căn cứ pháp lý, chuẩn mực áp dụng và quy định nội bộ

- Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn;
- Thông tư của NHNN quy định hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại;
- Thông tư của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng;
- Thông tư của NHNN quy định xếp hạng TCTD;

- Kế hoạch DPTK;
- Thủ tục đánh giá nội bộ về an toàn thanh khoản;
- Thủ tục QLRR thanh khoản;
- Các quy định nội bộ liên quan đến quản trị rủi ro, quản trị vốn và kiểm soát nội bộ.

Điều 5. Rà soát và điều chỉnh Phương án khắc phục

- 5.1 Định kỳ tối thiểu 02 năm, ACB cập nhật và điều chỉnh Phương án khắc phục. Phương án sau cập nhật phải được ĐHĐCĐ thông qua và gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.
- 5.2 Khi bị NHNN can thiệp sớm, trong vòng 7 ngày kể từ ngày được can thiệp sớm, ACB rà soát, cập nhật và trình HĐQT thông qua Phương án khắc phục, trong đó cập nhật các biện pháp khắc phục và thời hạn thực hiện (nếu cần) đảm bảo nhất quán với yêu cầu của NHNN, tình hình thị trường và nội bộ.
- 5.3 Khối QLRR là đầu mối tổng hợp, đề xuất cập nhật Phương án khắc phục, phối hợp các đơn vị liên quan và Ban ATTK (khi có căng thẳng thanh khoản) để bảo đảm hành động thống nhất.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**Điều 6. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước thực hiện can thiệp sớm**

- 6.1 NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi ACB thuộc một hoặc một số trường hợp sau:
 - a. Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra/kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục;
 - d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thống đốc NHNN trong thời gian 06 tháng liên tục;
 - e. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.
- 6.2 NHNN có văn bản yêu cầu ACB nếu thuộc một hoặc một số trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện một hoặc một số yêu cầu/biện pháp hạn chế với thời hạn thực hiện rõ ràng; đồng thời yêu cầu cập nhật, thực hiện ngay hoặc xây dựng Phương án khắc phục và thời hạn thông qua.

6.3 Trường hợp cần thiết, NHNN có thể yêu cầu ACB thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính làm cơ sở xây dựng Phương án khắc phục.

Điều 7. Các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với ACB khi được can thiệp sớm

7.1 Các yêu cầu đối với ACB khi được can thiệp sớm gồm:

- a. Tăng vốn điều lệ; tăng quy mô tài sản có tính thanh khoản cao và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;
- b. Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý, thù lao, lương, thưởng; yêu cầu bồi hoàn thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản trị, điều hành.

7.2 Các biện pháp hạn chế đối với ACB khi được can thiệp sớm gồm:

- a. Không chia cổ tức, lợi tức, phân phối lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ; hạn chế chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, chuyển nhượng tài sản;
- b. Hạn chế hoạt động kinh doanh không hiệu quả, có rủi ro cao; giảm giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần; hạn chế tăng trưởng tín dụng;
- c. Đình chỉ, tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác có dấu hiệu vi phạm pháp luật; không bổ sung nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh mới khác, không mở rộng mạng lưới hoạt động;
- d. Đình chỉ người quản lý, người điều hành có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây rủi ro lớn đến hoạt động của Ngân hàng; yêu cầu bầu, bổ nhiệm thay thế người quản lý, người điều hành có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây rủi ro lớn đến hoạt động của ACB khi được can thiệp sớm;
- e. Biện pháp khác theo thẩm quyền của NHNN.

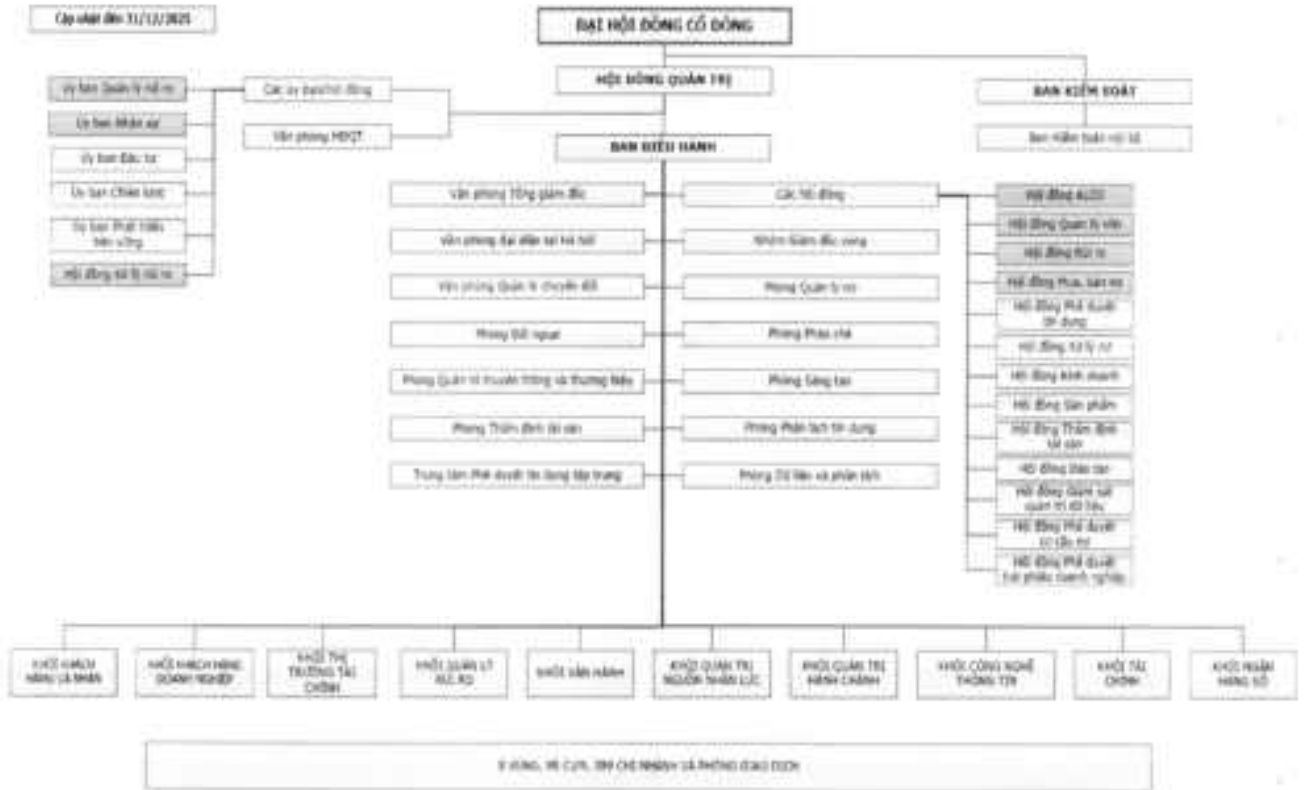
Điều 8. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

8.1 Thực trạng của ACB tại thời điểm xây dựng phương án.

a. Thông tin đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

- o Cơ cấu tổ chức và quản trị điều hành



o Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị ACB đảm bảo sự đa dạng về thành phần, quốc tịch, giới tính, độ tuổi, kinh nghiệm và về chuyên môn.

- **Đa dạng về thành phần:** HĐQT ACB nhiệm kỳ 2023 – 2028 có 9 thành viên.
 - 2/9 thành viên điều hành, chiếm 22,2% tổng số thành viên HĐQT;
 - 7/9 thành viên không điều hành, chiếm 77,8% tổng số thành viên HĐQT; trong đó có 1 thành viên độc lập, chiếm 11,1% tổng số thành viên HĐQT.
 - Vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGDĐ được tách bạch, thể hiện phân định rõ ràng giữa quản trị và điều hành.
- **Đa dạng về quốc tịch:** HĐQT ACB gồm 7/9 thành viên là người quốc tịch Việt Nam và 2/9 thành viên là người quốc tịch nước ngoài, cho thấy sự đa dạng về cách tiếp cận vấn đề trong thảo luận của HĐQT.
 - Thành viên quốc tịch Việt Nam: 7
 - Thành viên quốc tịch nước ngoài: 2
- **Đa dạng về giới tính:** HĐQT ACB có 2 thành viên nữ và 7 thành viên nam.
- **Đa dạng về độ tuổi:** HĐQT ACB gồm có 1 thành viên trong nhóm tuổi 41-50, 4 thành viên trong nhóm tuổi 51-60 và 4 thành viên thuộc nhóm tuổi trên 60.

- Đa dạng về kinh nghiệm:** HĐQT ACB bao gồm cả các thành viên HĐQT lâu năm, những người có hiểu biết sâu sắc về ngân hàng, và những thành viên có thời gian tham gia HĐQT dưới 5 năm. Cụ thể, có 5 thành viên HĐQT đương nhiệm đã có trên 10 năm giữ vị trí thành viên HĐQT ACB, 1 thành viên tham gia vào HĐQT ACB trong khoảng từ 5-10 năm, và 3 thành viên tham gia vào HĐQT ACB dưới 5 năm.
- Đa dạng về chuyên môn:** HĐQT ACB có 9 thành viên với đa dạng năng lực và kinh nghiệm liên quan đến các mảng hoạt động quan trọng như: chiến lược & quản trị (9 thành viên), tài chính & kế toán (9 thành viên), kinh doanh (8 thành viên), luật, rủi ro & tuân thủ (7 thành viên), nhân sự (6 thành viên), dữ liệu, tiếp thị & truyền thông (5 thành viên), và vận hành & công nghệ (3 thành viên).

TT	Thành viên HĐQT	Vị trí, phân loại thành viên	Chiến lược & Quản trị	Luật, Rủi ro & Tuân thủ	Tài chính & Kế toán	Kinh doanh	Vận hành & Công nghệ	Nhân sự	Dữ liệu, Tiếp thị & Truyền thông
1	Trần Hùng Huy	Chủ tịch; Thành viên HĐQT không điều hành	X	X	X	X	X	X	
2	Nguyễn Thành Long	Phó chủ tịch; Thành viên HĐQT không điều hành	X	X	X	X		X	
3	Hiệp Văn Võ	Thành viên HĐQT không điều hành	X	X	X	X	X		
4	Đinh Thị Hoa	Thành viên HĐQT không điều hành	X		X	X			X
5	Đặng Thu Thủy	Thành viên HĐQT không điều hành	X					X	

TT	Thành viên HĐQT	Vị trí, phân loại thành viên	Chiến lược & Quản trị	Luật, Rủi ro & Tuân thủ	Tài chính & Kế toán	Kinh doanh	Vận hành & Công nghệ	Nhân sự	Dữ liệu, Tiếp thị & Truyền thông
6	Đàm Văn Tuấn	Thành viên HĐQT điều hành	X	X	X	X		X	
7	Đỗ Minh Toàn	Thành viên HĐQT không điều hành	X	X	X	X	X	X	
8	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên HĐQT điều hành	X	X	X	X			
9	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên độc lập	X	X	X	X		X	X

o Các ủy ban trực thuộc HĐQT:

ACB có 05 ủy ban chuyên môn trực thuộc HĐQT. Các ủy ban này được thành lập nhằm hỗ trợ HĐQT trong việc thực hiện chức năng giám sát, tư vấn và đưa ra các khuyến nghị về các vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động quản trị và điều hành của ngân hàng, bao gồm:

- Ủy ban Quản lý rủi ro (Thành lập từ: tháng 7/2011)

Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong việc xây dựng, giám sát và thực hiện khuôn khổ quản lý rủi ro của Ngân hàng, nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh phù hợp với khẩu vị rủi ro và chiến lược phát triển.

- Ủy ban Nhân sự (Thành lập từ: tháng 7/2011)

Ủy ban Nhân sự là cơ quan tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến tổ chức bộ máy, quản trị nhân sự và các chính sách đãi ngộ của Ngân hàng. UBNS hỗ trợ HĐQT trong việc xây dựng, rà soát và giám sát cơ cấu tổ chức quản trị – điều hành; tham mưu và đề xuất các vấn đề liên quan đến nhân sự

cấp cao, chính sách tiền lương, thù lao, thưởng và phúc lợi; cũng như giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách nhân sự đã được phê duyệt trong toàn hệ thống.

- Ủy ban Chiến lược (Thành lập từ: tháng 5/2013)

Ủy ban Chiến lược tham mưu cho HĐQT trong việc thông qua chiến lược hoạt động của ACB; đánh giá kết quả thực thi các mục tiêu chiến lược của Ban điều hành; việc lựa chọn sáng kiến chiến lược mới, chiến lược liên minh, hợp nhất và sáp nhập (M&A), nếu có; các vấn đề chiến lược liên quan đến công ty con.

- Ủy ban Đầu tư (Thành lập từ: tháng 5/2013)

Ủy ban Đầu tư là cơ quan tham mưu cho HĐQT trong công tác đầu tư của ACB. UBĐT chịu trách nhiệm thẩm định và đề xuất các dự án đầu tư, quyết định các vấn đề đầu tư theo phân cấp, đề xuất người đại diện phần vốn, theo dõi – đánh giá hiệu quả đầu tư, quản lý rủi ro và thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT giao nhằm đảm bảo hoạt động đầu tư an toàn, hiệu quả và đúng quy định.

- Ủy ban Phát triển bền vững (ESG) (Thành lập từ: tháng 12/2025)

Ủy ban Phát triển bền vững tham mưu và đề xuất cho HĐQT quyết định về các vấn đề: chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động PTBV toàn Ngân hàng; các chính sách, quy định và tiêu chuẩn ESG phù hợp với chiến lược phát triển; các cam kết, các mục tiêu, và KPI liên quan đến PTBV; nguồn lực, ngân sách cho các sáng kiến PTBV; định hướng công bố thông tin ESG minh bạch cho cổ đông và công chúng; giám sát việc tích hợp yếu tố ESG vào chiến lược, hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro; giám sát tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về PTBV/ESG; phê duyệt Báo cáo PTBV/ESG định kỳ; và đánh giá kết quả thực hiện chiến lược PTBV của Ban điều hành và các đơn vị liên quan.

- Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (BKS) hiện tại như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực phân công
1	Huỳnh Nghĩa Hiệp	Trưởng Ban	Phụ trách chung về việc tổ chức và thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của BKS. Chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực phân công
2	Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên chuyên trách	Giám sát (i) theo dõi, cập nhật danh sách cổ đông lớn, thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và những người có liên quan; (ii) kiểm soát công tác hạch toán kế toán, kiểm soát tài sản; (iii) hoạt động kinh doanh chủ yếu và tuân thủ các chỉ tiêu an toàn vốn của Ngân hàng; (iv) việc thực hiện ban hành các văn bản nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật.
3	Hoàng Ngân	Thành viên chuyên trách	Kiểm soát công tác hạch toán kế toán, hoạt động tài chính và thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng; Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Trong năm 2025, BKS đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình một cách đầy đủ, cẩn trọng và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, và các quy chế nội bộ của Ngân hàng.
- Các phiên họp định kỳ

Stt	Kỳ họp	Nội dung
1	Ngày 13/02/2025	+ Giám sát và chỉ đạo KTNB thực hiện chỉ thị của NHNN về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2025. + Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 (riêng lẻ và hợp nhất) trình ĐHĐCĐ. + Thông qua dự thảo Báo cáo hoạt động của BKS, dự thảo sửa đổi Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động BKS để trình ĐHĐCĐ.
2	Ngày 06/5/2025	Cơ cấu lại tổ chức và hoạt động Ban Kiểm toán nội bộ để phù hợp với Luật Các TCTD, và Thông tư của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ.
3	Ngày 03/7/2025	+ Đánh giá việc thực hiện kế hoạch kiểm toán 06 tháng đầu năm. + Chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ tăng cường kiểm toán giám sát đối với các hoạt động/ quy trình/ đơn vị/ chi nhánh/ phòng giao dịch... được đánh giá có rủi ro cao, có mức độ ảnh hưởng trọng yếu.

Stt	Kỳ họp	Nội dung
4	Ngày 26/9/2025	+ Thực hiện Kết luận số 331/TB-NHNN ngày 25/9/2025 của Thống đốc tại Hội nghị về công tác kiểm soát, kiểm toán và kiểm tra nội bộ của NHNN liên quan đến BKS và Kiểm toán nội bộ. + Chỉ đạo Ban KTNB thực hiện yêu cầu của Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng về một số vấn đề lưu ý trong hoạt động của Ngân hàng tại thời điểm 30/6/2025.
5	Ngày 26/11/2025	+ Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 và phương hướng hoạt động của Ban KTNB năm 2026. + Các thành viên chuyên trách kế toán giám sát các số liệu kế toán liên quan đến công tác quyết toán năm 2025 của Ngân hàng

- **Giám sát hoạt động quản trị, điều hành**

- Tham dự các phiên họp của HĐQT, Ủy ban Quản lý rủi ro, hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ban điều hành.
- Giám sát việc thực hiện các quy định của NHNN liên quan đến việc chấp hành các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng; giám sát việc quản trị điều hành và hoạt động hệ thống thông qua kiểm toán nội bộ; giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHDCĐ; giám sát công tác hạch toán kế toán và thẩm tra báo cáo tài chính của Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất với các công ty con 6 tháng đầu năm và cả năm 2025; cập nhật danh sách cổ đông lớn, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và những người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành.

- **Hoạt động khác**

- Giám sát việc thực hiện các nội dung theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024; giám sát việc thực hiện các chỉ thị của NHNN, các kiến nghị của Thanh tra NHNN.
- Tham dự các phiên họp theo yêu cầu của NHNN và thực hiện các công việc theo chỉ đạo của Thống đốc liên quan đến hoạt động BKS.

- **Ban Điều hành**

- Ban Điều hành ((Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng là cơ quan chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hằng ngày, xây dựng và thực thi các chương trình hành động

nhằm tối đa hóa hiệu quả kinh doanh, đảm bảo duy trì và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ACB.

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của ACB, chịu trách nhiệm cao nhất trước HĐQT và Pháp luật trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao phù hợp với các quy định của Pháp luật, của NHNN và các quy định nội bộ của ACB.
- Tại ngày 27/03/2026, ACB có 10 thành viên Ban Điều hành:

TT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm
1	Từ Tiến Phát	Tổng giám đốc	14/01/2025
2	Bùi Tấn Tài	Phó Tổng giám đốc thường trực	26/01/2024
3	Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng giám đốc	28/6/2024
4	Đàm Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc	04/9/2001
5	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Tổng giám đốc	26/01/2024
6	Nguyễn Thị Hai	Phó Tổng giám đốc	11/8/2011
7	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Phó Tổng giám đốc	01/9/2025
8	Nguyễn Khắc Nguyễn	Phó Tổng giám đốc	15/01/2026
9	Ngô Tấn Long	Phó Tổng giám đốc	12/01/2024
10	Dương Thị Nguyệt	Kế toán trưởng	13/4/2023

- Tuân thủ các quy định về quản trị công ty của các cơ quan quản lý nhà nước

Ngân hàng đã ban hành và thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản nền tảng về quản trị công ty nhằm bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành và các thông lệ tiên tiến về quản trị công ty. Cụ thể:

- Điều lệ (cập nhật ngày 27/6/2025.)
- Quy chế quản trị nội bộ (cập nhật ngày 08/4/2025.)
- Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐQT (cập nhật ngày 08/4/2025.)

- Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS (cập nhật ngày 08/4/2025.)
- Quy chế công bố thông tin (cập nhật ngày 19/12/2024.)

Bên cạnh đó, trên cơ sở tiếp thu các yêu cầu mới phù hợp của Bộ Nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam (VNCG) 2026 ban hành ngày 03/02/2026, ACB cũng đã xây dựng bộ tài liệu sửa đổi, bổ sung Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, và quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐQT để trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua tại kỳ họp ngày 09/4/2026.

ACB duy trì tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và hướng dẫn về quản trị công ty do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quy định sau (bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc hướng dẫn thi hành):

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 13/2018/TT-NHNN hướng dẫn hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại;
- Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ.

- Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

- Về ngành nghề kinh doanh: hoạt động chính của ACB là thực hiện các giao dịch ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm các hoạt động: huy động vốn (nhận tiền gửi tiết kiệm; mua bán, phát hành trái phiếu, kỳ phiếu...), cấp tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh,... đối với các cá nhân và tổ chức trên cơ sở đảm bảo an toàn cho cả khách hàng và Ngân hàng), dịch vụ thanh toán (thực hiện thanh toán giữa các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế qua tài khoản, thẻ ngân hàng và các phương tiện thanh toán khác), giao dịch khác (thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép).

- Về địa bàn kinh doanh: đến cuối năm 2025, ACB có 389 chi nhánh (CN) và phòng giao dịch (PGD) hoạt động tại 50 tỉnh, thành trong cả nước, số lượng tăng 1 đơn vị so với cuối năm 2024 sau khi mở chi nhánh đầu tiên tại Ninh Bình. Các địa bàn (theo địa giới hành chính áp dụng từ 1/7/2025) chiếm trên 10% doanh thu trong 2 năm gần nhất gồm TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và miền Trung - Tây Nguyên. Về mặt tổng thể, cấu trúc địa bàn kinh doanh năm 2025 cho thấy TP. Hồ Chí Minh giữ vai trò động lực tăng trưởng chính, trong khi các vùng vệ tinh và khu vực ngoài trung tâm tiếp tục tạo ra tăng trưởng đồng đều, góp phần củng cố nền tảng mở rộng bền vững của ACB trên toàn quốc.
- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

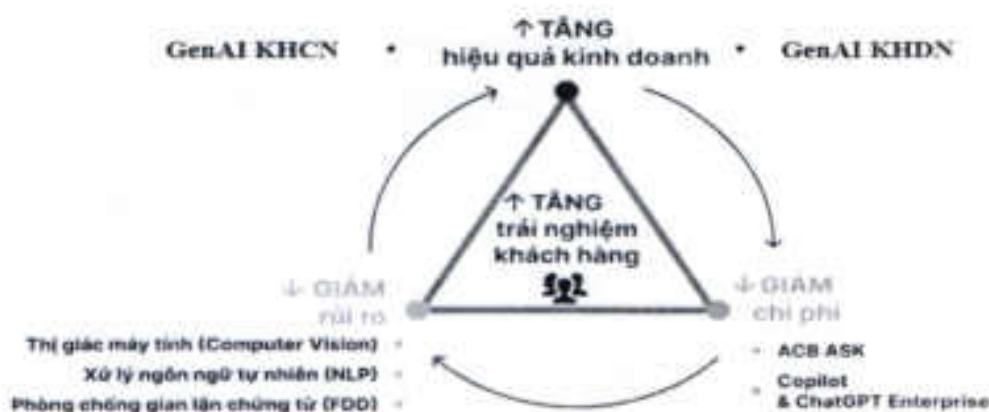
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% thực hiện so KH
1. Tổng tài sản	984.967	1.025.850	104%
2. Huy động (gồm tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá)	728.409	718.475	99%
3. Cho vay khách hàng	673.596	686.777	102%
4. Tỷ lệ nợ xấu nhóm 3 - nhóm 5 (sau CIC)	<2%	0,97%	206%
5. Lợi nhuận trước thuế	23.000	19.539	85%

- **Những tiến bộ đã đạt được trong năm 2025**
 - **Cải thiện đáng kể chất lượng tài sản**, đưa tỷ lệ nợ xấu nhóm 3 đến 5 trên dư nợ cho vay khách hàng trở lại dưới 1% sau giai đoạn chịu ảnh hưởng kéo dài từ Covid-19 và biến động vĩ mô, qua đó tiếp tục củng cố vị thế trong nhóm dẫn đầu về chất lượng tài sản trong bối cảnh toàn ngành phải đối mặt với áp lực nợ xấu gia tăng. Không chỉ giữ vững ‘phòng tuyến’ rủi ro, ACB còn thể hiện năng lực cân bằng giữa an toàn và tăng trưởng, duy trì tín dụng tăng bền vững và bám sát mục tiêu đề ra.
 - **Nâng cao hiệu quả hoạt động toàn tập đoàn**: ACB đẩy mạnh kết nối hệ sinh thái và vai trò các công ty con, đến cuối năm 2025, ACBS đạt lợi nhuận trước thuế lũy

kế hơn 1,2 nghìn tỷ đồng, tăng 46%; các công ty con khác cũng đóng góp ngày càng rõ nét.

- Hoàn thành dự án xây dựng nền tảng tính vốn cho rủi ro tín dụng trên phương pháp xếp hạng nội bộ (Internal Ratings-Based – IRB), bao gồm cả hai cấp độ cơ bản (FIRB) và nâng cao (AIRB), thể hiện vai trò tiên phong của ngân hàng trong việc triển khai các chuẩn mực tiên tiến Basel tại Việt Nam, đồng thời thể hiện định hướng nhất quán của ACB trong việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng cường tính minh bạch và phát triển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế.
- Đạt một số kết quả khả quan trong công tác chuyển đổi số theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI/GenAI) nhằm nâng cao trải nghiệm, tăng hiệu quả kinh doanh, giảm chi phí và kiểm soát



rủi ro.

- Gia tăng gắn kết khách hàng trên nền tảng số: năm 2025, ACB không ngừng củng cố nền tảng an toàn nhiều lớp, nâng cao mức độ cá nhân hóa và tăng cường tương tác trên kênh số, đồng thời mở rộng các tiện ích thiết thực thông qua hệ sinh thái du lịch – giải trí và chương trình ACB Rewards. Kết quả năm 2025 so với năm 2024: trên 98% giao dịch được thực hiện qua kênh số, trong đó hơn 90% thông qua ứng dụng ACB ONE (Mobile App); số lượng giao dịch trực tuyến tăng 30%; số lượng khách hàng mới đến từ kênh số tăng 91% với trên 70% khách hàng mới phát sinh giao dịch ngay trong năm; số lượng khách hàng giao dịch trực tuyến bình quân tháng tăng 12,5%; số lượng tài khoản tiền gửi trực tuyến có kỳ hạn tăng 45%; và số lượng khách hàng gửi tiền trực tuyến tăng 25%. Những kết quả này không chỉ cho thấy mức độ gắn kết ngày càng tăng của khách hàng mà còn đóng góp thiết thực vào việc tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu suất vận hành và củng cố lợi thế cạnh tranh của ACB trong dài hạn.

- **Chính thức khởi động Chiến lược giai đoạn 2025–2030** với tuyên ngôn “Trở thành tập đoàn tài chính hiệu quả, mang giải pháp cá nhân hóa toàn diện đến từng khách hàng, thông qua trải nghiệm liền mạch trên nền tảng tích hợp, được dẫn dắt bởi công nghệ, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo”. Đây là định hướng xuyên suốt cho hành trình phát triển 05 năm, được cụ thể hóa cho 4 phân khúc khách hàng trọng tâm. Trong khuôn khổ Chiến lược này, ACB đã đề ra hơn 20 sáng kiến chiến lược và tính đến cuối năm 2025 đang thực thi khoảng 1/3 các sáng kiến.
- **Hoàn thiện khung quản trị phát triển bền vững** với việc xây dựng Chiến lược phát triển bền vững cho giai đoạn 2026 – 2030 và công bố mô hình phát triển bền vững theo hướng tạo giá trị chung (CSV), đánh dấu bước chuyển từ các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) rời rạc sang cách tiếp cận hệ thống, dài hạn và đo lường được, gắn với Chiến lược kinh doanh của Ngân hàng trong giai đoạn 2025–2030.

b. Thực trạng tài chính và hoạt động của Ngân hàng

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
1	Quy mô			
1.1	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	44.667	51.367	15,0%
1.2	Tổng tài sản	864.006	1.025.850	18,7%
1.3	Tổng tài sản có rủi ro (tỷ đồng)	675.593	782.744	15,9%
1.4	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (%)(*)	11,8%	12,3%	0,5%
2	Kết quả hoạt động kinh doanh			
2.1	Doanh thu	33.515	33.798	0,8%
2.2	Thuế và các khoản phải nộp	2.583	2.175	-15,8%
2.3	Lợi nhuận trước thuế	21.006	19.539	-7,0%
2.4	Lợi nhuận sau thuế	16.790	15.625	-6,9%
2.5	Doanh số huy động tiền gửi (tỷ đồng)	16.133.465	16.982.354	5,3%
2.6	Doanh số cho vay (tỷ đồng)	1.081.844	1.283.462	18,6%
2.7	Doanh số thu nợ (tỷ đồng)	993.897	1.185.738	19,3%
2.8	Nợ quá hạn N2-N5 (tỷ đồng)	11.429	9.165	-19,8%
2.9	Nợ khó đòi (Nợ xấu) N3-N5 (tỷ đồng)	8.650	6.671	-22,9%
2.10	Nợ quá hạn/ Tổng dư nợ cho vay (%)	1,97%	1,33%	-0,64%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
2.11	Nợ khó đòi (Nợ xấu)/ Tổng dư nợ cho vay (%)	1,49%	0,97%	-0,52%
3	Khả năng thanh khoản			
3.1	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VND (%)	61,94%	64,36%	2,41%
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày ngoại tệ khác (%)	197,95%	1.014,33%	816,38%
3.3	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)	14,94%	14,67%	-0,27%

(*) Giá trị vốn tự có và tỷ lệ An toàn vốn được ước tính tại 31/12/2025 theo quy định Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng đến hết năm 2025:

- Quy mô tổng tài sản hợp nhất đạt 1,03 triệu tỷ đồng, ghi dấu bước tiến quan trọng với quy mô tăng gấp đôi sau 5 năm. Tổng tài sản hợp nhất tăng trưởng bình quân 18% trong 5 năm liên tiếp từ 2021 đến 2025.
- Tỷ trọng tài sản có sinh lời được duy trì ở mức cao và đạt 97% tổng tài sản vào cuối năm 2025, nhờ tập trung vào các lĩnh vực ít rủi ro và có tiềm năng tăng trưởng ổn định.
- Huy động vốn (bao gồm tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá) đạt hơn 718 nghìn tỷ đồng, tăng 12,4%, phù hợp với quy mô dư nợ cho vay, bảo đảm cân đối nguồn vốn – sử dụng vốn hiệu quả. Huy động vốn tăng trưởng bình quân 12% trong 5 năm liên tiếp từ 2021 đến 2025.
- Cho vay khách hàng đạt 687 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2025 tăng 18,3% so với năm 2024, cao hơn tăng trưởng tín dụng ngành 0,6%. Dư nợ cho vay khách hàng tăng trưởng bình quân 14% trong 5 năm liên tiếp từ 2021 đến 2025.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến 5 trên tổng dư nợ cho vay khách hàng) hợp nhất ở mức 0,97%, và thuộc топ 3 tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất hệ thống, phản ánh hiệu quả quản trị rủi ro và khả năng kiểm soát chất lượng danh mục tín dụng.
- Thu nhập ngoài lãi năm 2025 tăng 20,5%, đạt 6,9 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ tận dụng điều kiện thị trường thuận lợi: thu nhập từ hoạt động đầu tư tăng trưởng 33,9% và thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng 47,9% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh thu hồi các khoản nợ xấu đã xử lý rủi ro giúp thu nhập từ hoạt động khác tăng mạnh 64,1%.

- Bộ đệm dự phòng được chủ động gia cố: Ngân hàng chủ động gia tăng trích lập dự phòng trong năm 2025 giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) cải thiện đáng kể lên mức 114% (2024: 78%).
- Chi phí hoạt động của ACB tới cuối năm gần 11 nghìn tỷ đồng, tương đương so với năm trước, và tỷ lệ CIR 32,3% giảm nhẹ so với năm 2024 (32,5%).
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng đạt 22,9 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng tích cực.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 19,5 nghìn tỷ đồng và hoàn thành 85% kế hoạch, mà nguyên nhân chủ yếu là chủ trương duy trì thị phần thông qua lãi suất cạnh tranh và tăng trích lập dự phòng.

8.2 Những biện pháp triển khai nhằm khắc phục các trường hợp khi được can thiệp sớm

Thời gian thực hiện các biện pháp tại Điều này được xác định theo mốc T (thời điểm phát sinh sự kiện can thiệp sớm).

- a. Trường hợp (a): Số lỗ lũy kế của ACB > 15% vốn điều lệ, và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 08% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ:**

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Phục hồi vốn	Xác định thiếu hụt vốn, suy giảm tỷ lệ an toàn vốn	Khối Tài chính	Khối QLRR	TGD	Báo cáo thực trạng vốn	T+0-T+3
		Hoàn thiện kế hoạch vốn 3-6-12 tháng	Khối Tài chính	Khối QLRR Phòng Pháp chế	HDQT	Kế hoạch hoàn chỉnh được phê duyệt	T+4-T+15
		Phê duyệt và triển khai	HDQT	QLRR	NHNN	Kế hoạch được thực hiện	≤ T+30
2	Tăng vốn	Triển khai các phương án tăng vốn	Khối Tài chính	Khối QLRR Phòng Pháp chế	HDQT	Tỷ lệ an toàn vốn cải thiện theo lộ trình	T+30-T+180

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
3	Giám tài sản có rủi ro	Điều chỉnh cơ cấu tỷ trọng các danh mục tài sản có rủi ro	Khối KHCN Khối KHDN Khối TTTC	Khối QLRR Khối Tài chính	TGD	Tài sản có rủi ro giảm, tỷ lệ an toàn vốn cải thiện	T+0- T+180
		Bán/thoái tài sản không cốt lõi; tái cơ cấu danh mục đầu tư	Khối Tài chính Khối Quản trị hành chính	Pháp chế	HDQT	Tỷ lệ an toàn vốn tăng và/hoặc giám tài sản có rủi ro	T+30- T+180
4	Cải thiện chất lượng tài sản	Tăng cường thu hồi nợ, xử lý nợ xấu; rà soát phân loại nợ và trích lập dự phòng; tối ưu xử lý tài sản bảo đảm/bán nợ theo quy định	TGD Phòng Quản lý nợ Khối KHCN/ KHDN/ TTTC Khối Tài chính Khối QLRR			Chất lượng tài sản cải thiện; nợ xấu giảm theo mục tiêu; dự phòng trích lập đầy đủ theo quy định	T+30- T+360
5	Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh	Tối ưu cơ cấu sản phẩm và khách hàng, Quản trị chi phí và hiệu suất; Tối ưu biên lợi nhuận, Gia tăng thu nhập ngoài lãi (*)	TGD Khối Tài chính Khối KHCN/ KHDN/ TTTC			Tỷ lệ chi phí so với thu nhập và kết quả kinh doanh cải thiện; giảm tốc độ tăng lỗ lũy kế	T+30- T+180

- (*) Chi tiết biện pháp “nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh” (mục 5 trường hợp (a)) như sau:

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Rà soát hiệu quả kinh doanh	Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động theo từng mảng kinh doanh, sản phẩm, phân khúc khách hàng và địa bàn; xác định các điểm nghẽn ảnh hưởng đến hiệu quả sinh lời và đưa ra đề xuất cụ thể	Khối Tài chính	Khối QLRR	TGD, HDQT	Báo cáo đánh giá tổng thể hiệu quả hoạt động kinh doanh	T+0 – T+90
2	Tối ưu cơ cấu sản phẩm và khách hàng	Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, phân khúc khách hàng theo định hướng ưu tiên hiệu quả; hạn chế mở rộng ở các phân khúc có biên lợi nhuận thấp hoặc rủi ro cao. Đồng thời rà soát cập nhật khẩu vị rủi ro cho phù hợp	Khối KHCN/ KHDN/ TTTC	Khối QLRR	TGD	Cơ cấu kinh doanh phù hợp khẩu vị rủi ro và mục tiêu hiệu quả	T+90 – T+360
3	Quản trị chi phí và hiệu suất	Tăng cường kiểm soát chi phí hoạt động; cắt giảm chi phí không thiết yếu; tối ưu quy trình vận hành và mạng lưới nhằm cải thiện tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR)	Khối Tài chính Khối Vận hành	Khối CNTT	TGD, HDQT	CIR được kiểm soát, hiệu suất vận hành cải thiện	T+90 – T+360
4	Tối ưu hóa thu nhập lãi	Rà soát chính sách định giá sản phẩm theo rủi ro; điều chỉnh lãi suất, phí dịch vụ phù hợp với chi phí vốn và mức độ rủi ro	Khối KHCN/ KHDN/ TTTC	Khối QLRR, Khối Tài chính	TGD	Biên thu nhập lãi thuần cải thiện, tăng thu nhập thuần	T+90 – T+360
5	Gia tăng thu nhập ngoài lãi	Đẩy mạnh các nguồn thu ngoài lãi phù hợp với điều kiện thị trường	Khối KHCN/ KHDN/ TTTC	Khối CNTT	TGD	Cơ cấu thu nhập đa dạng, giảm phụ thuộc vào thu nhập lãi	T+180 – T+540
6	Báo cáo và giám sát	Thiết lập chế độ theo dõi, báo cáo định kỳ về hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thực hiện phương án khắc phục	Khối Tài chính	Phòng Phân tích và dữ liệu	TGD, HDQT, NHNN (khi yêu cầu)	Kiểm soát tiến độ và hiệu quả triển khai biện pháp	Định kỳ xuyên suốt thời gian thực hiện phương án

b. Trường hợp (b): Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

b.1 Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật:

St t	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
1	Rà soát nguyên nhân giảm điểm xếp hạng	Phân tích nguyên nhân theo các nhóm chỉ tiêu, ưu tiên các cấu phần chính có khả năng cải thiện	Khối QLRR	Khối Tài chính Ban KTNB	TGD	Báo cáo nguyên nhân gốc rễ theo từng cấu phần	T+0- T+15
2	Chương trình khắc phục	Xây dựng chương trình cải thiện theo KPI và đầu việc	Khối QLRR	Khối Tài chính	TGD	Kế hoạch cải thiện được phê duyệt (tỷ lệ an toàn vốn, nợ xấu, tỷ lệ khả năng chi trả, CIR)	T+30- T+180
		Triển khai theo kế hoạch hành động và KPI	Khối KHCN Khối KHDN Khối TTTC	Khối QLRR	TGD	Cải thiện các chỉ tiêu xếp hạng (tỷ lệ an toàn vốn, nợ xấu, tỷ lệ khả năng chi trả, CIR)	T+30- T+180
3	Thanh tra/kiểm toán	Đóng khuyến nghị theo kế hoạch	Ban KTNB	Khối QLRR	HDQT	Đóng toàn bộ tồn tại trọng yếu	T+21- T+360
4	Điều chỉnh khẩu vị rủi ro	Điều chỉnh hạn mức, kiểm soát tăng trưởng theo mục tiêu	Khối QLRR	Khối KHCN/ KHDN/ TTTC	HDQT	Hạn mức mới tuân thủ, cải thiện chất lượng tài sản	T+0- T+30

b.2 Nâng cao năng lực quản trị và điều hành:

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
1	Rà soát năng lực quản trị điều hành	Đánh giá tổng thể khung quản trị điều hành (vai trò HĐQT – BDH – các Ủy ban; cơ chế ra quyết định; phân quyền, phân cấp)	Khối QLRR	Văn phòng HĐQT Ban KTNB	HĐQT / TGD	Báo cáo đánh giá hiện trạng quản trị điều hành, xác định khoảng trống so với thông lệ tốt	T+0 – T+30
		Rà soát cơ chế phối hợp, luồng thông tin và chế độ báo cáo giữa HĐQT với BDH, và giữa BDH với các đơn vị trong hệ thống	Văn phòng HĐQT Văn phòng TGD	Khối QLRR	HĐQT	Báo cáo các điểm nghẽn trong phối hợp, thông tin giữa HĐQT và BDH, giữa BDH và các đơn vị trong hệ thống.	T+15 – T+45
		Rà soát chức năng – nhiệm vụ các Ủy ban/Hội đồng để tránh chồng chéo, nâng cao trách nhiệm giải trình	Văn phòng HĐQT Văn phòng TGD	Các Khối liên quan	HĐQT	Báo cáo các điểm cần hoàn thiện trong chức năng nhiệm vụ các Ủy ban/Hội đồng.	T+30 – T+90
2	Hoàn thiện cơ chế phối hợp, thông tin, báo cáo,	Điều chỉnh cơ chế phối hợp, luồng thông tin và chế độ báo cáo giữa HĐQT với BDH, và giữa BDH với các đơn vị trong hệ thống	Văn phòng HĐQT Văn phòng TGD	Các Khối liên quan	HĐQT	Các văn bản cơ chế phối hợp, luồng thông tin và chế độ báo cáo nội bộ (sửa đổi, bổ sung)	T+30 – T+90
		Điều chỉnh chức	Văn	Các	HĐQT	Chức năng	T+30 –

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
		năng – nhiệm vụ các Ủy ban/Hội đồng	phòng HDQT Văn phòng TGD	Khối liên quan		nhiệm vụ các Ủy ban/hội đồng (sửa đổi, bổ sung)	T+90
3	Củng cố năng lực quản trị	Triển khai chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản trị, điều hành cho HDQT, BDH, lãnh đạo chủ chốt	Văn phòng HDQT Văn phòng TGD	Khối QTNL	HDQT / TGD	Danh mục các chương trình đào tạo cần thiết được cá nhân hóa cho từng thành viên HDQT, BDH, lãnh đạo chủ chốt và hợp đồng đào tạo được ký kết.	T+90 – T+360
		Triển khai các kênh thu thập/phản hồi ý tưởng để cải tiến về quản trị điều hành	Văn phòng TGD	Khối QTNL	HDQT / TGD	Kênh thu thập/phản hồi ý tưởng để cải tiến về quản trị điều hành được áp dụng toàn hệ thống	T+180 – T+360

c. Trường hợp (c): Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày liên tục

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
1	Kích	Kích hoạt &	TGD/Trường	Khối QLRR	HDQT	Kế hoạch	0-24h

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
	hoạt Kế hoạch DPTK	phân công nhiệm vụ theo Kế hoạch DPTK (xác định cấp độ, tăng tần suất báo cáo)	Ban ATTK		NHNN	DPTK được kích hoạt; cơ chế điều phối tập trung được thiết lập	
2	Cải thiện nguồn vốn	Huy động tiền gửi, repo GTCG, đề nghị NHNN hỗ trợ	Khối KHCN/ KHDN/TTTC	Khối Tài chính Khối QLRR	Ban ATTK TGD	Cải thiện tỷ lệ khả năng chi trả; dòng tiền ra ròng; tăng số ngày đáp ứng nhu cầu chi trả	T+0- T+7
3	Giảm dòng tiền ra	Kiểm soát giải ngân; ưu tiên thu nợ; giãn/ hoãn chi phí không thiết yếu	Khối KHCN/ KHDN/TTTC	Khối QLRR Khối Tài chính Khối Vận hành	Ban ATTK TGD	Dòng tiền ra giảm	T+0- T+30
4	Truyền thông	Triển khai thông điệp thống nhất; kiểm soát tin đồn; phối hợp NHNN/ công quyền	Phòng Quản trị Truyền thông & Thương hiệu	Phòng Đối ngoại Khối QLRR Khối KHCN/ KHDN/TTTC	TGD HDQT	Ổn định tâm lý khách hàng; huy động phục hồi/ổn định	Ngay lập tức - T+30
5	Báo cáo & giám sát	Thiết lập báo cáo hàng ngày; theo dõi KPI thanh khoản và điều chỉnh biện pháp	Khối QLRR	Khối Tài chính Khối KHCN/ KHDN/TTTC	TGD HDQT NHNN	Báo cáo kịp thời; cải thiện các chỉ tiêu (tỷ lệ khả năng chi trả, dòng tiền ra ròng, số ngày đáp ứng nhu cầu chi trả)	Hàng ngày (T+0- T+30)

d. Trường hợp (d): Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong 06 tháng liên tục

St t	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch tỷ lệ an toàn vốn	Xây dựng kế hoạch tỷ lệ an toàn vốn theo các mốc 3-6-12 tháng; xác định mục tiêu tỷ lệ an toàn vốn theo từng giai đoạn	Khối Tài chính	Khối QLRR	HDQT Ủy ban QLRR	Kế hoạch tỷ lệ an toàn vốn được phê duyệt; mục tiêu tỷ lệ an toàn vốn theo từng giai đoạn rõ ràng	T+0- T+30
2	Hạn chế phân phối lợi nhuận	Điều chỉnh chính sách cổ tức/lợi nhuận; kiểm soát tăng trưởng tài sản có rủi ro cao	Khối Tài chính	Khối QLRR Khối KHCN Khối KHDN Khối TTTC	HDQT	Giữ lại lợi nhuận; giảm áp lực vốn; ổn định tỷ lệ an toàn vốn	T+0- T+30
3	Tăng vốn	Triển khai phương án tăng vốn điều lệ/phát hành công cụ vốn cấp 2	Khối Tài chính	Khối QLRR Phòng Pháp chế	HDQT NHNN	Tăng vốn thực tế; tỷ lệ an toàn vốn cải thiện theo lộ trình	T+90- T+360
4	Giảm tài sản rủi ro	Điều chỉnh danh mục tín dụng, giảm phân khúc rủi ro cao, kiểm soát tăng trưởng theo mục tiêu	Khối KHCN/ KHDN/TTTC	Khối QLRR	TGD Ban ATTK	Tài sản có rủi ro giảm; cải thiện tỷ lệ an toàn vốn	T+0- T+180

e. Trường hợp (e): Rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN

St t	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Chỉ huy & điều phối	Trưởng Ban ATTK (TGD) kích hoạt Kế	TGD / Trưởng Ban	Khối QLRR Văn phòng	HDQT NHNN	Cơ chế điều hành tập trung được kích	0-24h

St t	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
		hoạch DPTK Cấp độ 3; thiết lập cơ chế chỉ đạo tập trung và phân công các nhóm công tác	ATTK	TGD		hoạt; phân công rõ trách nhiệm	
2	Đánh giá thanh khoản	Dự báo dòng tiền, xác định số ngày đáp ứng nhu cầu chi trả, phân tích hành vi rút tiền theo phân khúc (*)	Khối QLRR	Khối TTTC Khối Tài chính	Ban ATTK TGD	Xác định số ngày đáp ứng nhu cầu chi trả; kịch bản dòng tiền	T+0- T+3
3	Tạo nguồn thanh khoản	Repo GTCG; vay LNH; đề nghị NHNN hỗ trợ; huy động khẩn cấp (**)	Khối TTTC	Khối Tài chính Khối QLRR	Ban ATTK TGD	Tăng tỷ lệ khả năng chi trả; cải thiện số ngày đáp ứng nhu cầu chi trả	T+0- T+7
4	Điều quỹ & vận hành	Điều chuyển tiền mặt; tăng tồn quỹ tại các điểm giao dịch bị rút tiền lớn; ưu tiên chi trả (***)	Khối Vận hành	Khối Quản trị nguồn nhân lực Khối Quản trị hành chính Kênh phân phối	Ban ATTK	Không phát sinh thiếu hụt tiền mặt; đảm bảo hoạt động vận hành liên tục	T+0- T+7
5	Ổn định khách hàng & truyền thông	Triển khai truyền thông khủng hoảng; chăm sóc khách hàng trọng yếu; kiểm soát tin đồn (****)	Phòng Quản trị Truyền thông & Thương hiệu	Phòng Đối ngoại Khối KHCN/ KHDN/TTTC	TGD HQQT	Giảm tốc độ rút tiền; huy động ổn định	T+0- T+30
6	Ổn định hệ thống CNTT (*****)	Đảm bảo hệ thống ATM/ ngân hàng số hoạt động liên tục; giám sát an toàn	Khối CNTT	Khối Vận hành Khối QLRR	Ban ATTK	Không gián đoạn hệ thống; kiểm soát rủi ro CNTT	T+0- T+30

St t	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
		thông tin					
7	Hoàn trả nguồn vốn hỗ trợ	Lập và triển khai kế hoạch hoàn trả NHNN/LNH; giám phụ thuộc nguồn khẩn cấp	Khối TTTC	Khối Tài chính Khối QLRR	HDQT TGĐ	Tỷ lệ khả năng chi trả duy trì ổn định; giảm tỷ trọng vay NHNN/LNH	T+31- T+180
8	Giám sát & báo cáo	Thiết lập báo cáo hàng ngày; theo dõi KPI thanh khoản và điều chỉnh hành động	Khối QLRR	Khối TTTC Khối Tài chính Khối KHCN/ KHDN/TTTC	TGĐ HDQT NHNN	Báo cáo kịp thời; tuân thủ hạn mức tỷ lệ khả năng chi trả, theo dõi dòng tiền ra ròng, số ngày đáp ứng nhu cầu chi trả	Hàng ngày

- (*) Việc phân tích hành vi rút tiền theo phân khúc ở mục 2 “Đánh giá thanh khoản” được thực hiện như sau:

Hành vi rút tiền được phân tầng theo phân khúc và kênh rút tiền (theo ngày/T+0)

- o KHCN: theo kênh rút: tại quầy/ATM/ngân hàng số, theo cụm chi nhánh/địa bàn, theo sản phẩm (tiền gửi không kỳ hạn/tiền gửi có kỳ hạn).
- o Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME): theo tài khoản thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn, theo ngành/chuỗi, theo mức độ phụ thuộc vào dòng tiền thanh toán.
- o Doanh nghiệp lớn/định chế tài chính: theo danh sách khách hàng tiền gửi trọng yếu, theo nhóm liên quan, theo giao dịch giá trị lớn.

- (***) Chi tiết mục 3 “Tạo nguồn thanh khoản” như sau:

Trong trường hợp khủng hoảng thanh khoản, các nguồn dự phòng tài chính được ưu tiên sử dụng theo thứ tự sau:

- o T+0 đến T+1: điều chuyển nội bộ/tăng tồn quỹ + repo + vay LNH ngắn hạn.
- o T+1 đến T+7: tiếp cận cơ chế hỗ trợ của NHNN + mở rộng repo + huy động khách hàng.

- o T+7 trở đi: biện pháp cấu trúc (bán/thoái tài sản, tái cơ cấu danh mục, điều chỉnh tăng trưởng).

Nguồn vốn dự phòng	Mô tả	Quy mô vốn có thể huy động (ước tính)	Mức độ sẵn có	Thời gian cần thiết để huy động	Điều kiện sử dụng	Mức độ tin cậy
Tài sản thanh khoản sẵn có	Tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, TPCP, GTCG đủ điều kiện	Cao - phụ thuộc quy mô danh mục tài sản thanh khoản tại từng thời điểm	Cao (ngay lập tức)	Ngay lập tức (trong ngày)	Không vi phạm tỷ lệ an toàn; tuân thủ hạn mức nội bộ	Cao
Vay tái cấp vốn / vay đặc biệt NHNN	Nguồn hỗ trợ trực tiếp từ NHNN trong trường hợp khủng hoảng	Lớn - phụ thuộc quy mô NHNN chấp thuận	Cao (khi được phê duyệt)	1→3 ngày làm việc (tùy hồ sơ & phê duyệt)	Kích hoạt Kế hoạch DPTK Cấp 3; hồ sơ và tài sản đảm bảo đầy đủ	Cao
Giao dịch repo TPCP và GTCG	Repo TPCP và GTCG đủ điều kiện với NHNN hoặc TCTD khác	Lớn - theo giá trị danh mục đủ điều kiện	Cao	Trong ngày → 3 ngày làm việc	Danh mục GTCG đủ điều kiện; đối tác chấp thuận	Cao
Vay LNH	Vay ngắn hạn từ các TCTD khác	Trung bình - phụ thuộc uy tín, điều kiện thị trường	Trung bình	Trong ngày → 2 ngày làm việc	Đối tác chấp thuận; có thể yêu cầu TSDB	Trung bình
Hỗ trợ từ cổ đông lớn/đối tác chiến lược	Tiền gửi hoặc hỗ trợ thanh khoản từ cổ đông/đối tác lớn	Trung bình đến lớn	Trung bình	1→3 ngày làm việc (theo thỏa thuận)	Thỏa thuận và cam kết của cổ đông/đối tác	Cao
Bán/cầm cố tài sản khác	Bán hoặc cầm cố tài sản ngoài danh mục dự phòng	Trung bình	Thấp đến trung bình	3→5 ngày làm việc (tùy điều kiện thị trường)	Chấp nhận chiết khấu; điều kiện thị trường phù hợp	Trung bình
Điều chỉnh dòng tiền ra ròng	Giảm giải ngân, điều phối chi trả ưu tiên, thu hồi nợ	Gián tiếp - phụ thuộc quy mô dòng tiền	Cao	Tác động ngay → vài ngày	Tuân thủ quy định/thỏa thuận với khách hàng	Cao

- (***) Chi tiết cơ chế điều phối chi trả tiền mặt ở mục 4 “Điều quỹ & vận hành” như sau:
 - o K.QLRR duy trì danh sách Top N khách hàng tiền gửi và khách hàng có khả năng tạo hiệu ứng lan truyền, cập nhật tối thiểu hàng ngày trong giai đoạn căng thẳng.

- o Lập tổ tác chiến khách hàng trọng yếu (Khối KHCN/KHDN + Khối TTTC + Khối QLRR + Vận hành/Pháp chế/Quản trị Truyền thông & Thương hiệu khi cần) để tiếp cận sớm, xác minh nguyên nhân rút, đề xuất gói duy trì/phương án thanh toán thay thế.
 - o Phân bổ hạn mức chi trả theo điểm giao dịch/địa bàn, tăng tồn quỹ, bố trí lực lượng hỗ trợ giao dịch và an ninh, ưu tiên xử lý giao dịch giá trị lớn theo quy trình phê duyệt nhanh.
- (****) Chi tiết cơ chế truyền thông khủng hoảng và phối hợp cơ quan công quyền ở mục 5 “Ổn định khách hàng & truyền thông” như sau:

St t	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Kích hoạt truyền thông khủng hoảng	Kích hoạt cơ chế truyền thông khủng hoảng theo Kế hoạch DPTK và Phương án khắc phục; triển khai truyền thông theo nguyên tắc chủ động, nhất quán, minh bạch, kịp thời, gắn với diễn biến thanh khoản, kết quả kiểm tra sức chịu đựng và cấp độ kích hoạt	Phòng Quản trị Truyền thông & Thương hiệu	Khối QLRR, Phòng Pháp chế	TGD, HDQT	Cơ chế truyền thông được kích hoạt kịp thời, thống nhất toàn hệ thống	0-24h
2	Thông điệp truyền thông theo kịch bản	Triển khai các bộ thông điệp theo từng cấp độ (cảnh báo – hành động – khủng hoảng), tập trung: (i) khẳng định năng lực chi trả và nguồn lực thanh khoản; (ii) nhấn mạnh tính liên tục hoạt động; (iii) làm rõ biện pháp đang triển khai; (iv) định hướng kỳ vọng thị trường	Phòng Quản trị Truyền thông & Thương hiệu	Khối QLRR, Khối KHCN/KHDN/TTTC	TGD	Thông tin rõ ràng, giảm tâm lý hoang mang và hành vi rút tiền lan truyền	T+0 – T+30
3	Chuẩn hóa và kiểm soát thông tin	Thực hiện chuẩn hóa toàn bộ thông điệp theo một nguồn thông tin chính thức, đảm bảo nhất quán giữa các kênh (truyền thông đại chúng, kênh số, chi nhánh); kiểm soát chặt chẽ tin đồn và thông tin sai lệch	Phòng Quản trị Truyền thông & Thương hiệu	Khối CNTT, Khối QLRR	TGD	Thông tin nhất quán, hạn chế nhiễu loạn thông tin thị trường	T+0 – T+30
4	Người phát	Chỉ định người phát ngôn chính thức (TGD)	TGD	Phòng Truyền	HDQT	Kiểm soát rủi ro pháp lý và	0-24h và duy

St t	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
	ngôn và phê duyệt nhanh	hoặc người được ủy quyền) và danh sách phát ngôn dự phòng; triển khai cơ chế phê duyệt nhanh theo luồng Truyền thông → Pháp chế/Tuân thủ → TGD/Người được ủy quyền; áp dụng cơ chế phê duyệt khẩn cấp khi cần phản hồi ngay		thông, Phòng Pháp chế		tuân thủ, phản hồi thông tin kịp thời	trì T+0 – T+30
5	Phối hợp với NHNN	Thực hiện chế độ báo cáo khẩn và định kỳ cho NHNN; cung cấp đầy đủ thông tin về diễn biến, nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng và biện pháp đã triển khai; tham vấn và thực hiện theo hướng dẫn NHNN khi công bố thông tin hoặc áp dụng hỗ trợ thanh khoản	TGD	Phòng Đối ngoại, Khối QLRR	NHNN, HDQT	Thông tin thống nhất với cơ quan quản lý, củng cố niềm tin thị trường	0-24h và duy trì theo yêu cầu NHNN
6	Phối hợp cơ quan công quyền	Phối hợp NHNN chi nhánh địa phương và các cơ quan chức năng trong việc định hướng thông tin, xử lý tin đồn, ổn định trật tự và tâm lý người gửi tiền tại các điểm giao dịch	Phòng Đối ngoại	Phòng Truyền thông, Khối Vận hành	TGD	Hoạt động giao dịch an toàn, không phát sinh rủi ro xã hội	T+0 – T+7
7	Liên kết với cơ chế kích hoạt	Gắn hoạt động truyền thông với các ngưỡng kích hoạt trong Phương án khắc phục: (i) cấp cảnh báo – tăng truyền thông nội bộ; (ii) cấp hành động – truyền thông có kiểm soát; (iii) cấp khủng hoảng – kích hoạt đầy đủ khung truyền thông khẩn cấp	Phòng Quản trị Truyền thông & Thương hiệu	Khối QLRR	TGD, Ban ATTK	Truyền thông đồng bộ với biện pháp khắc phục thanh khoản	Theo cấp độ kích hoạt
8	Giám sát và đánh giá hiệu quả	Theo dõi biến động dòng tiền, hành vi khách hàng, diễn biến thông tin thị trường và mức độ ổn định huy động; điều chỉnh thông điệp và kênh	Khối QLRR	Phòng Truyền thông	TGD, HDQT	Truyền thông hỗ trợ hiệu quả cho khắc phục thanh khoản	Hàng ngày (T+0 – T+30)

St t	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
		truyền thông phù hợp từng giai đoạn					
9	Đánh giá sau sự kiện	Rà soát, đánh giá hiệu quả thông điệp và kênh truyền thông; rút kinh nghiệm phối hợp với NHNN và cơ quan công quyền; cập nhật, hoàn thiện khung truyền thông khủng hoảng cho các tình huống tương lai	Phòng Quản trị Truyền thông & Thương hiệu	Khối QLRR	TGD, HĐQT	Khung truyền thông được hoàn thiện, sẵn sàng cho các tình huống tiếp theo	Sau khi kết thúc tình huống

- (*****) Chi tiết các biện pháp về công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản như sau:

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống CNTT	Thiết lập chế độ vận hành ưu tiên, giám sát tăng cường 24/7 đối với các hệ thống trọng yếu (Core Banking, ATM, ngân hàng số, thanh toán liên ngân hàng)	Khối CNTT	Khối Vận hành	Ban ATTK, TGD	Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, không gián đoạn	0-24h và duy trì T+0 - T+30
2	Kích hoạt phương án dự phòng CNTT	Kích hoạt phương án DR/BCP, sẵn sàng chuyển đổi hệ thống khi phát sinh sự cố hoặc quá tải giao dịch	Khối CNTT	Khối Vận hành, Khối QLRR	Ban ATTK, TGD	Đảm bảo duy trì dịch vụ liên tục trong giai đoạn căng thẳng	T+0 - T+7
3	Hỗ trợ quản trị và điều phối thanh khoản	Tăng tần suất cập nhật dữ liệu dòng tiền, trạng thái thanh khoản; cung cấp thông tin kịp thời cho Ban ATTK phục vụ điều phối chi trả	Khối CNTT	Khối QLRR, Khối Tài chính	Ban ATTK, TGD	Thông tin đầy đủ, kịp thời cho quyết định thanh khoản	T+0 - T+7

Stt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể	Đơn vị thực hiện	Đơn vị hỗ trợ	Đơn vị/cá nhân nhận báo cáo	Kết quả	Thời gian thực hiện
4	Phân tích hành vi rút tiền	Ứng dụng công cụ CNTT để phân tích hành vi rút tiền theo phân khúc, kênh giao dịch, địa bàn nhằm hỗ trợ dự báo dòng tiền	Khối CNTT	Khối QLRR, Khối KHCN/ KHDN/ TTTC	Ban ATTK	Nâng cao khả năng dự báo và kiểm soát dòng tiền ra	T+0 – T+30
5	Hỗ trợ truyền thông và chăm sóc khách hàng	Đảm bảo các nền tảng số (Call Center, Website, App, thông báo điện tử) hoạt động ổn định để hỗ trợ truyền thông và chăm sóc khách hàng	Khối CNTT	Phòng Truyền thông & Thương hiệu, Khối Vận hành	TGD	Thông tin đến khách hàng thông suốt, ổn định tâm lý người gửi tiền	T+0 – T+30
6	Tăng cường an toàn thông tin	Tăng cường giám sát an ninh mạng, phòng ngừa tấn công, gián đoạn hệ thống lợi dụng thời điểm căng thẳng thanh khoản	Khối CNTT	Khối QLRR	Ban ATTK, TGD	Không phát sinh sự cố ATTT nghiêm trọng	T+0 – T+30
7	Báo cáo và giám sát CNTT	Thiết lập chế độ báo cáo nhanh và định kỳ về trạng thái hệ thống CNTT phục vụ Ban ATTK và Ban điều hành	Khối CNTT	Khối QLRR	TGD, HĐQT	Báo cáo kịp thời, chủ động kiểm soát rủi ro	Hàng ngày (T+0 – T+30)

8.3 Danh mục hành động khắc phục

Danh mục hành động khắc phục (chi tiết tại Phụ lục 2) gồm những biện pháp theo từng nhóm rủi ro (vốn, thanh khoản, tài sản có rủi ro, lợi nhuận - chi phí, rút tiền hàng loạt), được xây dựng sẵn sàng để kích hoạt theo từng cấp độ rủi ro.

- **Biện pháp cụ thể:** mô tả rõ hành động có thể triển khai ngay trong thực tế (như giao dịch mua lại TPCP, điều chỉnh lãi suất huy động, kiểm soát giải ngân, thu hồi nợ, tái cơ cấu tài sản...);
- **Tác động kỳ vọng:** nêu rõ chỉ tiêu theo dõi kết quả và tác động kỳ vọng của các biện pháp nêu trên, nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện;

- **Thời gian triển khai:** phân loại theo các mốc thời gian để đảm bảo khả năng triển khai theo từng giai đoạn;
- **Thông tin về mức độ phụ thuộc vào thị trường/ các yếu tố bên ngoài của từng biện pháp:** nhằm tạo cơ sở cho việc quyết định thứ tự ưu tiên của từng biện pháp.

ACB áp dụng nguyên tắc ưu tiên trong lựa chọn và triển khai hành động tại Phụ lục 2 như sau:

- **(i) Tốc độ triển khai nhanh:** ưu tiên những biện pháp có thể thực hiện ngay và tạo tác động tức thời;
- **(ii) Quy mô tác động lớn:** ưu tiên những hành động có khả năng cải thiện đáng kể các chỉ tiêu an toàn;
- **(iii) Mức độ phụ thuộc thị trường thấp:** hạn chế các biện pháp phụ thuộc vào điều kiện thị trường hoặc đối tác bên ngoài;
- **(iv) Hạn chế tác động tiêu cực đến uy tín và mô hình kinh doanh:** đảm bảo cân bằng giữa mục tiêu ngắn hạn và ổn định dài hạn.

Bên cạnh đó, Ngân hàng thiết lập cơ chế rà soát và cập nhật Phụ lục 2 căn cứ trên:

- Kết quả thực tế triển khai và mức độ hiệu quả của từng hành động;
- Diễn biến thị trường và thay đổi trong môi trường kinh doanh;
- Kết quả kiểm tra sức chịu đựng và các kịch bản rủi ro cập nhật.

8.4 Cơ chế báo cáo

Cơ chế báo cáo được thiết lập theo nguyên tắc kịp thời, đầy đủ, minh bạch và có khả năng hỗ trợ ra quyết định nhanh trong điều kiện căng thẳng. Hệ thống báo cáo được thiết kế theo nhiều tầng, gắn với cấp độ rủi ro và ngưỡng kích hoạt, đảm bảo thông tin được cập nhật liên tục, nhất quán và phục vụ hiệu quả công tác giám sát của Ban điều hành, HĐQT và NHNN.

Ngân hàng thực hiện chế độ báo cáo như sau:

- **Báo cáo hàng ngày trong điều kiện căng thẳng thanh khoản:**

Tập trung theo dõi chi tiết dòng tiền vào - ra theo từng mốc thời gian (T+0 đến T+30), trạng thái thanh khoản thực tế và dự báo, biến động huy động theo từng phân khúc khách hàng (bán lẻ, SME, doanh nghiệp lớn).

Đồng thời, báo cáo cập nhật các chỉ tiêu trọng yếu như tỷ lệ khả năng chi trả, dự trữ thanh khoản và mức độ tập trung tiền gửi (top khách hàng lớn).

Báo cáo được gửi tới Ban điều hành, Ban ATTK và các đơn vị liên quan để kịp thời điều phối nguồn vốn và triển khai hành động.

- **Báo cáo hàng tuần:**

Đánh giá xu hướng biến động thanh khoản, hiệu quả triển khai các biện pháp khắc phục và mức độ cải thiện các chỉ tiêu an toàn.

Thực hiện phân tích sâu về cơ cấu nguồn vốn - sử dụng vốn, chi phí vốn.

Đồng thời rà soát tiến độ thực hiện Phương án khắc phục, nhận diện các rủi ro phát sinh mới và đề xuất điều chỉnh (nếu cần).

- **Báo cáo khẩn:**

Được thực hiện trong thời gian tối đa 24 giờ kể từ khi (i) chỉ tiêu thanh khoản hoặc an toàn vốn vượt ngưỡng cảnh báo/hạn mức, hoặc (ii) xảy ra sự kiện bất thường (rút tiền hàng loạt, gián đoạn hệ thống, biến động thị trường mạnh, sự kiện uy tín...).

Báo cáo khẩn nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho NHNN, HĐQT và Ban điều hành để kích hoạt hoặc điều chỉnh ngay các biện pháp ứng phó, bao gồm cả việc kích hoạt Kế hoạch.

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm có hiệu lực kể từ ngày 09/4/2026 và thay thế Phương án ban hành kèm theo Nghị quyết số 1902/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 ngày 08/4/2025. Mọi sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề xuất của HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CHỈ TIÊU CẢNH BÁO SỚM & NGƯỠNG KÍCH HOẠT

Các chỉ tiêu cảnh báo sớm và ngưỡng kích hoạt tại Phụ lục này được sử dụng để kích hoạt Phương án khắc phục theo từng cấp độ rủi ro.

Thanh khoản: Nhóm hành động thanh khoản (repo, vay LNH, NHNN). Khi huy động giảm mạnh, áp dụng kịch bản rút tiền hàng loạt.

Vốn: Nhóm hành động vốn (tăng vốn tự có, giảm tài sản có rủi ro).

1. Liên kết chỉ tiêu cảnh báo và hành động khắc phục

Nhóm	Chỉ tiêu	Ngưỡng kích hoạt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể
Vốn	Tỷ lệ an toàn vốn	Vi phạm ngưỡng nội bộ/ NHNN	Tăng vốn, giảm tài sản có rủi ro	Tăng vốn; phát hành công cụ vốn cấp 2; giữ lại lợi nhuận
	Lỗ lũy kế	>15% và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn	Phục hồi vốn	Tăng vốn; giảm tài sản rủi ro; cắt giảm chi phí; cải thiện lợi nhuận
Thanh khoản	Tỷ lệ khả năng chi trả	Vi phạm 30 ngày	Tăng thanh khoản	Repo GTCG; vay LNH; vay NHNN
	Số ngày có khả năng chi trả	Giảm dưới ngưỡng	Kích hoạt Kế hoạch DPTK	Sử dụng tài sản thanh khoản; kiểm soát dòng tiền; kích hoạt Kế hoạch DPTK
	Huy động giảm mạnh	Cấp độ 2-3	Rút tiền hàng loạt	Kích hoạt Kế hoạch DPTK; điều chỉnh lãi suất; truyền thông khủng hoảng
Chất lượng tài sản	Tỷ lệ nợ xấu	Vượt ngưỡng nội bộ	Xử lý nợ xấu	Thu hồi nợ; xử lý nợ xấu; tăng dự phòng
	Tập trung tín dụng	Vượt giới hạn	Điều chỉnh danh mục	Điều chỉnh cơ cấu tín dụng
Hiệu quả	NIM/CIR	Suy giảm kéo dài	Tối ưu hiệu quả	Tối ưu chi phí; điều chỉnh định giá
	Lợi nhuận	Thấp đáng kể so với kế hoạch	Cải thiện lợi nhuận	Cắt giảm chi phí; tăng thu ngoài lãi
Thị trường & uy tín	Chi phí huy động	Tăng mạnh	Ổn định huy động	Điều chỉnh lãi suất; triển khai chiến dịch huy động
	Tin đồn/uy tín	Ảnh hưởng khách hàng	Truyền thông	Triển khai truyền thông; phối hợp NHNN

Nhóm	Chỉ tiêu	Ngưỡng kích hoạt	Nhóm hành động	Hành động cụ thể
Vận hành & CNTT	Gián đoạn hệ thống	Ảnh hưởng diện rộng	Ổn định hệ thống	Kích hoạt các hành động dự phòng CNTT
	Sự cố nghiêm trọng	Rủi ro cao	Ứng phó	Kích hoạt cơ chế ứng phó CNTT

2. Ngưỡng kích hoạt

Thiết lập tối thiểu 03 mức: Mức 1 (Cảnh báo) - Mức 2 (Hành động) - Mức 3 (Khủng hoảng/Can thiệp sớm). Khi chỉ tiêu cảnh báo sớm chạm ngưỡng, triển khai Phương án khắc phục và/hoặc kích hoạt Kế hoạch DPTK theo thẩm quyền.

Nhóm	Chỉ tiêu cảnh báo	Giải thích chỉ tiêu	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tần suất	Đơn vị theo dõi
Vốn	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định NHNN	Vượt ngưỡng cảnh báo nội bộ	Vi phạm ngưỡng nội bộ	Vi phạm Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định NHNN (≥ 06 tháng)/thuộc diện can thiệp sớm	Tháng/tuần	Khối Tài chính Khối QLRR
	Lỗ lũy kế	Lỗ lũy kế/(Vốn điều lệ + quỹ dự trữ)	Tăng nhanh, vượt cảnh báo	Vượt ngưỡng hành động	>15% và đồng thời vi phạm Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (trường hợp a)	Tháng	Khối Tài chính Khối QLRR
Thanh khoản	Tỷ lệ khả năng chi trả	Theo quy định NHNN/nội bộ	Chạm mức cảnh báo nội bộ	Chạm hạn mức nội bộ hoặc suy giảm nhanh	Vi phạm 30 ngày liên tục (trường hợp c) / Kế hoạch DPTK Cấp độ 3	Ngày/tuần	Khối QLRR
	Số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu thanh khoản	Số ngày duy trì khả năng thanh khoản theo kịch bản căng thẳng	Giảm dưới mức cảnh báo	Giảm dưới ngưỡng hành động	Giảm mạnh, nguy cơ mất khả năng chi trả / rút tiền hàng loạt	Ngày	Khối QLRR
	Huy động giảm	Tổng số dư huy động tiền gửi quy VND	Vượt ngưỡng Cấp độ 1 theo	Vượt ngưỡng Cấp độ 2	Rút tiền hàng loạt đã báo cáo NHNN	Ngày	Khối KHCN/KHDN

Nhóm	Chỉ tiêu cảnh báo	Giải thích chỉ tiêu	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tần suất	Đơn vị theo dõi
			Kế hoạch DPTK		(trường hợp c)		Khối QLRR
Chất lượng tài sản	Nợ xấu	Nợ xấu	Tăng mạnh so với kế hoạch	Vượt ngưỡng nội bộ	Ảnh hưởng đáng kể vốn/xếp hạng; yêu cầu can thiệp sớm	Tháng	Khối QLRR Khối KHCN Khối KHDN
Lợi nhuận	NIM/NII/CIR	Chỉ tiêu hiệu quả & thu nhập	Suy giảm bất thường	Suy giảm kéo dài; lệch lớn so kế hoạch	Đe dọa bù đắp dự phòng/vốn	Tháng	Khối Tài chính Khối QLRR
Thị trường/uy tín	Chi phí huy động & Chênh lệch lãi suất	Cạnh tranh lãi suất huy động trên thị trường	Tăng nhanh, vượt cảnh báo	Tăng mạnh, mất cạnh tranh/khó huy động	Mất khả năng huy động; khuếch đại rút tiền	Tuần/ngày	Khối KHCN/ KHDN/TTTC Khối QLRR
Vận hành/CNTT	Gián đoạn kênh giao dịch	ATM/Internet banking/Mobile banking; sự cố hệ thống	Sự cố lặp lại/tăng tần suất	Gián đoạn diện rộng; rủi ro tăng	Sự cố nghiêm trọng làm khuếch đại rút tiền	Ngày	Khối CNTT Khối QLRR
Quản trị/tuân thủ	Kết luận thanh tra/kiểm toán	Tồn tại trọng yếu; tiến độ khắc phục	Chậm tiến độ	Không đáp ứng yêu cầu/khuyến nghị	Tác động xếp hạng < trung bình (trường hợp b)	Tháng	Khối QLRR Ban KTNB

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC

Phụ lục này quy định chi tiết nội dung được đề cập tại Điều 8 nhằm đảm bảo các biện pháp khắc phục có thể triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả theo từng cấp độ rủi ro.

1. Nhóm vốn

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực thi
1	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tăng tùy quy mô phát hành và tài sản có rủi ro	Phụ thuộc điều kiện thị trường; phê duyệt HĐQT/ĐHĐCĐ và chấp thuận theo quy định; giới hạn sở hữu	3 đến 9 tháng
2	Phát hành công cụ vốn cấp 2	Tỷ lệ an toàn vốn tăng tùy quy mô phát hành	Phụ thuộc thị trường trái phiếu; nhà đầu tư; định mức tín nhiệm; điều kiện pháp lý	3 đến 12 tháng
3	Giữ lại lợi nhuận/điều chỉnh chính sách cổ tức	Tỷ lệ an toàn vốn cải thiện dần theo lợi nhuận tích lũy; tăng vùng đệm vốn	Phụ thuộc kết quả kinh doanh; quyết định HĐQT/ĐHĐCĐ	Tức thời đến 12 tháng

2.2. Nhóm thanh khoản

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
1	Giao dịch mua bán lại (repo)/cầm cố TPCP, GTCG đủ điều kiện	Tỷ lệ khả năng chi trả và số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu thanh khoản tăng	Phụ thuộc danh mục tài sản khả dụng đủ điều kiện; điều kiện thị trường; tỷ lệ chiết khấu tài sản bảo đảm	T+0 đến T+3
2	Vay LNH (tín chấp/thế chấp)	Số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu chi trả tăng	Phụ thuộc hạn mức đối tác; điều kiện thị trường; tài sản bảo đảm (nếu có)	T+0 đến T+2
3	Đề nghị NHNN hỗ trợ thanh khoản theo cơ chế phù hợp (nghiệp vụ thị trường mở/tái cấp vốn/vay đặc biệt)	Ổn định khả năng chi trả; kéo dài đáng kể số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu thanh khoản	Phụ thuộc chấp thuận NHNN; tài sản bảo đảm đủ điều kiện; hồ sơ pháp lý; mức độ hỗ trợ của NHNN	T+1 đến T+5

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
4	Điều chỉnh lãi suất huy động có kiểm soát/chiến dịch duy trì nguồn vốn	Giảm tốc độ rút tiền; ổn định dòng tiền ra	Phụ thuộc cạnh tranh thị trường và lãi suất huy động; tác động chi phí vốn và biên sinh lời	1 đến 14 ngày

2.3. Nhóm tối ưu tài sản có rủi ro

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
1	Điều chỉnh cơ cấu tăng trưởng tín dụng (giảm phần khúc rủi ro cao)	Tài sản có rủi ro ổn định/giảm; tỷ lệ an toàn vốn cải thiện gián tiếp	Phụ thuộc chiến lược kinh doanh; cam kết khách hàng; hạn mức tăng trưởng tín dụng; điều kiện thị trường	1 đến 3 tháng
2	Tăng cường thu hồi nợ/xử lý nợ xấu; quản lý danh mục rủi ro cao	Giảm tài sản có rủi ro; giảm chi phí dự phòng	Phụ thuộc thị trường tài sản bảo đảm; tiến độ pháp lý; năng lực xử lý/thu hồi	3 đến 12 tháng
3	Bán/thoái tài sản không cốt lõi; tái cơ cấu danh mục đầu tư	Tỷ lệ an toàn vốn tăng và/hoặc giảm tài sản có rủi ro	Phụ thuộc thanh khoản thị trường và định giá; tác động lợi nhuận	1 đến 6 tháng

2.4. Nhóm cải thiện lợi nhuận - chi phí (nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh)

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
1	Tối ưu quản trị chi phí hoạt động: kiểm soát chi phí không thiết yếu, tối ưu quy trình và mạng lưới theo lộ trình phù hợp	Cơ cấu chi phí hợp lý hơn, cải thiện CIR theo hướng bền vững, không ảnh hưởng hoạt động cốt lõi	Trung bình – phụ thuộc vào điều kiện thị trường và khả năng tái cấu trúc vận hành	T+90 – T+360
2	Tối ưu biên lợi nhuận thông qua rà soát chính sách định giá sản phẩm theo rủi ro và chi phí vốn	Biên lợi nhuận được cải thiện dần, hỗ trợ phục hồi kết quả kinh doanh	Trung bình – phụ thuộc điều kiện thị trường, cạnh tranh và khẩu vị rủi ro được phê duyệt	T+90 – T+360
3	Giá tăng thu nhập ngoài lãi phù hợp chiến lược kinh doanh và năng lực vận hành từng giai đoạn	Cơ cấu thu nhập đa dạng hơn, giảm phụ thuộc vào thu nhập lãi	Trung bình – phụ thuộc diễn biến thị trường, hạ tầng CNTT và nhu cầu khách hàng	T+180 – T+540

2.5. Nhóm ứng phó rút tiền hàng loạt

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
1	Kích hoạt Kế hoạch DPTK Cấp độ 3 và thiết lập điều phối tập trung (Ban ATTK/nhóm công tác)	Tăng hiệu quả điều phối; giảm rủi ro lan truyền; rút ngắn thời gian ra quyết định	Cơ chế trực chiến; kỷ luật thực thi	T+0
2	Điều chuyển tiền mặt; tăng lượng tồn quỹ tại điểm giao dịch trọng yếu	Duy trì chi trả; giảm nguy cơ gián đoạn dịch vụ	Phụ thuộc tồn quỹ; điều chuyển quỹ; an toàn kho quỹ; phối hợp đơn vị vận hành	T+0 đến T+1
3	Kích hoạt truyền thông khủng hoảng và chăm sóc khách hàng trọng yếu	Ổn định tâm lý; giảm tốc độ rút tiền; hạn chế tin đồn	Phụ thuộc tính nhất quán thông điệp; phê duyệt nhanh; phối hợp NHNN/cơ quan công quyền	T+0 đến T+7

PHỤ LỤC 3
MẪU BÁO CÁO KHẨN GỬI NHNN/HĐQT

Mục	Nội dung
1) Thông tin chung	Thời điểm báo cáo:; Đơn vị lập: Khối QLRR/Khối Tài chính; Người phê duyệt: TGD/Trưởng Ban ATTK.
2) Căn cứ kích hoạt	<input type="checkbox"/> Trường hợp can thiệp sớm: (a) <input type="checkbox"/> (b) <input type="checkbox"/> (c) <input type="checkbox"/> (d) <input type="checkbox"/> (e) <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Kích hoạt Kế hoạch DPTK: Cấp độ theo Kế hoạch DPTK.
3) Tóm tắt diễn biến	Diễn biến chính 24-72 giờ; rút tiền rông; kênh/đơn vị/nhóm khách hàng; diễn biến thị trường.
4) Chỉ tiêu cảnh báo	Tỷ lệ an toàn vốn:% Lỗ lũy kế: Tỷ lệ khả năng chi trả: Số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu chi trả: ngày Tài sản thanh khoản cao sẵn sàng: Vay LNH/Giao dịch mua bán lại (repo)/NHNN:
5) Nguyên nhân sơ bộ	Nguyên nhân gốc rễ/động lực chính; thị trường/uy tín; yếu tố khác.
6) Biện pháp đã thực hiện	Theo nhóm: tạo nguồn thanh khoản; điều quỹ/tru tiền chi trả; giảm nhu cầu vốn; truyền thông/khách hàng; CNTT/gian lận.
7) Kế hoạch hành động tiếp theo	24 giờ: 07 ngày: 30 ngày: (bao gồm các chỉ tiêu theo dõi và đơn vị chịu trách nhiệm).
8) Kiến nghị/đề xuất	Đề xuất NHNN/HĐQT: hỗ trợ thanh khoản/cơ chế repo; chấp thuận biện pháp hỗ trợ; điều chỉnh lộ trình tuân thủ...
9) Cam kết & đầu mối	Cam kết triển khai Phương án khắc phục; tăng tần suất và nội dung báo cáo theo yêu cầu. Đầu mối: (số điện thoại/email).

NGƯỜI LẬP

TỔNG GIÁM ĐỐC/ TRƯỞNG BAN ATTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Đề án thành lập công ty con hoạt động
trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-DHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 09/4/2026,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Đề án thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ và ban hành kèm theo Nghị quyết này Đề án thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Hội đồng quản trị tổ chức triển khai việc thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ và quyết định các vấn đề liên quan, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của Ngân hàng.
- Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 4.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VP HĐQT, VP TGD.

Đính kèm:

- Đề án thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ (sửa đổi, bổ sung.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 429 /TCQB-DHDCD.26 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

I. TIỀM NĂNG THỊ TRƯỜNG:**1. Thị trường bảo hiểm toàn cầu:**

Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn cầu năm 2024 đạt gần 8 ngàn tỷ USD, nhờ sự phục hồi của cả ba mảng: bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ và sức khỏe. Đặc biệt, bảo hiểm nhân thọ tăng 10,4%, phi nhân thọ tăng 7,7% và bảo hiểm sức khỏe tăng 7% so với năm 2023.

Dự báo các năm tới, ngành bảo hiểm toàn cầu sẽ duy trì đà tăng trưởng ổn định với tốc độ trung bình khoảng 4-5%/năm. Động lực chính đến từ chuyển đổi số, đổi mới sản phẩm, mở rộng thị trường mới nổi và nhu cầu bảo vệ tài chính ngày càng cao của người dân.

Đặc biệt, tiềm năng tăng trưởng sẽ tập trung mạnh ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương, châu Phi và Mỹ Latin, do tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm tại đây còn thấp (<3% GDP), dân số trẻ và tầng lớp trung lưu ngày càng tăng. Trong đó, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tài sản được đánh giá là hai lĩnh vực có tiềm năng lớn nhất, do nhu cầu chăm sóc sức khỏe, bảo vệ tài sản cá nhân và doanh nghiệp ngày càng tăng, cùng với sự xuất hiện của nhiều rủi ro mới như dịch bệnh, thiên tai và an ninh mạng.

2. Thị trường bảo hiểm Việt Nam:

Thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2024 ghi nhận tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt khoảng gần 227,5 ngàn tỷ đồng, giảm nhẹ 0,3% so với năm 2023. Thị trường ghi nhận sự phân hóa rõ nét giữa hai mảng nhân thọ và phi nhân thọ, trong khi doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ giảm 5% thì bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 9,6% với doanh thu khoảng 78,3 ngàn tỷ đồng.

Bước sang 6 tháng đầu năm 2025, ngành bảo hiểm có dấu hiệu phục hồi. Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 115,6 ngàn tỷ đồng, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt khoảng 43,5 ngàn tỷ đồng, tăng 11,38%, còn doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 72 ngàn tỷ đồng, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi trả quyền lợi bảo hiểm ước đạt 41,5 ngàn tỷ đồng, tăng 10,1%, cho thấy sự cải thiện trong chất lượng dịch vụ. Đồng thời, tổng tài sản toàn ngành đạt gần 1,06 triệu tỷ đồng, tăng 10,9%, phản ánh tiềm lực tài chính ngày càng vững mạnh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

3. Triển vọng thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam:

Tính tới tháng 6 năm 2025, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam hiện có 33 doanh nghiệp, trong đó 5 công ty dẫn đầu chiếm gần 50% thị phần. Cụ thể: PVI giữ vị trí số 1 với 18,43% thị phần, tương ứng với doanh thu ước đạt 8 ngàn tỷ đồng, tăng 13,35% so

với cùng kỳ năm 2024, tiếp theo là Bảo Việt với 12,22% thị phần (doanh thu ước đạt 5,3 ngàn tỷ đồng, tăng 6,76%), Bảo Minh 7,03%, MIC 6,06% và BIC 5,55%.

Khoảng cách giữa nhóm dẫn đầu và phần còn lại vẫn rất lớn. Một số doanh nghiệp ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng, nổi bật là Tasco (647 tỷ đồng, tăng 346,4%), SGI (45,5 tỷ đồng, tăng 129,88%) và OPES (2,1 ngàn tỷ đồng, tăng 109,75%).

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng khi một số phân khúc quan trọng chưa được khai thác tối đa, như bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc cho xe máy, bảo hiểm nhà ở tư nhân và bảo hiểm tai nạn cá nhân. Trong cơ cấu sản phẩm, bảo hiểm xe cơ giới tiếp tục giữ vai trò chủ lực với mức tăng trưởng ổn định, trong khi bảo hiểm tài sản và cháy nổ còn nhiều tiềm năng tăng trưởng nhờ tác động tích cực từ Nghị định 105/2025/NĐ-CP (ban hành ngày 15/5/2025) điều chỉnh phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, tạo động lực mới cho phân khúc này. Song song đó, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cá nhân vẫn chiếm tỷ trọng lớn, phản ánh xu hướng người dân ngày càng quan tâm đến bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa rủi ro y tế. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp đẩy mạnh sản phẩm chăm sóc sức khỏe toàn diện, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

II. GIỚI THIỆU ĐƠN VỊ SÁNG LẬP:

1. Giới thiệu chủ sở hữu:

1.1. Giới thiệu về công ty mẹ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu

- Tên chính thức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Asia Commercial Joint Stock Bank
- Tên viết tắt: ACB
- Trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) được thành lập từ năm 1993. Sau hơn ba thập kỷ hoạt động, ACB đã phát triển bền vững với năng lực tài chính vững mạnh, hệ thống quản trị hiệu quả và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp. Ngân hàng hiện phục vụ hơn 8 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, thông qua mạng lưới 389 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc, cùng nền tảng ngân hàng số hiện đại (số liệu cuối 2025).
- ACB liên tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao về năng lực tài chính, chất lượng dịch vụ và quản trị rủi ro. Với định hướng trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu, ACB luôn chú trọng đa dạng hóa sản phẩm, ứng dụng công nghệ và nâng cao trải nghiệm khách hàng, qua đó khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam.

1.2. Giới thiệu về đơn vị góp vốn:

1.2.1 Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu:

- Tên chính thức: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: ACB Assets Management Company Limited
- Tên viết tắt: ACBA Co., Ltd
- Trụ sở chính: Lầu 8, tòa nhà ACB Tower, số 444A, 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiều Lộc, TP Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA) được thành lập năm 2004 do ngân hàng ACB sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực (i) Quản lý, xử lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm phát sinh từ hoạt động tín dụng của ngân hàng; (ii) Thẩm định, định giá tài sản đảm bảo phục vụ cho hoạt động cấp tín dụng của ACB; (iii) Mua, bán nợ tồn đọng của TCTD khác và (iv) Mua, bán tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ tại ACB. Với vai trò hỗ trợ kiểm soát rủi ro và xử lý nợ xấu, ACBA góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của ACB.
- ACBA được hậu thuẫn bởi nền tảng tài chính mạnh và hệ thống quản trị của ACB. Nhờ đó, công ty có khả năng tiếp cận nguồn tài sản và các khoản nợ cần xử lý trong hệ sinh thái ngân hàng, đồng thời duy trì hoạt động ổn định và có điều kiện mở rộng các hoạt động khai thác, quản lý tài sản trong tương lai.

1.2.2 Công ty TNHH Chứng khoán ACB:

- Tên chính thức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: ACB Securities Company Limited
- Tên viết tắt: ACBS
- Trụ sở chính: Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập năm 2000, là công ty con trực thuộc ngân hàng ACB, trong đó ACB sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty. Trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, ACBS đã xây dựng được nền tảng tài chính vững mạnh, hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả cùng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao. Công ty hiện cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính – chứng khoán, bao gồm môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.
- Với sự hỗ trợ và hậu thuẫn từ ACB, ACBS liên tục nâng cao năng lực tài chính, mở rộng danh mục sản phẩm dịch vụ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động giao dịch chứng khoán. Nhờ đó, công ty từng bước khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán uy tín trên thị trường Việt Nam.

2. Lý do thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ:

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam còn dư địa tăng trưởng lớn khi tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm và mức chi tiêu bình quân đầu người vẫn thấp so với khu vực, trong bối cảnh nhu cầu bảo vệ tài sản, sức khỏe và rủi ro kinh doanh gia tăng. Việc thành lập công

ty bảo hiểm phi nhân thọ trong Tập đoàn ACB (do ACBA và ACBS dự kiến góp vốn) giúp chủ động thiết kế sản phẩm phù hợp tệp khách hàng hiện hữu, nâng cao kiểm soát chất lượng dịch vụ và tối ưu quy trình khai thác – bồi thường. Cụ thể, đề án được thúc đẩy bởi các động lực:

- Khai thác hệ sinh thái phân phối: Mạng lưới chi nhánh/phòng giao dịch rộng, tệp khách hàng lớn (đặc biệt SME và cá nhân) cho phép tích hợp sản phẩm bảo hiểm sâu vào hành trình khách hàng, gia tăng giá trị vòng đời và tốc độ thâm nhập.
- Đa dạng hóa nguồn thu ngoài lãi: Bổ sung các dòng thu từ phí bảo hiểm, đầu tư từ quỹ bảo hiểm, dịch vụ giám định và tái bảo hiểm – phù hợp bối cảnh biên lãi tin dụng thu hẹp.
- Nâng chuẩn kiểm soát end-to-end: Vận hành trong cùng hệ sinh thái giúp kiểm soát đồng bộ từ thiết kế sản phẩm đến hậu mãi, củng cố niềm tin, mức độ hài lòng và trung thành của khách hàng.
- Tối ưu hạ tầng – công nghệ – dữ liệu dùng chung: Tận dụng nền tảng công nghệ, quản trị rủi ro và dữ liệu khách hàng của Tập đoàn để giảm chi phí, cải thiện định phí/khai thác và nâng hiệu quả quản trị rủi ro.
- Môi trường pháp lý thuận lợi: Khung pháp lý ngày càng chuyên nghiệp, minh bạch hỗ trợ phát triển thị trường bảo hiểm, tạo điều kiện triển khai mô hình mới, nâng cao an toàn và ổn định thị trường.
- Nhu cầu bảo vệ gia tăng và định hướng chính sách: Rủi ro thiên tai, tai nạn, dịch bệnh và rủi ro tài chính tăng lên, trong khi Chính phủ chủ trương phát triển bảo hiểm như công cụ bảo vệ hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp.
- Nền tảng bảo đảm triển khai:
 - o Năng lực tài chính cấp Tập đoàn: Đến 12/2025, Tập đoàn ACB có tổng tài sản trên 1.000.000 tỷ đồng; ACBA đạt trên 2 ngàn tỷ đồng và ACBS đạt gần 39 ngàn tỷ đồng; tỷ lệ an toàn vốn tuân thủ Basel II và duy trì trên mức tối thiểu 8% theo quy định. Kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định là nền tảng để các công ty thành viên ACBA và ACBS tham gia góp vốn, bảo đảm công ty bảo hiểm vận hành ổn định, an toàn và bền vững trong dài hạn.
 - o Mạng lưới và năng lực số: Hệ thống chi nhánh/phòng giao dịch phủ rộng các địa bàn trọng điểm; năng lực công nghệ, quản trị rủi ro và dịch vụ trực tuyến đã được đầu tư mạnh giúp triển khai sản phẩm nhanh, đồng bộ và tối ưu hóa quy trình bồi thường.
 - o Thương hiệu và tệp khách hàng: Thương hiệu bán lẻ uy tín với >8 triệu khách hàng là nền tảng sẵn có để phát triển các sản phẩm bảo hiểm chủ lực (xe cơ giới, tài sản, sức khỏe...).

- o Nhân sự và chuyên môn: Đội ngũ tài chính – ngân hàng giàu kinh nghiệm; chương trình đào tạo liên tục và kế hoạch thu hút nhân sự cấp cao trong ngành bảo hiểm bảo đảm năng lực vận hành ngay từ giai đoạn đầu.

III. ĐỀ ÁN:

1. Tên gọi công ty (đự kiến):

- Tên chính thức: Công ty TNHH Bảo hiểm Phi Nhân thọ ACB;
- Tên giao dịch: Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ ACB;
- Tên tiếng anh: ACB Nonlife Insurance Limited Company;
- Tên viết tắt: ACB Insurance;
- Trụ sở chính: 743/1 - 745 - 747 Hồng Bàng, phường Bình Tây, HCM.

2. Nguồn vốn hoạt động:

- Vốn điều lệ ban đầu của Công ty TNHH Bảo hiểm Phi Nhân thọ ACB là 500 tỷ đồng do ACBA và ACBS cùng góp vốn thành lập, trong đó, ACBA góp 91% vốn điều lệ của công ty bảo hiểm; ACBS góp 09% vốn điều lệ của Công ty bảo hiểm.
- Công ty có thể huy động vốn bằng cách vay vốn, phát hành trái phiếu, vốn liên kết hoặc các hình thức khác mà pháp luật cho phép.
- Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ lợi nhuận để lại, quỹ dự trữ bắt buộc và các quỹ khác được pháp luật cho phép.

3. Mục tiêu hoạt động:

- Xây dựng một công ty bảo hiểm hiện đại, thuận tiện và lấy khách hàng làm trọng tâm:
 - o Tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng thông qua ứng dụng công nghệ số.
 - o Đơn giản hóa quy trình giao dịch, nâng cao tính linh hoạt và khả năng tiếp cận dịch vụ.
- Trở thành một trong những công ty bảo hiểm uy tín, an toàn và hiệu quả hàng đầu:
 - o Duy trì hoạt động tài chính vững mạnh, quản trị rủi ro chặt chẽ và tuân thủ pháp lý nghiêm ngặt.
 - o Khẳng định vị thế thông qua chất lượng dịch vụ, sự minh bạch và cam kết lâu dài với khách hàng.
- Cung cấp giải pháp bảo hiểm tối ưu cho tổ chức và cá nhân:
 - o Đáp ứng đa dạng nhu cầu bảo vệ và đầu tư của khách hàng.
 - o Phát triển các sản phẩm và dịch vụ phù hợp với từng phân khúc thị trường.

- o Nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, hướng đến sự hài lòng và gắn bó lâu dài.
- Đóng vai trò là cầu nối hiệu quả trong hệ sinh thái Tập đoàn: góp phần tạo giá trị tổng thể, thúc đẩy sự liên kết và phát triển bền vững trong toàn hệ thống.

4. Ngành, nghề kinh doanh:

- Các hoạt động kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ đự kiến bao gồm:
 - o **Bảo hiểm tài sản:** bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng, bảo hiểm tài sản khác
 - o **Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển:** Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển nội địa, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển quốc tế
 - o **Bảo hiểm hàng không.**
 - o **Bảo hiểm xe cơ giới:** bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm vật chất xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự (TNDS) khác của chủ xe cơ giới
 - o **Bảo hiểm cháy, nổ:** Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm cháy, nổ tự nguyện
 - o **Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu.**
 - o **Bảo hiểm trách nhiệm:** Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng, bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường, bảo hiểm bắt buộc TNDS của nhà thầu thi công xây dựng đối với người thứ 3, bảo hiểm trách nhiệm khác
 - o **Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính.**
 - o **Bảo hiểm nông nghiệp.**
 - o **Bảo hiểm bảo lãnh.**
 - o **Bảo hiểm thiệt hại khác.**
- Các hoạt động kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe đự kiến bao gồm:
 - o Bảo hiểm sức khỏe, thân thể
 - o Bảo hiểm chi phí y tế
- Thực hiện các hoạt động, ngành nghề khác theo quy định của pháp luật và ACB (với tư cách là công ty mẹ) xét thấy có lợi nhất cho ACB Insurance nhằm đạt mục tiêu của toàn tập đoàn.

5. Thời gian hoạt động:

Thời hạn hoạt động của ACB Insurance là 99 (chín mươi chín) năm. Thời hạn hoạt động của ACB Insurance có thể điều chỉnh khi được các cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6. Quản trị rủi ro:

Nhằm đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững, ACB Insurance sẽ xây dựng và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với quy mô, đặc thù ngành bảo hiểm.

6.1 Khung quản trị rủi ro tổng thể của ACB Insurance dự kiến bao gồm:

- Chiến lược rủi ro: Xác định mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp với mục tiêu kinh doanh, năng lực tài chính và điều kiện thị trường.
- Cơ cấu tổ chức: Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm cao nhất về quản trị rủi ro. Ban điều hành triển khai khung quản trị rủi ro, thành lập đơn vị độc lập phụ trách quản trị rủi ro.
- Chính sách và quy trình: Thiết lập chính sách quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch, trong đó xác định rõ các loại rủi ro trọng yếu và các rủi ro có liên quan phát sinh từ hoạt động kinh doanh, khẩu vị rủi ro và cách thức quản lý đối với từng loại rủi ro.

6.2 Định hướng về quản trị rủi ro theo từng hoạt động cốt lõi như sau:

- Trong hoạt động phát triển sản phẩm
 - o Đánh giá rủi ro từ thị trường, hành vi khách hàng, pháp lý, vận hành và tín dụng.
 - o Đảm bảo sản phẩm phù hợp với chiến lược rủi ro và có quy trình phê duyệt rõ ràng.
- Hoạt động xác định mức phí bảo hiểm (pricing)
 - o Sử dụng dữ liệu nội bộ và ngành để xây dựng các giả định về mức phí kỹ thuật (base rate/technical rate).
 - o Áp dụng các mô hình phù hợp (mô hình xác định (deterministic) hoặc mô hình ngẫu nhiên (stochastic)) để mô hình hóa tất cả các rủi ro đã được nhận diện, sử dụng các phương pháp phù hợp tùy theo mức độ phức tạp của rủi ro và dữ liệu sẵn có. Ví dụ, đối với các cấu trúc quyền lợi phức tạp như quyền chọn tích hợp, cần đánh giá rủi ro phát sinh từ các quyền chọn này thông qua mô hình ngẫu nhiên và kiểm tra khả năng chịu đựng rủi ro (stress testing)
 - o Có cơ chế giám sát chênh lệch giữa phí kỹ thuật (base rate/technical rate) và mức phí bảo hiểm cuối cùng.
- Hoạt động thẩm định bảo hiểm
 - o Rà soát định kỳ để đảm bảo rằng các nhân viên thẩm định duy trì năng lực phù hợp với phạm vi thẩm quyền được giao, và chất lượng các quyết định thẩm định đạt yêu cầu.
 - o Thiết lập hệ thống thông tin liên kết giữa thẩm định, bồi thường và tái bảo hiểm.

- Có hướng dẫn thẩm định rõ ràng, phân quyền hợp lý, kiểm soát việc tích lũy rủi ro trên các loại sản phẩm và khu vực địa lý, nhằm đảm bảo rằng tổng thể các rủi ro được nhận bảo hiểm luôn nằm trong giới hạn bảo vệ tài bảo hiểm và mức độ chấp nhận rủi ro của công ty. Đồng thời, cần đảm bảo rằng tái bảo hiểm theo từng vụ việc (facultative reinsurance) được thực hiện khi cần thiết.
- Giám sát các chỉ báo rủi ro như số lượng khiếu nại liên quan đến quyết định thẩm định hoặc thời gian xử lý hồ sơ thẩm định.
- Hoạt động giải quyết bồi thường
 - Xây dựng quy trình xử lý minh bạch, hiệu quả.
 - Thiết lập dự phòng chi phí cho từng hồ sơ bồi thường một cách chính xác và đúng thời điểm, phản ánh đầy đủ các yếu tố liên quan đến tổn thất, bao gồm:
 - Thiệt hại tài sản của bên mua bảo hiểm
 - Trách nhiệm với bên thứ ba
 - Chi phí pháp lý hoặc chi phí bên ngoài khác
 - Giám sát chất lượng quyết định bồi thường và khiếu nại.
- Hoạt động quản lý tái bảo hiểm
 - Xây dựng chương trình tái bảo hiểm phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro.
 - Đảm bảo hợp đồng rõ ràng, có tính pháp lý.
 - Giám sát đối tác tái bảo hiểm, các khoản phải thu và rủi ro thanh khoản.

6.3 Giám sát và cải tiến liên tục:

- Thực hiện kiểm tra nội bộ, đánh giá định kỳ hiệu quả quản trị rủi ro.
- Áp dụng công tác kiểm tra khả năng chịu đựng rủi ro (stress testing) và phân tích kịch bản để đánh giá khả năng chống chịu.
- Cập nhật chính sách và quy trình theo biến động thị trường và hoạt động kinh doanh.

7. Vốn chủ sở hữu của ACB và các đơn vị góp vốn:

DVT: tỷ đồng

Thời điểm	Vốn chủ sở của ACB	Vốn chủ sở hữu của ACBA	Vốn chủ sở hữu của ACBS
31/12/2025	91.005,6	694,5	14.221,7

Dự kiến tại thời điểm hoàn tất việc thành lập công ty, vốn chủ sở hữu của ACB và đơn vị góp vốn sẽ được cải thiện, qua đó góp phần nâng cao năng lực tài chính và khả năng mở rộng hoạt động kinh doanh của toàn tập đoàn.

8. Thông tin chung của ACB (Công ty mẹ):

8.1 Chất lượng tài sản của ACB trong 12 tháng liền kề:

ACB luôn đảm bảo chất lượng danh mục cho vay lành mạnh. Với chiến lược phân tán rủi ro hiệu quả nhờ danh mục tập trung vào bán lẻ, tỷ lệ nợ xấu của ACB luôn ở dưới mức trung bình ngành, phản ánh tiêu chuẩn tín dụng tốt hơn so với bình quân ngành.

Tại thời điểm 31/12/2025, ACB duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,99%, trong đó tỷ lệ nợ xấu trên tổng mức cấp cũng được duy trì dưới mức 1%. Các chỉ số này khẳng định ACB kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, nằm trong top 3 tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất hệ thống. Kết quả phản ánh năng lực quản trị rủi ro vượt trội, giúp ACB luôn duy trì tăng trưởng tín dụng an toàn, bền vững.

Tỷ lệ nợ xấu trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị như sau:

STT	Thời điểm	Tỷ lệ nợ xấu
1	31/01/2025	1,63%
2	28/02/2025	1,69%
3	31/03/2025	1,49%
4	30/04/2025	1,52%
5	31/05/2025	1,53%
6	30/06/2025	1,27%
7	31/07/2025	1,23%
8	31/08/2025	1,19%
9	30/09/2025	1,12%
10	31/10/2025	1,09%
11	30/11/2025	1,09%
12	31/12/2025	0,99%

8.2 Tình hình chấp hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị:

ACB luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật và Nhà nước về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. ACB đã ban hành đầy đủ quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

8.3 Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong 24 tháng liền kề và tại thời điểm hoàn tất việc thành lập

ACB luôn tuân thủ ở mức cao các quy định của cơ quan Nhà nước về vốn. Cơ cấu nguồn vốn ổn định qua các năm và được bổ sung liên tục để gia tăng sức mạnh phòng vệ của vốn tự có. Đồng thời, tài sản có rủi ro cũng được kiểm soát tốt và tỷ lệ an toàn vốn luôn được duy trì trên mức quy định của cơ quan quản lý.

Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ trong 24 tháng liên kế như sau:

DVT: tỷ đồng

STT	Thời điểm	Vốn tự có	Tài sản có rủi ro	Tỷ lệ an toàn vốn
1	31/01/2024	62.182	521.999	11,91%
2	29/02/2024	63.326	533.009	11,88%
3	31/03/2024	64.839	557.545	11,62%
4	30/04/2024	65.897	551.824	11,94%
5	31/05/2024	67.461	571.742	11,79%
6	30/06/2024	65.216	580.697	11,23%
7	31/07/2024	66.267	588.507	11,26%
8	31/08/2024	67.611	600.430	11,26%
9	30/09/2024	68.827	608.623	11,30%
10	31/10/2024	70.549	614.030	11,48%
11	30/11/2024	71.949	616.065	11,67%
12	31/12/2024	75.335	642.685	11,72%
13	31/01/2025	73.050	640.271	11,40%
14	28/02/2025	74.211	644.087	11,52%
15	31/03/2025	74.838	674.437	11,09%
16	30/04/2025	76.402	685.027	11,15%
17	31/05/2025	77.790	680.903	11,42%
18	30/06/2025	75.146	722.049	10,40%
19	31/07/2025	75.928	721.192	10,52%
20	31/08/2025	77.237	734.759	10,51%

STT	Thời điểm	Vốn tự có	Tài sản có rủi ro	Tỷ lệ an toàn vốn
21	30/09/2025	78.805	729.057	10,80%
22	31/10/2025	80.362	747.200	10,75%
23	30/11/2025	81.268	752.927	10,79%
24	31/12/2025 (*)	82.023	742.572	11,04%

(*): Từ tháng 12/2025, tỷ lệ an toàn vốn được tính theo Thông tư 14/2025/TT-NHNN

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất trong 24 tháng liền kề như sau:

DVT: tỷ đồng

STT	Thời điểm	Vốn tự có	Tài sản có rủi ro	Tỷ lệ an toàn vốn
1	31/03/2024	71.680	579.655	12,36%
2	30/06/2024	70.665	599.139	11,79%
3	30/09/2024	74.472	628.206	11,85%
4	31/12/2024	79.862	675.593	11,82%
5	31/03/2025	82.581	701.774	11,76%
6	30/06/2025	82.310	750.048	10,97%
7	30/09/2025	84.314	759.854	11,09%
8	31/12/2025 (*)	95.055	762.908	12,45%

(*): Từ tháng 12/2025, tỷ lệ an toàn vốn được tính theo Thông tư 14/2025/TT-NHNN

- Sau khi hoàn tất việc thành lập, dự kiến tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ theo Thông tư 14/2025/TT-NHNN (TT14) đạt 11%, hợp nhất đạt ~12% trong năm 2026.

8.4 Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề và tại thời điểm hoàn tất việc thành lập

ACB luôn cố gắng tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 về giới hạn góp vốn, mua cổ phần. Cụ thể:

Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần luôn được kiểm soát chặt chẽ, không vượt quá 40% vốn điều lệ theo quy định hiện hành.

Việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư kém hiệu quả được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, góp phần đảm bảo an toàn tài chính và minh bạch trong hoạt động đầu tư.

Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần trong 24 tháng liên kế như sau:

DVT: tỷ đồng

STT	Thời điểm	Tổng mức vốn góp, mua cổ phần	Vốn điều lệ và Quỹ dự trừ bổ sung vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần
1	31/01/2024	7.759	41.523	18,69%
2	29/02/2024	7.759	41.523	18,69%
3	31/03/2024	7.759	41.523	18,69%
4	30/04/2024	7.759	42.300	18,34%
5	31/05/2024	7.759	42.300	18,34%
6	30/06/2024	7.759	48.126	16,12%
7	31/07/2024	7.759	48.126	16,12%
8	31/08/2024	7.759	48.126	16,12%
9	30/09/2024	7.759	48.126	16,12%
10	31/10/2024	7.759	48.126	16,12%
11	30/11/2024	7.759	48.126	16,12%
12	31/12/2024	7.759	48.126	16,12%
13	31/01/2025	10.759	48.126	22,36%
14	28/02/2025	10.759	48.126	22,36%
15	31/03/2025	11.885	48.126	24,70%
16	30/04/2025	11.887	49.734	23,90%
17	31/05/2025	12.388	49.734	24,91%
18	30/06/2025	12.323	56.434	21,84%
19	31/07/2025	12.318	56.434	21,83%
20	31/08/2025	12.311	56.434	21,81%
21	30/09/2025	12.311	56.434	21,81%
22	31/10/2025	12.311	56.434	21,81%

		không điều hành	
3	Ông Hiệp Van Vo	Thành viên HĐQT không điều hành	2023-2028
4	Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên HĐQT không điều hành	2023-2028
5	Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên HĐQT	2023-2028
6	Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên HĐQT độc lập	2023-2028
7	Bà Đặng Thu Thủy	Thành viên HĐQT không điều hành	2023-2028
8	Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên HĐQT không điều hành	2023-2028
9	Ông Đàm Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	2023-2028

9.4 Số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Ban kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Lĩnh vực phân công	Nhiệm kỳ
1	Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp	Trưởng Ban	Phụ trách chung về việc tổ chức và thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của BKS. Chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ.	2023-2028
2	Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên chuyên trách	Giám sát (i) theo dõi, cập nhật danh sách cổ đông lớn, thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và những người có liên quan; (ii) kiểm soát công tác hạch toán kế toán, kiểm soát tài sản; (iii) hoạt động kinh doanh chủ yếu và tuân thủ các chỉ tiêu an toàn vốn của Ngân hàng; (iv) việc thực hiện ban hành các văn bản nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật.	2023-2028
3	Bà Hoàng Ngân	Thành viên chuyên trách	Kiểm soát công tác hạch toán kế toán, hoạt động tài chính và thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng.	2023-2028

9.5 Số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Ban điều hành (Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng):

9.5.1 Ban Tổng giám đốc:

9.5.2
Kế

ST T	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Nhiệm kỳ
1	Ông Từ Tiến Phát	06/12/1974	Thạc sĩ	03 năm (14/01/2025- 13/01/2028) (ngày bổ nhiệm TGD lần đầu: 14/01/2022)
2	Ông Bùi Tấn Tài	09/09/1973	Thạc sĩ	03 năm (26/01/2024 - 25/01/2027) (ngày bổ nhiệm Phó TGD lần đầu: 01/02/2007)
3	Ông Đàm Văn Tuấn	04/12/1951	Thạc sĩ	Không áp dụng (ngày bổ nhiệm Phó TGD lần đầu: 04/09/2001)
4	Ông Nguyễn Đức Thái Hân	25/03/1967	Cử nhân	03 năm (26/01/2024 -25/01/2027) (ngày bổ nhiệm Phó TGD lần đầu: 01/08/2008)
5	Bà Nguyễn Thị Hai	04/04/1954	Cử nhân	Không áp dụng (ngày bổ nhiệm Phó TGD lần đầu: 11/08/2011)
6	Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	11/08/1965	Cử nhân	01 năm (01/09/2025 - 31/08/2026) (ngày bổ nhiệm Phó TGD lần đầu: 26/01/2015)
7	Ông Nguyễn Văn Hòa	01/06/1969	Thạc sĩ	05 năm (28/06/2024 - 27/06/2029) (ngày bổ nhiệm Phó TGD lần đầu: 12/01/2017)
8	Ông Nguyễn Khắc Nguyễn	13/10/1980	Thạc sĩ	03 năm (15/01/2023 - 14/01/2026) (ngày bổ nhiệm Phó TGD lần đầu: 15/01/2022)
9	Ông Ngô Tấn Long	26/08/1977	Thạc sĩ	03 năm (12/01/2024-11/01/2027) (ngày bổ nhiệm Phó TGD lần đầu: 12/01/2023)

toán trưởng:

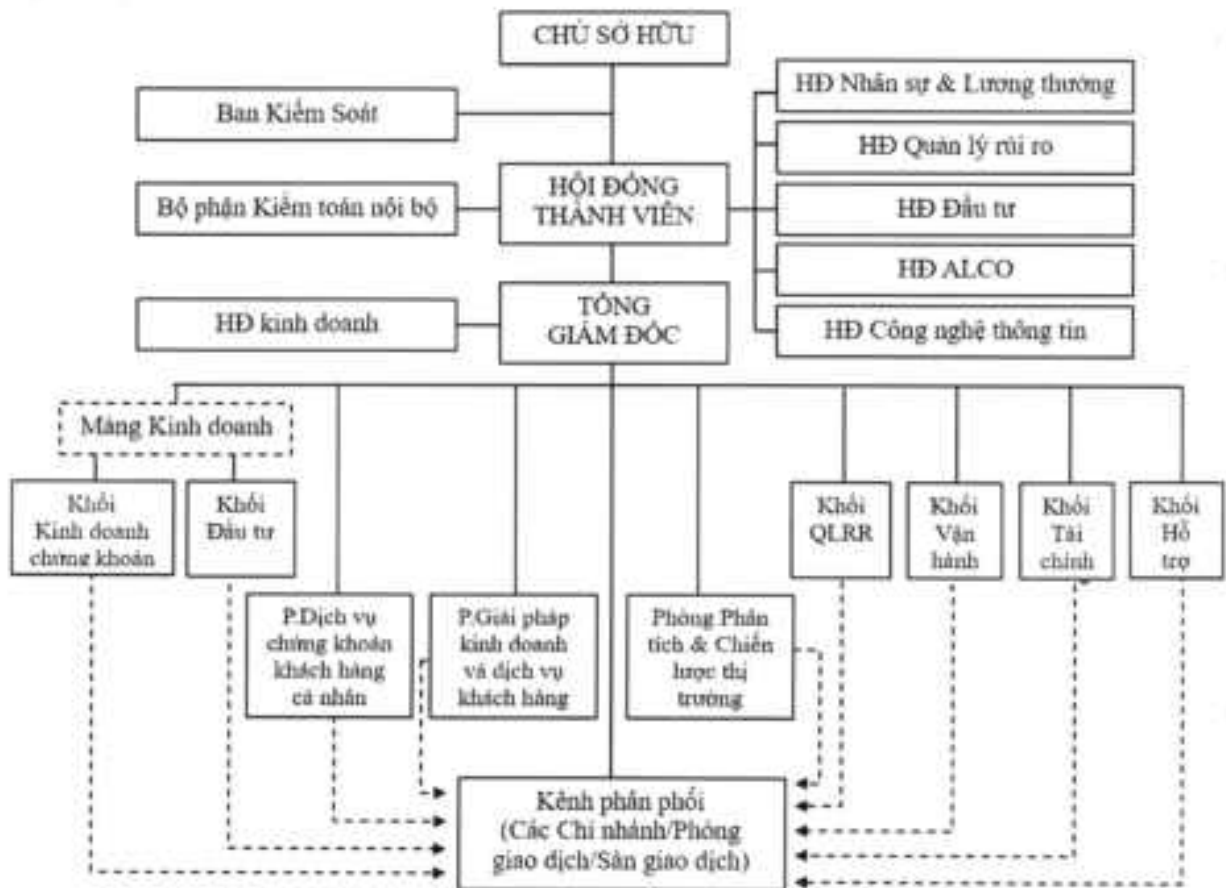
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Nhiệm kỳ
1	Bà Dương Thị Nguyệt	26/4/1974	Cử nhân	03 năm (13/4/2023 - 12/4/2026)

9.6 Cơ cấu tổ chức quản lý của đơn vị góp vốn:

9.6.1 Công ty TNHH Chứng khoán ACB:

STT	Hội đồng thành viên ACBS	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch Hội đồng thành viên	2023-2028
2	Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên	2023-2028
3	Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên Hội đồng thành viên	2023-2028
4	Ông Huỳnh Duy Sang	Thành viên Hội đồng thành viên	2023-2028

Sơ đồ tổ chức:

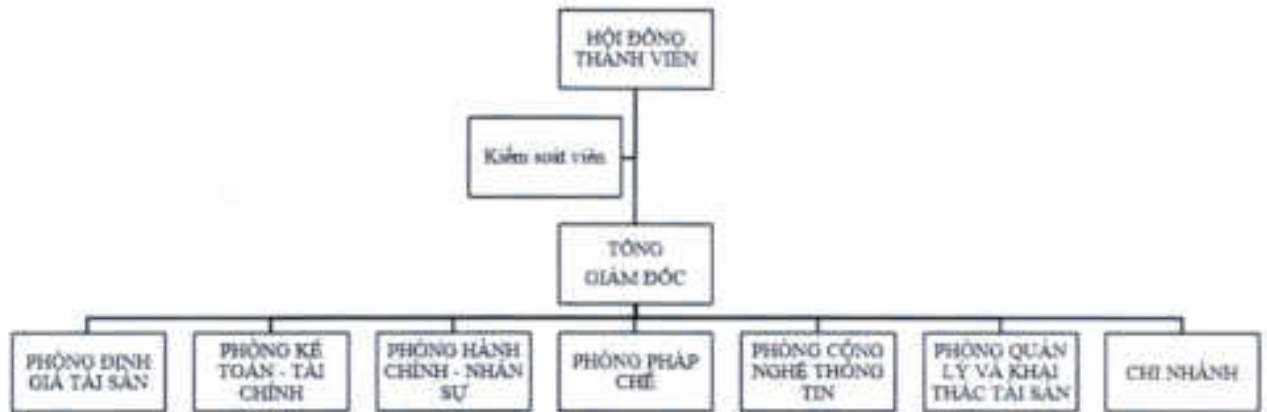


9.6.2 Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu:

STT	Hội đồng thành viên ACBA	Chức vụ	Nhiệm kỳ
-----	--------------------------	---------	----------

1	Ông Đỗ Khoa Hiệp	Chủ tịch Hội đồng thành viên	2025-2027
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên	2025-2027
3	Bà Phan Ái Thảo	Thành viên Hội đồng thành viên	2025-2027

Sơ đồ tổ chức:



10. Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của ACB Insurance sau khi được thành lập:

Không áp dụng do ACB Insurance dự kiến hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn.

11. Đánh giá tác động của việc thành lập công ty đến tình hình tài chính, quản trị, điều hành và hoạt động của Tập đoàn ACB:

- Mở rộng nguồn doanh thu:

- Việc thành lập ACB Insurance nhằm đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của toàn tập đoàn, mở rộng sang lĩnh vực bảo hiểm, từ đó chuyên môn hóa các lĩnh vực hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Tăng khả năng khai thác khách hàng hiện hữu thông qua bán chéo sản phẩm giữa ngân hàng và hệ sinh thái công ty con.
- Tạo thêm dòng doanh thu ổn định từ phí dịch vụ, hoa hồng, lợi nhuận đầu tư và các sản phẩm tài chính chuyên biệt.

- Gia tăng vị thế trên thị trường:

- Thành lập công ty bảo hiểm phi nhân thọ là bước đi chiến lược nhằm mở rộng phạm vi hoạt động của ACB sang lĩnh vực tài chính ngoài ngân hàng. Điều này không chỉ giúp đa dạng hóa nguồn thu mà còn cho phép chuyên môn hóa từng mảng hoạt động, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành trong từng lĩnh vực.

- Mở rộng hoạt động sang lĩnh vực bảo hiểm góp phần củng cố hình ảnh ACB như một tập đoàn tài chính đa năng, chuyên nghiệp và hiện đại, có khả năng cung cấp giải pháp tài chính toàn diện, đồng hành cùng khách hàng trong mọi giai đoạn phát triển cá nhân và kinh doanh.
- Công ty bảo hiểm sẽ đóng vai trò là một mắt xích quan trọng trong hệ sinh thái tài chính của ACB, góp phần tạo ra chuỗi giá trị khép kín, phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Việc tích hợp dịch vụ ngân hàng – bảo hiểm – đầu tư giúp ACB tạo lợi thế cạnh tranh rõ rệt so với các đối thủ đơn ngành.
- Thông qua công ty bảo hiểm, ACB đặt mục tiêu mở rộng thị phần trong các lĩnh vực tài chính phi ngân hàng, đặc biệt là bảo hiểm phi nhân thọ – một thị trường còn nhiều tiềm năng tăng trưởng. Dự kiến đạt thị phần trên 1,5% trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ sau 05 năm, góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của ACB trên thị trường tài chính Việt Nam.

- **Kỳ vọng hiệu quả kinh doanh của ACB Insurance:**

Với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, ACB Insurance tập trung xây dựng danh mục sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ phù hợp với từng phân khúc khách hàng, từ cá nhân đến doanh nghiệp. Đồng thời, công ty chú trọng nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua việc phát triển các kênh số, cung cấp dịch vụ hỗ trợ nhanh chóng, hiệu quả và cá nhân hóa, từ khâu tư vấn đến xử lý yêu cầu bồi thường.

Ngay từ năm đầu tiên thành lập, ACB Insurance đã xác định rõ định hướng chiến lược tập trung vào các sản phẩm bảo hiểm tài sản và cháy nổ và con người – những phân khúc có nhu cầu cao và biên lợi nhuận ổn định. **Doanh thu phí bảo hiểm** dự kiến tăng trưởng ở mức cao, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) trên 50%/năm, phản ánh khả năng khai thác hiệu quả thị trường mục tiêu và tận dụng lợi thế hệ sinh thái khách hàng của toàn tập đoàn. Song song đó, chương trình nhượng tái bảo hiểm được triển khai nhằm kiểm soát rủi ro từ các hợp đồng có giá trị lớn và sản phẩm mới với tỷ lệ nhượng tái/doanh thu bảo hiểm gốc duy trì ở mức hợp lý và ổn định, phù hợp với năng lực giữ lại rủi ro của công ty.

Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm dự kiến duy trì tỷ lệ cao trên doanh thu thuần với mục tiêu các sản phẩm được thiết kế có giá trị bảo vệ cao hơn, linh hoạt hơn, phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, quy trình chi trả bồi thường thực hiện nhanh chóng, minh bạch và công bằng, tăng cường sự hài lòng và gắn bó của khách hàng. **Tỷ lệ bồi thường** được xây dựng phù hợp mặt bằng thị trường theo từng nghiệp vụ (sức khỏe, xe cơ giới, tài sản/cháy nổ), có kịch bản cơ sở và kịch bản stress test nhằm đảm bảo khả năng chịu đựng rủi ro.

Biên lợi nhuận gộp từ hoạt động bảo hiểm dự kiến duy trì trên 20% trong giai đoạn 2026–2030 với mục tiêu nhất quán trong chiến lược thiết kế sản phẩm, định phí phù hợp với rủi ro, và năng lực kiểm soát tổn thất hiệu quả.

Hoạt động đầu tư được quản trị theo hướng thận trọng, ưu tiên an toàn và thanh khoản, góp phần đa dạng hóa nguồn thu và cải thiện hiệu quả tổng thể. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng dần qua các năm, đóng vai trò hỗ trợ ổn định cho kết quả kinh doanh bảo hiểm cốt lõi.

Với chiến lược đầu tư toàn diện vào vào hệ thống, công nghệ, số hóa và nhân sự được ưu tiên, dự kiến CIR duy trì > 40% qua các năm.

ACB Insurance được kỳ vọng đạt quy mô tài sản tăng trưởng mạnh, đạt khoảng 2.000 tỷ sau 5 năm hoạt động, năng lực tài chính được củng cố rõ nét, lợi nhuận trước thuế tăng dần theo quy mô hoạt động, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) duy trì ở mức cao trên 20%, phản ánh hiệu quả hoạt động và tiềm năng tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.

Tỷ lệ an toàn vốn:

- o ACB luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn cao hơn so với mức yêu cầu theo quy định hiện hành của NHNN.
- o Theo kế hoạch, sau khi hoàn tất việc thành lập công ty con, tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất dự kiến theo Thông tư 14/2025/TT-NHNN như sau:

Tỷ lệ an toàn vốn	2026	2027	2028	2029	2030
Riêng lẻ	11,20%	11,28%	11,28%	11,30%	11,28%
Hợp nhất	12,45%	12,48%	12,54%	12,56%	12,57%

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy